

**UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BẮC KẠN**



**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
GIÁO VIÊN TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG SƯ PHẠM
Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

Bắc Kạn, tháng 12 năm 2021

MỤC LỤC	Trang
PHẦN I. KHÁI QUÁT	4
1.1. Đặt vấn đề	4
1.1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá	4
1.1.2. Mục đích, quy trình tự đánh giá, phương pháp và công cụ đánh giá	5
1.2. Tổng quan chung	7
PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN VÀ TIÊU CHÍ	10
Tiêu chuẩn 1. MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU	10
Tiêu chuẩn 2. BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	14
Tiêu chuẩn 3. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC	22
Tiêu chuẩn 4. PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN TRONG DẠY VÀ HỌC	31
Tiêu chuẩn 5. TUYỂN SINH VÀ HỖ TRỢ NGƯỜI HỌC	36
Tiêu chuẩn 6. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA NGƯỜI HỌC	47
Tiêu chuẩn 7. ĐỘI NGŨ CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIẢNG VIÊN, GIÁO VIÊN VÀ NHÂN	61
Tiêu chuẩn 8. CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TRANG THIẾT BỊ	89
Tiêu chuẩn 9. BẢO ĐẢM VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG	96
Tiêu chuẩn 10. KẾT QUẢ ĐẦU RA	107
PHẦN III. KẾT LUẬN	113
BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	113
PHẦN IV. PHỤ LỤC	124

BẢNG CHỮ CÁI VIẾT TẮT

Chữ cái viết tắt	Ý nghĩa
BGH	Ban Giám hiệu
CB	Cán bộ
CĐR	Chuẩn đầu ra
CNTT	Công nghệ thông tin
CSVC	Cơ sở vật chất
CTDH	Chương trình dạy học
CTĐT	Chương trình đào tạo
ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
ĐCCT	Đề cương chi tiết
ĐH	Đại học
GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
GDDH	Giáo dục đại học
GDMN	Giáo dục mầm non
GV	Giảng viên
HTSV&QHDN	Hỗ trợ sinh viên và quan hệ doanh nghiệp
HV	Học viên
KHĐT	Khoa học và Đào tạo
KHCN	Khoa học công nghệ
KTĐG	Kiểm tra đánh giá
KTX	Ký túc xá
NCKH	Nghiên cứu khoa học
NVSP	Nghiệp vụ sư phạm
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
PP	Phương pháp
PPGD	Phương pháp giảng dạy
PVCD	Phục vụ cộng đồng
SV	Sinh viên
TTTV	Thông tin - Thư viện
TS	Tiến sĩ
THPT	(Trường) Trung học phổ thông
THSP	(Trường) Thực hành sư phạm

PHẦN I. KHÁI QUÁT

1.1. Đặt vấn đề

1.1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá

Từ khi thành lập đến nay, Trường Cao đẳng Bắc Kạn luôn luôn kiên trì với mục tiêu chất lượng; lấy việc đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo nói chung, đào tạo giáo viên nói riêng làm kim chỉ nam cho mọi hoạt động của Nhà trường. Có thể nói, trong lịch sử phát triển, dù ở giai đoạn nào, thời điểm nào, Trường Cao đẳng Bắc Kạn vẫn luôn luôn giữ gìn, phát huy truyền thống đào tạo sư phạm của mình.

Khoa Sư phạm của Trường Cao đẳng Bắc Kạn mới được thành lập từ năm 2020, trên cơ sở Khoa Sư phạm của Trường Cao đẳng Cộng đồng Bắc Kạn. Ngành Sư phạm mầm non của Trường Cao đẳng Bắc Kạn bắt đầu đào tạo từ năm học 2010 – 2011 và đã cung cấp cho xã hội hàng ngàn giáo viên mầm non chính quy, góp phần to lớn vào sự nghiệp phát triển Giáo dục mầm non (GDMN) của khu vực Đông Bắc và cả nước.

Khoa Sư phạm là một trong những đơn vị của Nhà trường sớm quan tâm đến hoạt động đảm bảo chất lượng. Vì thế, chất lượng đào tạo của khoa được đảm bảo và không ngừng được nâng cao, trở thành một địa chỉ đáng tin cậy trong đào tạo giáo viên tiểu học, giáo viên mầm non. Tập thể CB, giảng viên (GV) của Khoa đã ý thức được một cách sâu sắc tầm quan trọng của kiểm định chất lượng giáo dục, nhất là kiểm định chương trình đào tạo (CTĐT). Do đó, trong quy trình kiểm định CTĐT, Khoa đã thực hiện nghiêm túc việc tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành GDMN.

Cấu trúc của báo cáo tự đánh giá CTĐT bao gồm 4 phần:

+ **Phần I:** Khái quát, mô tả ngắn gọn mục đích, quy trình tự đánh giá CTĐT, phương pháp (PP) và công cụ đánh giá để cung cấp thông tin về bối cảnh của hoạt động tự đánh giá (TĐG) nhằm giúp người đọc hiểu rõ hơn nội dung của báo cáo TĐG. Đồng thời, phần này cũng mô tả sự tham gia của các bên liên quan (các khoa, ban, phòng, giảng viên, nhân viên, người học, ...), cách thức tổ chức các thành phần này tham gia hoạt động TĐG CTĐT.

+ **Phần II:** Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí với các tiêu mục là:

(1) Mô tả: Phân tích chung về toàn bộ tiêu chuẩn và chỉ ra các minh chứng cụ thể;

(2) Những điểm mạnh: Tóm tắt những điểm mạnh nổi bật của CTĐT trong việc đáp ứng các yêu cầu của tiêu chí của CTĐT;

(3) Những tồn tại: Phân tích và chỉ ra tóm tắt những điểm hạn chế của CTĐT trong việc đáp ứng các yêu cầu của tiêu chí;

(4) Kế hoạch cải tiến chất lượng: Kế hoạch phát huy mặt mạnh, khắc phục những tồn tại đã nêu trong phần phân tích trên

(5) Tự đánh giá: Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT giáo viên trình độ cao đẳng sư phạm và trung cấp sư phạm ban hành kèm theo Thông tư số 02/2020/TT- BGDĐT của Bộ GD&ĐT.

+ **Phần III. Kết luận:** Tóm tắt những điểm mạnh và những điểm cần phát huy của CTĐT (tổng hợp theo từng tiêu chuẩn); Tóm tắt những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của CTĐT (tổng hợp theo từng tiêu chuẩn); Kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT: khắc phục những tồn tại và kế hoạch cải tiến chất lượng theo các vấn đề đã nêu trong phần Tóm tắt những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của CTĐT; và tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT.

+ **Phần IV: Phụ lục** theo công văn Số: 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Bộ GD&ĐT, bao gồm cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT, các quyết định, văn bản liên quan khác và danh mục minh chứng.

Mục đích, quy trình tự đánh giá, phương pháp và công cụ đánh giá

*** Mục đích tự đánh giá CTĐT:**

TĐG CTĐT là quá trình để Trường Cao đẳng Bắc Kạn tự xem xét, nghiên cứu dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ GD&ĐT ban hành để đánh giá các điểm mạnh, điểm yếu của Nhà trường trong công tác ĐT, nghiên cứu khoa học (NCKH) và chuyển giao công nghệ nhằm đề ra kế hoạch, biện pháp cụ thể để từng bước cải tiến, nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo, NCKH và dịch vụ xã hội. Từ đó tiến hành điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm đạt tiêu chuẩn chất lượng đào tạo (CLĐT), từng bước xây dựng Trường trở thành đơn vị ĐT, nghiên cứu và thực hành có uy tín trong tỉnh, khu vực và cả nước.

Hoạt động TĐG CTĐT còn thể hiện tính tự chủ và tính tự chịu trách nhiệm của Trường trong toàn bộ hoạt động đào tạo, NCKH, dịch vụ xã hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu của Nhà trường. Từ đó, đăng kí kiểm định chất lượng CTĐT với tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục.

Quy trình tự đánh giá: Quy trình TĐG được thực hiện gồm các bước chính như sau:

Bước 1: Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành GDMN

Bước 2: Lập kế hoạch tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành GDMN

Bước 3: Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng

Bước 4: Xử lý, phân tích các thông tin, minh chứng thu được

Bước 5: Viết báo cáo tự đánh giá

Bước 6: Công bố báo cáo TĐG trong toàn trường để đọc và góp ý kiến; rà soát, hoàn thiện báo cáo TĐG;

Bước 7: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành TĐG.

Bước 8. Đăng ký đánh giá ngoài.

Nội dung chính của Báo cáo TĐG CTĐT ngành GDMN dựa theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT ban hành kèm theo Thông tư số: 02/2020/TT-BGDĐT, ngày 05/02/2020 do Bộ GD&ĐT ban hành. CTĐT ngành GDMN được đánh giá dựa trên 10 tiêu chuẩn, với 44 tiêu chí.

Trong đó, Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra; Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo; Tiêu chuẩn 3: cấu trúc và nội dung chương trình dạy học; Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học; Tiêu chuẩn 5: Tuyển sinh và hỗ trợ người học; Tiêu chuẩn 6: Đánh giá kết quả học tập của người học; Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên và nhân viên; Tiêu chuẩn 8: Cơ sở vật chất và trang thiết bị; Tiêu chuẩn 9: Bảo đảm và nâng cao chất lượng và Tiêu chuẩn 10: Kết quả đầu ra.

Hội đồng tự đánh giá CTĐT được thành lập theo Quyết định Số: 553 ngày 19 tháng 11 năm 2020 và được kiện toàn lần cuối theo Quyết định số 321/QĐ-CĐSP ngày 22 tháng 07 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường CĐ Bắc Kạn. Hội đồng gồm có 09 thành viên (Phụ lục 2).

Giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá gồm có: Ban Thư ký gồm 17 thành viên được chia thành 7 nhóm công tác chuyên trách, có nhóm trưởng là thành viên của Hội đồng TĐG và được thành lập theo Quyết định Số: 553 ngày 19 tháng 11 năm 2020 và được kiện toàn lần cuối theo Quyết định số 321/QĐ-CĐSP ngày 22 tháng 07 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường CĐ Bắc Kạn (Phụ lục 3).

Phương pháp và bộ công cụ đánh giá: Quá trình TĐG CTĐT ngành GDMN của trường CĐSPYB được thực hiện dựa trên bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT gồm 10 tiêu chuẩn với 44 tiêu chí theo Thông tư số 02/2020/TT-BGDĐT, ngày 05/02/2020 do Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT giáo viên trình độ cao đẳng sư phạm và trung cấp sư phạm.

Đối với mỗi tiêu chí đánh giá được tiến hành xem xét theo trình tự sau:

Mô tả, làm rõ thực trạng của CTĐT;

Phân tích, giải thích, so sánh, đối chiếu để đưa ra những nhận định, chỉ ra những điểm mạnh, điểm hạn chế và những biện pháp khắc phục;

Lập kế hoạch hành động để cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT.

Quá trình TĐG CTĐT được tiến hành một cách khách quan, trung thực, công khai và minh bạch; các giải thích, nhận định, kết luận được đưa ra đều dựa trên các minh chứng cụ thể, rõ ràng, đủ độ tin cậy. Trong quá trình thực hiện TĐG, bên cạnh các thành viên trong Hội đồng TĐG, Ban Thư ký và các nhóm

công tác chuyên trách; Nhà trường đã huy động phần lớn GV, viên chức của Trường và một số cá nhân, đơn vị liên quan trong trường tham gia phối hợp, hỗ trợ các nhóm công tác của Hội đồng để triển khai tự đánh giá CTĐT.

Phương pháp mã hóa minh chứng:

Mã minh chứng (MC) được ký hiệu bằng công thức sau: [Hn.a.b.c] Trong đó:

H: viết tắt “Hộp minh chứng” (MC của mỗi tiêu chuẩn được tập hợp trong 1 hộp hoặc một số hộp).

n: số thứ tự của hộp MC được đánh số từ 1 đến hết.

a: số thứ tự của tiêu chuẩn, ghi bằng 2 ký tự (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10)

b: số thứ tự của tiêu chí, ghi bằng 2 ký tự (tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 10 viết 10)

c: số thứ tự của MC theo từng tiêu chí (từ 01, 02, ... cho đến hết)

Ví dụ:

[H1.01.01.01]: là MC thứ nhất của tiêu chí 1 thuộc tiêu chuẩn 1, được đặt ở hộp 1; [H09.10.05.12]: là MC thứ 12 của tiêu chí 5 thuộc tiêu chuẩn 10, được đặt ở hộp 9.

1.2. Tổng quan chung

Trường Cao đẳng Bắc Kạn là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh Bắc Kạn chịu sự quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, hoạt động theo Điều lệ trường cao đẳng và quy định của pháp luật, có con dấu và biểu tượng riêng.

Trường Cao đẳng Bắc Kạn được thành lập năm 2020 trên cơ sở sáp nhập Trường Cao đẳng Cộng đồng Bắc Kạn vào Trường Cao đẳng Nghề Dân tộc Nội trú Bắc Kạn và đổi tên thành trường Cao đẳng Bắc Kạn theo Quyết định số 49/QĐ-BLĐTBXH ngày 14/01/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Tổ chức bộ máy nhà trường sau khi sáp nhập có 09 phòng, khoa, trung tâm. Số người làm việc của Trường Cao đẳng Bắc Kạn có 140 người trong đó gồm 72 Nam và 68 Nữ trong đó 98 viên chức, 08 hợp đồng lao động theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP và 34 hợp đồng. Về trình độ có 57 thạc sỹ, 56 đại học và 28 trình độ khác.

Định hướng phát triển của Trường Cao đẳng Bắc Kạn sau khi thành lập: Xây dựng Trường cao đẳng Bắc Kạn là trường đa ngành nghề và đa lĩnh vực, có chất lượng chuẩn đầu ra ở tầm quốc gia và dần vươn tới tầm khu vực.

Nhà trường chú trọng đào tạo và cung cấp các sản phẩm dịch vụ theo nhu cầu thị trường hiện tại và trong tương lai. Đào tạo gắn liền với doanh nghiệp và tiếp tục

tuyển sinh các mã ngành nghề đã đăng ký. Đẩy mạnh liên kết trong đào tạo và liên kết hợp tác với doanh nghiệp để mở các ngành nghề đào tạo đáp ứng nhu cầu nguồn lực của địa phương trong từng giai đoạn.

Sau khi sáp nhập Trường sẽ tập đào tạo các ngành nghề thuộc các lĩnh vực: Công nghệ kỹ thuật; kỹ thuật điện, điện tử; Nông lâm nghiệp; Du lịch, Khách sạn và dịch vụ cá nhân: Kế toán - Kiểm toán, quản trị doanh nghiệp và Lĩnh vực Sư phạm (ngành giáo dục mầm non).

Hướng tới giáo dục nghề nghiệp phù hợp với cách mạng 4.0 và nhu cầu hội nhập, quản trị nhà trường chuyên nghiệp, theo hướng quy trình hóa và ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý.

Nhà trường mới thành lập lại chịu ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, song tập thể nhà trường đã đoàn kết, nỗ lực, hoàn thành cơ bản các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

Ngay từ đầu năm, nhà trường đã thành lập Hội đồng tuyển sinh và xây dựng kế hoạch tư vấn hướng nghiệp, tuyển sinh. Trong năm, trường tuyển sinh được 289 chỉ tiêu hệ cao đẳng và trung cấp chính quy; hệ sơ cấp tuyển sinh được 571 học viên học lái xe ô tô. Ngoài ra, trường ký kết hợp tác với các doanh nghiệp tư vấn du học và xuất khẩu lao động, điều này giúp giải quyết việc làm cho học sinh sau tốt nghiệp được đi làm việc tại các thị trường có thu nhập cao như Đài Loan, Nhật Bản, Hàn Quốc.

Công tác quản lý đào tạo được nhà trường chú trọng triển khai thông qua việc xây dựng kế hoạch đào tạo ngay từ đầu năm học, tổ chức dạy và học đúng tiến độ. Trường cũng chỉnh sửa chương trình đào tạo, hoàn thiện thủ tục đăng ký lại các nghề sau sáp nhập trường; phối hợp với nhà tài trợ Dự án VIE/034, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp nhằm tranh thủ nguồn vốn đầu tư hoàn thiện cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo phục vụ dạy và học... Cùng với đó là quan tâm thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực giáo viên; phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức hội thi giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh đạt kết quả cao, đồng thời tiếp tục tạo điều kiện cho giáo viên học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ...

Đối với giáo dục mầm non, nhà trường đã thực hiện tốt nề nếp dạy và học; thực hiện xét tốt nghiệp cho sinh viên K17 (khóa học 2017-2020), kết quả tốt nghiệp loại xuất sắc chiếm 1,58%, loại giỏi chiếm 20,6%, loại khá chiếm 71,43%...

Công tác đào tạo hệ giáo dục thường xuyên cấp THPT được tổ chức thực hiện nghiêm. Trường đã phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức kỳ thi nghề phổ thông năm học 2019-2020 và kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia đúng quy định. Kết quả đỗ tốt nghiệp lớp 12 của trường đạt 91,8%. Năm học 2020-2021, trường tuyển sinh được 423 học sinh với 10 lớp.

Đối với công tác đào tạo liên kết, trường phối hợp quản lý và duy trì các lớp liên kết hệ vừa học vừa làm theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, thực

hiện liên kết đào tạo hệ đại học và cao học. Năm 2020, trường tuyển sinh được 249 học viên hệ đại học liên thông.

Công tác nghiên cứu khoa học được đẩy mạnh. Trong năm, tổ chức nghiệm thu 41 công trình khoa học (gồm các đề tài, sáng kiến, tập bài giảng, bộ đề thi...).

Công tác tuyên truyền phòng, chống dịch Covid-19 cho học sinh, sinh viên được chú trọng triển khai. Nhà trường thực hiện phun tiêu độc, khử trùng lớp học, phòng làm việc và khuôn viên trường, đồng thời thực hiện đo thân nhiệt, phát khẩu trang y tế...; tổ chức khám sức khỏe đầu khóa học cho học sinh, khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên.

Tuy nhiên, do những điều kiện khách quan nên việc triển khai một số hoạt động của nhà trường còn gặp một số khó khăn. Trường mới được thành lập, cần tập trung ổn định tổ chức bộ máy, nhân sự, xây dựng các quy chế, quy định hoạt động, do đó ảnh hưởng không nhỏ đến thực hiện nhiệm vụ trong năm. Do tình hình dịch Covid-19 nên một số hoạt động chậm tiến độ. Quy mô đào tạo thuộc nhóm ngành Sư phạm tiếp tục giảm, do nhu cầu học ngành Sư phạm giảm và từ năm 2020, nhà trường chỉ còn đào tạo Sư phạm Mầm non theo Luật Giáo dục mới. Công tác tuyển sinh cao đẳng khối giáo dục nghề nghiệp gặp nhiều khó khăn...

Để thực hiện tốt các hoạt động trong năm 2021, nhà trường sẽ tập trung thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ trong lãnh đạo, chỉ đạo. Đẩy mạnh truyền thông nhằm quảng bá, giới thiệu về giáo dục nghề nghiệp và hoạt động của nhà trường. Tiếp tục bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy. Tăng cường công tác cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý và giảng dạy. Tăng cường công tác quản lý, giáo dục chính trị tư tưởng trong học sinh, sinh viên

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN VÀ TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn 1

MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mở đầu

Khoa Sư phạm được thành lập theo Quyết định số 09/QĐ-CĐBK ngày 30/3/2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Bắc Kạn. Hiện nay Khoa Sư phạm - Trường Cao đẳng cộng đồng là địa chỉ tin cậy thực hiện nhiệm vụ chính là đào tạo đội ngũ giáo viên bậc tiểu học, mầm non cho địa phương. Sau khi sáp nhập, ngoài nhiệm vụ tiếp tục đào tạo giáo viên cao đẳng sư phạm mầm non cho tỉnh, Khoa Sư phạm - trường Cao đẳng Bắc Kạn còn đào tạo học sinh bậc THPT hệ GDTX với số lượng học sinh tham gia học tập tương đương số lượng học sinh học khối giáo dục nghề nghiệp của trường.

Với đội ngũ giảng viên nhiệt tình, đã có nhiều năm công tác, Khoa Sư phạm luôn hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Hằng năm, Khoa luôn đạt danh hiệu tập thể lao động tiên tiến. CTĐT trình độ cao đẳng ngành GDMN được xây dựng theo hướng tiếp cận năng lực trên cơ sở khung chương trình do Bộ GD&ĐT ban hành với các quy định, hướng dẫn của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên. CTĐT đã thể hiện được quy định về CDR của CTĐT, bao trùm kiến thức, kỹ năng chuyên ngành, nhóm ngành, khối ngành và theo lĩnh vực. Các mục tiêu CDR được xây dựng phản ánh rõ ràng sứ mạng và tầm nhìn, mục tiêu giáo dục của Nhà trường.

Tiêu chí 1.1: Mục tiêu của Chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục.

1. Mô tả

Căn cứ vào mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục 2019: Đào tạo trình độ cao đẳng giúp SV nắm vững kiến thức chuyên môn và có kỹ năng thực hành thành thạo, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo. Mục tiêu của CTĐT ngành GDMN được xác định rõ ràng bản mô tả CTĐT [H2.02.01.02] với các yêu cầu chặt chẽ về hình thức, mục tiêu, yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng và có sự điều chỉnh theo từng giai đoạn để gắn với tầm nhìn và sứ mệnh của Nhà trường [H1.01.01.01]. Cụ thể, mục tiêu của CTĐT ngành GDMN hiện nay là SV sau khi tốt nghiệp CTĐT trình độ cao đẳng ngành GDMN có kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành, có khả năng hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện và phát triển các hoạt động nghề nghiệp liên quan đến GDMN trong bối cảnh hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế. [H1.01.01.01].

GV trong Khoa Sư phạm đều tìm hiểu, nắm vững tinh thần về Kế hoạch chiến lược của nhà trường và đã thể hiện vào tất cả các khâu của quá trình đào tạo, đặc biệt là xây dựng CTĐT. CTĐT được rà soát, điều chỉnh thường xuyên để phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng của Nhà trường. Khoa Sư phạm - Trường Cao đẳng Bắc Kạn là địa chỉ tin cậy thực hiện nhiệm vụ chính là đào tạo đội ngũ giáo viên Mầm non cho địa phương [H1.01.01.01]. Đặc biệt từ năm 2020, sau khi sáp nhập, Khoa Sư phạm đã tổ chức xây dựng và triển khai đổi mới CTĐT ngành GDMN theo tiếp cận năng lực [H1.01.03.01] đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động hiện nay. Mục tiêu của CTĐT ngành GDMN phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học quy định tại Luật Giáo dục đại học. Mục tiêu đào tạo được cụ thể hóa thành tiến trình đào tạo, kế hoạch đào tạo, luôn được điều chỉnh, cập nhật và phát triển theo hướng hiện đại hóa, quốc tế hóa, đáp ứng nhu cầu xã hội, nâng cao hiệu quả của phương thức đào tạo tín chỉ và quy mô phát triển của Khoa, của Trường. [H3.03.01.01].

2. Điểm mạnh

Mục tiêu của CTĐT ngành GDMN được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường Cao đẳng Bắc Kạn, phù hợp với mục tiêu của giáo dục cao đẳng, đại học. Mục tiêu được định kỳ rà soát và cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo theo từng năm học, từng học kỳ.

3. Điểm tồn tại

Việc khảo sát định kỳ lấy ý kiến đóng góp của các chuyên gia, các bên liên quan về mục tiêu của CTĐT ngành GDMN chưa được tiến hành một cách hệ thống, sâu, rộng.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, Hội đồng khoa học nhà trường sẽ tổ chức đánh giá, rà soát mục tiêu của CTĐT theo hướng phù hợp hơn với sứ mạng, tầm nhìn của Trường Cao đẳng Bắc Kạn với Luật Giáo dục đại học và đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu xã hội, xu hướng phát triển của tỉnh nhà và các tỉnh lân cận. Định kỳ rà soát và cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo theo từng năm học, từng học kỳ.

5. Tự đánh giá tiêu chí 1: Đạt

Tiêu chí 1.2: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo

1. Mô tả

Khoa Sư phạm đã tổ chức xây dựng CĐR của CTĐT theo đúng quy trình được hướng dẫn trong các văn bản của Trường Cao đẳng Bắc Kạn về việc điều chỉnh và hoàn thiện CTĐT, đáp ứng yêu cầu của đào tạo tín chỉ giai đoạn 2020 - 2025, đào tạo tín chỉ theo tiếp cận năng lực người học. Các hoạt động cụ thể mà Khoa đã thực hiện là: thành lập nhóm chuyên gia biên soạn, khảo sát thị trường lao động [H1.01.01.05], dự thảo CĐR, lấy ý kiến của các bên có liên quan về CĐR, [H1.01.02.04].

CĐR của CTĐT ngành GDMN được xây dựng và ban hành năm 2021. CĐR được xây dựng chi tiết, rõ ràng thông qua 3 yếu tố cốt lõi mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp: kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp; vì vậy người dạy và người học dễ dàng xác định và thực hiện mục tiêu học tập và giảng dạy. CĐR của CTĐT cao đẳng sư phạm ngành GDMN đã phản ánh được thế mạnh đào tạo chuyên sâu của ngành về đào tạo giáo viên sư phạm mầm non. CĐR của CTĐT được công bố rộng rãi trên website của Trường [H1.01.02.07]. CTĐT đã nêu rõ kết quả học tập mong đợi, mô tả rõ ràng các tiêu chí về kiến thức, kỹ năng và trách nhiệm nghề nghiệp cần đạt được sau quá trình đào tạo.

CĐR của CTĐT ngành GDMN bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT [H1.01.02.04]. Cụ thể:

Về kiến thức cơ sở ngành, CTĐT ngành GDMN trang bị cho người học những kiến thức cơ bản liên quan đến các hiểu biết về lý luận chính trị, kiến thức tâm lý học trong hoạt động nghề nghiệp, ngoại ngữ (chuẩn Tiếng Anh trình độ B1 khung châu Âu), sử dụng công nghệ thông tin trong học tập, hoạt động nghề nghiệp và nghiên cứu (Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản).

Những kiến thức chuyên ngành trang bị cho SV xác định và nắm vững khối kiến thức nền tảng của ngành GDMN và của từng chuyên ngành chuyên sâu về phương pháp tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển toàn diện cho trẻ mầm non, như: chăm sóc nuôi dưỡng trẻ, phát triển ngôn ngữ, phát triển nhận thức, phát triển thể chất, phát triển thẩm mỹ và công tác quản lý trong giáo dục mầm non ... Từ đó, SV vận dụng và sử dụng sáng tạo các kiến thức chuyên ngành vào việc rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp.

Trong khối kiến thức phát triển hoạt động nghề nghiệp, SV được trang bị kiến thức lập kế hoạch dạy học và giáo dục; kỹ năng thực hiện và đánh giá các hoạt động dạy học và giáo dục, thực tập nghề nghiệp, triển khai quy trình thực tập nghề nghiệp, áp dụng các giải pháp thực tập nghề nghiệp hiệu quả, đánh giá và cải tiến hoạt động nghề nghiệp. CĐR của các học phần đã phủ khắp trong nội dung CĐR của CTĐT.

CĐR ngành GDMN xác định rõ ràng những kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp mà SV phải đạt được. Về kỹ năng nghề nghiệp, SV phải có khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề trong khoa học giáo dục mầm non; khả năng

nghiên cứu và khám phá tri thức; khả năng tư duy hệ thống trong giáo dục mầm non. Bên cạnh đó, sinh viên có kỹ năng thử nghiệm, nghiên cứu và khám phá tri thức cũng được chú trọng trong CĐR ngành GDMN. Cụ thể, SV phải có kỹ năng cập nhật kiến thức, tổng hợp tài liệu, phân tích và xử lý thông tin, trải nghiệm sáng tạo, thích nghi môi trường làm việc khác nhau. CĐR ngành GDMN cũng xác định những phẩm chất cá nhân và đạo đức nghề nghiệp như: Yêu nghề; thích nghi với nghề nghiệp; tác phong khoa học, chuyên nghiệp trong công việc; tự chủ và tự chịu trách nhiệm, ý thức phấn đấu, phát triển nghề nghiệp; thương yêu, tôn trọng, đối xử công bằng với trẻ mầm non.

Đồng thời, SV ngành Giáo dục mầm non có kỹ năng làm việc nhóm, bao gồm kỹ năng triển khai thành lập nhóm, hoạt động nhóm, lãnh đạo hoạt động nhóm; kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình; giao tiếp bằng văn bản, giao tiếp đa phương tiện.

Nhóm CĐR cuối cùng mà SV cần đạt liên quan đến năng lực hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện và phát triển hoạt động nghề nghiệp trong môi trường xã hội và tổ chức nhà trường mầm non. Liên quan đến nhận thức bối cảnh xã hội và giáo dục, SV phải xác định được vai trò và trách nhiệm của giáo viên mầm non, phân tích ảnh hưởng của GDMN đối với xã hội, phân tích tác động của xã hội đối với giáo dục tiểu học, hiểu biết lịch sử văn hóa địa phương, xác định vai trò GDMN trong bối cảnh toàn cầu hóa. SV nhận thức bối cảnh nhà trường như: nhận diện bối cảnh giáo dục của nhà trường, hiểu biết về vai trò, chức năng, hoạt động của nhà trường, xác định được các chiến lược, mục tiêu và kế hoạch của nhà trường.

CĐR quy định SV hình thành được ý tưởng hoạt động nghề nghiệp, liên quan đến năng lực xác định nhu cầu và thiết lập các mục tiêu hoạt động nghề nghiệp, xác định chức năng, nguyên tắc tổ chức, nội dung và quy trình hoạt động nghề nghiệp, phác thảo kế hoạch hoạt động nghề nghiệp; năng lực xây dựng phương án liên quan đến thiết kế mục tiêu chương trình giáo dục cụ thể, khả thi; xây dựng kế hoạch giáo dục, thiết kế kế hoạch đánh giá sự tiến bộ của trẻ, thiết kế nguồn học liệu; thực hiện được kế hoạch chăm sóc - giáo dục trẻ, giải quyết tình huống giáo dục, lập và quản lý hồ sơ chăm sóc - giáo dục theo nhóm lớp ở trường mầm non. CĐR còn chú trọng đến năng lực đánh giá chương trình GDMN, đánh giá sự phát triển của trẻ; cải tiến chương trình GDMN [H1.01.02.03]. Dựa vào đó, CTĐT xây dựng được bộ công cụ đánh giá người học khi tốt nghiệp phù hợp với mức độ đạt được CĐR của CTĐT.

2. Điểm mạnh

CĐR của CTĐT ngành GDMN được xây dựng theo một quy trình khoa học, chặt chẽ, theo tiếp cận phát triển phát triển năng lực, được mô tả cụ thể, rõ ràng, phản ánh được mục tiêu của CTĐT và được thường xuyên rà soát, bổ sung điều chỉnh, đảm bảo tính đo lường và đánh giá được. CĐR của CTĐT thiết kế phát huy

tính chủ động, sáng tạo của SV. SV có điều kiện phát triển kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp cũng như đạo đức cá nhân lành mạnh, tinh thần tập thể, tôn trọng cá nhân.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CĐR của CTĐT chưa được thường xuyên.

Khoa chỉ thực hiện rà soát và điều chỉnh CĐR của CTĐT theo hướng dẫn, quy định của Nhà trường mà chưa chủ động thực hiện công việc này theo từng năm học.

Việc cập nhật, đổi mới CTĐT tương ứng với sự thay đổi CĐR theo phương thức đào tạo mới là cần thiết, tuy nhiên CĐR của CTĐT trình độ Cao đẳng hiện nay của ngành Giáo dục mầm non năm 2021 mới bắt đầu xây dựng.

4. Kế hoạch hành động

Bắt đầu từ năm học 2020 - 2021, Khoa Sư phạm phối hợp với Phòng Đào tạo sẽ tổ chức rà soát lại CĐR của từng học phần, lấy ý kiến phản hồi thường xuyên và đầy đủ của các bên liên quan về CTĐT, CĐR, xây dựng các báo cáo phân tích dữ liệu phục vụ rà soát, chỉnh sửa CTĐT. Thực hiện đánh giá và đề xuất CĐR của toàn bộ CTĐT theo hướng hiện đại hóa, cập nhật, tiếp cận năng lực và đáp ứng yêu cầu xã hội.

5. Tự đánh giá tiêu chí 1.2: Đạt

Tiêu chí 1.3: Chuẩn đầu ra của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.

1. Mô tả

Quá trình thẩm định CĐR của CTĐT ngành GDMN đã tiếp nhận ý kiến đóng góp, nhận xét của các chuyên gia trong và ngoài trường cùng với những ý kiến của các SV, cựu SV, các nhà tuyển dụng. Trên cơ sở đề xuất một bản danh mục CĐR phù hợp với thực tiễn xã hội, CĐR ngành GDMN đã được Hội đồng chuyên môn cấp khoa, cấp trường thông qua, nghiệm thu và được Trường phê chuẩn, ra quyết định thực hiện [H1.01.02.02]. Sau nhiều lần điều chỉnh, CĐR phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, ngày càng cụ thể, rõ ràng hơn, đáp ứng được yêu cầu của các bên liên quan. Trong quá trình xây dựng, điều chỉnh CTĐT, Khoa Sư phạm đã khảo sát và thu thập ý kiến các bên liên quan gồm: các nhà quản lý, giảng viên, SV, cựu SV, các chuyên gia và nhà tuyển dụng về các kết quả mong đợi sau đào tạo dựa trên danh mục CĐR, cấu trúc CTĐT [H1.01.02.04].

CTĐT phản ánh được cơ bản yêu cầu của tất cả các đối tượng có liên quan, thông qua danh mục các CĐR về mặt kiến thức, kỹ năng, thái độ làm việc, cơ hội nghề nghiệp khi tốt nghiệp và hệ thống mục tiêu cụ thể của từng học phần [H1.01.03.04].

CĐR của CTĐT được công bố công khai tới các cán bộ GV và người học, nhà sử dụng lao động trên website của Nhà trường, khi quảng bá tuyển sinh, cẩm nang SV, đợt sinh hoạt công dân đầu khóa [H1.01.03.05].

2. Điểm mạnh

Chuẩn đầu ra CTĐT ngành GDMN được xây dựng có các bên liên quan tham gia, được định kỳ rà soát và công bố công khai cho SV ngay từ năm thứ nhất, và luôn được thể hiện cụ thể trong từng năm học (từ năm thứ nhất đến năm thứ ba) và từng học phần cụ thể.

3. Điểm tồn tại

Khoa Sư phạm đã thực hiện quy trình xây dựng CĐR, đã tham khảo, lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan nhưng số lượng nhà tuyển dụng, chuyên gia giáo dục tham gia công tác xây dựng và rà soát CĐR của CTĐT nhưng chưa nhiều.

4. Tự đánh giá tiêu chí 1.4: Đạt

Kết luận về tiêu chuẩn 1

Mục tiêu của CTĐT ngành GDMN đã xác định rõ ràng, hướng vào đào tạo chuyên sâu, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội. Mục tiêu được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo theo từng năm học, từng học kỳ và được quán triệt đến từng cán bộ GV nhằm hoàn thành tốt nhất mục tiêu đề ra.

CĐR của CTĐT được thiết kế phát huy năng lực chủ động, sáng tạo của SV, đồng thời tạo môi trường thuận lợi cho SV chủ động trong học tập, tìm hiểu thông tin và nhận hỗ trợ từ phía GV hoặc cố vấn học tập. Qua đó, SV có điều kiện phát triển kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp cũng như phẩm chất cá nhân cần thiết.

CĐR ngành GDMN được công bố công khai đến các bên liên quan với nhiều hình thức khác nhau, đặc biệt được phổ biến cho SV ngay từ năm thứ nhất, và luôn được thể hiện cụ thể trong từng năm học (từ năm thứ nhất đến năm thứ ba), ở từng học phần cụ thể.

Tuy nhiên, việc rà soát, điều chỉnh và cập nhật mục tiêu, CĐR của CTĐT mới được thực hiện theo hướng dẫn, quy định của Nhà trường; số lượng nhà tuyển dụng, chuyên gia giáo dục tham gia công tác xây dựng và rà soát CĐR của CTĐT còn chưa nhiều; Khoa Sư phạm sẽ cố gắng chủ động tiến hành công việc này theo từng năm học, tạo nhiều kênh thông tin để tạo thuận lợi cho việc trao đổi, hợp tác với các đối tác, sự phản hồi của cựu SV, SV.

Căn cứ vào mức độ đạt được của các tiêu chí, hội đồng Tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành GDMN tự đánh giá tiêu chuẩn 1 có 3/3 tiêu chí đạt

Tiêu chuẩn 2

MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mở đầu

Bản mô tả CTĐT ngành GDMN được xây dựng trên cơ sở chương trình khung của trường Cao đẳng Bắc Kạn. Bản mô tả CTĐT được rà soát, bổ sung hàng năm (2020, 2021) theo các quy định, hướng dẫn để phù hợp với mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường, của Khoa Sư phạm; được công bố công khai, dễ tiếp cận, gắn với nhu cầu của người học, nhu cầu xã hội. Bản mô tả CTĐT ngành GDMN cung cấp các thông tin về chương trình, kết quả học tập mong đợi, cấu trúc khóa học, CDR của toàn bộ chương trình và của từng học phần cụ thể, bản tổng hợp các học phần, các tiêu chí/yêu cầu tuyển sinh, đề cương học phần cũng như các thông tin chi tiết về phương pháp tiếp cận trong dạy, học, kiểm tra, đánh giá học phần.

Tiêu chí 2.1: Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật thường xuyên

1. Mô tả

Bản mô tả CTĐT đầy đủ thông tin và cập nhật những vấn đề mới nhất có liên quan hàng năm một lần và được xây dựng dựa trên các văn bản pháp lí:

- Luật Giáo dục 2019;

- Thông tư số 29/2018/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên, quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp và trình độ cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên;

- Thông tư 26/2018/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non;

- Thông tư 24/2019/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, trình độ Cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên;

Bản mô tả CTĐT được Khoa Sư Phạm thiết kế dựa trên chương trình khung ngành GDMN của Bộ GD&ĐT, thực tế của địa phương và Trường Cao đẳng Bắc Kạn. Bản mô tả CTĐT ngành GDMN cung cấp đầy đủ, cụ thể các thông tin về CTĐT như tên chương trình, mã ngành đào tạo, thời gian đào tạo, tên văn bằng, tên cơ sở đào tạo, mục tiêu và CDR về kiến thức, kỹ năng, trách nhiệm nghề nghiệp của CTĐT, quy mô tuyển sinh, đối tượng tuyển chọn, chương trình khung, kế hoạch đào tạo [H2.02.01.01].

Kết quả điều tra ý kiến của các GV, chuyên gia tham gia giảng dạy CTĐT của ngành GDMN, SV năm cuối ngành GDMN đã đánh giá bản mô tả CTĐT có đầy đủ các thông tin cần thiết để SV có thể thiết lập kế hoạch, lộ trình học tập theo mong muốn [H1.01.02.06].

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT ngành GDMN cung cấp các thông tin một cách đầy đủ và tường minh.

Bản mô tả CTĐT thường xuyên được điều chỉnh, cập nhật theo các xu hướng đào tạo và nghiên cứu tiếp cận năng lực về lĩnh vực GDMN.

Cấu trúc bản mô tả chương trình rõ ràng, tuân thủ theo các quy định của Bộ GD&ĐT và hướng dẫn của Trường Cao đẳng Bắc Kạn; cụ thể hóa trong các đề cương chi tiết (ĐCCT) học phần của CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Quá trình cập nhật CTĐT tham chiếu và đối sánh với CTĐT trong nước chưa có; thông tin phản hồi từ các bên liên quan làm cơ sở cho việc cập nhật chưa phong phú.

Bản mô tả CTĐT chưa có kết quả học tập dự kiến, cấu trúc khoa học, thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt CDR của CTĐT.

4. Kế hoạch hành động

Từ tháng 01/2022 đến tháng 12/2022, Khoa Sư phạm phối hợp với phòng Đào tạo sẽ tổ chức rà soát, đánh giá và điều chỉnh, bổ sung bản mô tả CTĐT. Tiếp tục cập nhật Bản mô tả CTĐT ngành GDMN cung cấp các thông tin một cách đầy đủ và tường minh hơn

5. Tự đánh giá tiêu chí 2.1: Đạt

Tiêu chí 2.2: Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật thường xuyên

1. Mô tả

Đề cương các học phần trong CTĐT từ năm 2020 được trình bày theo biểu mẫu của Nhà trường ban hành phù hợp với yêu cầu của Bộ GD&ĐT. Ngành GDMN đã tổ chức xây dựng đề cương các học phần theo quy định dựa vào cấu trúc, nội dung CTĐT. Tất cả đề cương môn học/học phần được định kỳ rà soát, bổ sung/điều chỉnh/cập nhật ít nhất 1 năm 1 lần, đặc biệt là cập nhật thông tin về nội dung các môn học/học phần, danh mục tài liệu. Đề cương các học phần thuộc CTĐT được xây dựng dựa trên đề cương chi tiết Chương trình đào tạo hệ Cao đẳng sư phạm ngành GDMN [H1.01.01.03] và đạt yêu cầu về khối lượng kiến thức tối thiểu, năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp. Mục tiêu của CTĐT

được cụ thể hóa và thể hiện ở các mục tiêu và CĐR của từng học phần. [H1.01.01.04].

(1) Thông tin chung về chương trình đào tạo: Tên chương trình đào tạo, ngành đào tạo, trình độ đào tạo.

(2) Thông tin chung về học phần: tên học phần, mã học phần, số tín chỉ, loại học phần (bắt buộc/tự chọn...), giờ tín chỉ đối với các hoạt động dạy học (lý thuyết/bài tập/thực hành/thảo luận/tự học ...), giảng viên giảng dạy học phần

(3) Mục tiêu học phần: mô tả cụ thể mục tiêu kiến thức, kỹ năng, mục tiêu thái độ và năng lực tự chủ, trách nhiệm.

(4) Mô tả vắn tắt nội dung học phần: giúp người học hình dung tổng thể các nội dung chính và logic của các phần nội dung học phần.

(5) Nội dung chi tiết của học phần: nêu rõ từng chương, mục, có thể chi tiết đến 3 mức độ nhận thức.

(6) Học liệu: danh mục học liệu được phân thành giáo trình chính và các tài liệu tham khảo phục vụ nhu cầu đọc thêm và tự nghiên cứu.

(7) Kế hoạch giảng dạy dự kiến và hình thức tổ chức dạy học mô tả lịch trình chung.

(8) Quy định đối với học phần và yêu cầu khác đối với giảng viên

(9) Thông tin phê duyệt của đơn vị và Nhà trường.

CTĐT, bản mô tả CTĐT [H2.02.01.02] công bố năm 2021 gồm 48 học phần với 100 tín chỉ. Mỗi học phần đều có số tín chỉ được xác định bằng một mã số riêng do Trường Cao đẳng Bắc Kạn quy định và có đầy đủ các nội dung theo quy định:

1) Thông tin chung về học phần/môn học: tên học phần/môn học, mã học phần/môn học, số tín chỉ, số tiết giảng dạy (lý thuyết - bài tập - thực hành), trình độ đào tạo, điều kiện để học học phần/môn học.

2). Mô tả học phần: nêu vị trí của học phần trong tổng thể chương trình đào tạo, các nội dung cơ bản và những kỹ năng chính được đề cập trong học phần, đóng góp của học phần trong sự phát triển năng lực của người học.

3). Mục tiêu của học phần và CĐR của học phần: các mục tiêu của học phần được tham chiếu với các CĐR của CTĐT kèm theo thang năng lực mong đợi.

4). Đánh giá học phần: mô tả các thành phần đánh giá quá trình và đánh giá cuối kỳ, tham chiếu với các CĐR của học phần tương ứng với từng phương thức đánh giá và tỷ lệ (trọng số) đánh giá. Đánh giá quá trình mỗi học phần thường bao gồm 3 thành phần: (i) Ý thức học tập, (ii) Hồ sơ học tập: bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài báo cáo, đồ án ...; (iii) Đánh giá định kỳ: các bài tập kiểm tra giữa kỳ gồm các hình thức khác nhau như trắc nghiệm online, tự luận.

5). Nội dung và kế hoạch dạy học học phần: bao gồm (i) Nội dung giảng dạy được trình bày theo chương, mục tham chiếu với CĐR và các bài đánh giá tương ứng ; (ii) kế hoạch giảng dạy được mô tả theo từng tuần, nêu rõ các nội dung và hình thức tổ chức dạy học, nội dung tự học và nghiên cứu của SV, tham chiếu với các CĐR và các bài đánh giá; (iii) Phương tiện hỗ trợ dạy học: nêu rõ các trang thiết bị, điều kiện đặc thù để thực hiện các bài dạy của học phần.

6). Học liệu học tập: bao gồm 1 giáo trình chính và các tài liệu, học liệu tham khảo, mang tính cập nhật.

7). Quy định của học phần

8). Phụ trách học phần: nêu rõ đơn vị được nhà trường phân công phụ trách học phần

9). Thông tin phê duyệt đề cương chi tiết học phần

Với những thông tin và cách mô tả như trên, cả GV và SV đều nắm vững nội dung và mức độ yêu cầu cũng như các hướng dẫn cần thiết để thực hiện một cách chủ động các hoạt động dạy học, đảm bảo đạt CĐR mong muốn. Theo yêu cầu của đề cương học phần, mỗi SV sẽ có một hồ sơ học phần bao gồm các minh chứng về hoạt động học tập và kết quả tương ứng, giúp cho việc đánh giá mức độ đạt CĐR có cơ sở rõ ràng và minh bạch.

Đề cương chi tiết có đầy đủ mọi thông tin cần thiết giúp cho các đơn vị chức năng dễ dàng hơn trong việc quản lý chất lượng và phục vụ đào tạo, đáp ứng các yêu cầu của môn học, đồng thời giúp các bên liên quan có thông tin đầy đủ và minh bạch về môn học để giám sát quá trình đào tạo của chương trình.

Đề cương học phần được chuẩn hóa trong toàn bộ CTĐT. Việc xây dựng đề cương học phần theo CĐR được rà soát, cập nhật và báo cáo đầy đủ. [H2.02.03.02]. Đề cương học phần trong CTĐT được rà soát định kỳ, bổ sung, điều chỉnh cập nhật theo kế hoạch của nhà trường.

2. Điểm mạnh

Đề cương của 100% tất cả học phần cung cấp thông tin đầy đủ và tường minh, được chuẩn hóa theo quy định của Trường Cao đẳng Bắc Kạn, hỗ trợ cho người dạy, người học, người quản lý và các bộ phận liên quan đến đào tạo, cũng như các bên liên quan giám sát.

Tất cả đề cương học phần liên tục được cập nhật, đáp ứng xu thế phát triển hiện nay trên thế giới và trong nước về lĩnh vực GDMN. Mọi thông tin liên quan đến học phần, cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra, đánh giá của học phần đều được cung cấp đầy đủ để SV đưa ra lựa chọn hợp lý cho lộ trình, kế hoạch học tập của bản thân theo từng học kỳ, từng năm và trong toàn khóa học.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến phản hồi của SV về học phần chưa đồng bộ ở tất cả các học phần, việc phân tích dữ liệu đánh giá kết quả học tập của SV chưa được tiến hành sâu đến các khối kiến thức trong mỗi học phần để có cơ sở cải tiến, điều chỉnh nội dung cụ thể và kế hoạch dạy học của từng học phần.

4. Kế hoạch hành động

Bắt đầu từ năm học 2021 - 2022, khoa Sư phạm phối hợp với các Phòng Ban chức năng liên quan hướng dẫn GV lấy ý kiến phản hồi của SV về học phần; tiếp tục phân tích dữ liệu thi, kiểm tra và đánh giá sâu sát hơn, cũng cấp thông tin cho người dạy để điều chỉnh đề cương chi tiết; rà soát lại đề cương và biên soạn mới đề cương các học phần sau khi điều chỉnh khung CTĐT theo hướng tiếp cận năng lực. Bổ sung, cập nhật và nâng cấp hệ thống học liệu, hệ thống bài giảng, giáo trình phục vụ chương trình đào tạo.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 2.3: Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận

1. Mô tả

Sau khi CTĐT kèm theo CDR ngành GDMN được Trường Cao đẳng Bắc Kạn ban hành năm 2021, Khoa Sư phạm đã công bố công khai cho người học và GV nội dung của CTĐT và đề cương các học phần bằng nhiều hình thức khác nhau: giới thiệu cho SV khóa mới; công bố công khai trên website của Nhà trường, trong các thông báo của Nhà trường cho CB và SV, niêm yết công khai bản mô tả CTĐT tại các bảng tin để các bên liên quan trong và ngoài trường đều có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT và bản đề cương học phần một cách dễ dàng và thuận tiện nhất [H2.02.03.01-02]. Những điều chỉnh đều được cập nhật đầy đủ để CB, SV và những người có nhu cầu tìm hiểu về ngành học biết và thực hiện [H2.02.03.03].

Việc sử dụng và công bố bản mô tả CTĐT và các đề cương học phần bằng nhiều hình thức, nhiều kênh thông tin khác nhau như trên đã giúp cho SV nắm được các học phần có thể đăng ký học trong một kỳ học, xác định đúng kế hoạch học tập, lộ trình học tập trong cả năm học và cả khóa học.

Bản mô tả CTĐT và đề cương học phần đều được phản biện bởi các chuyên gia trong và ngoài trường, được Hội đồng KHĐT của Khoa cho ý kiến. CTĐT đi kèm bản mô tả CTĐT và các đề cương học phần định kỳ được điều chỉnh dựa trên việc thu thập ý kiến của các nhà tuyển dụng, cựu SV, SV năm cuối... [H2.02.03.04].

Để nhất quán trong quản lý, triển khai, điều hành và thực hiện dạy CTĐT một cách đồng bộ, các bộ phận liên quan như Phòng Đào tạo, Trung tâm TH -TN, Trung tâm ĐBCL, Trưởng các Khoa/Viện, Trưởng Bộ môn, trợ lý đào tạo khoa

Giáo dục và các khoa/viện có tham gia giảng dạy đều có bản in toàn văn mô tả CTĐT.

2. Điểm mạnh

Mọi thông tin trong bản mô tả và đề cương học phần trong CTĐT ngành GDMN (mục tiêu, CDR, cấu trúc, nội dung, PP kiểm tra, đánh giá ...) đều được công bố công khai và dễ tiếp cận. Đề cương chi tiết được thường xuyên rà soát, cập nhật, bổ sung về nội dung, học liệu.

3. Điểm tồn tại

Các bên liên quan như cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, cựu SV chưa tiếp cận với bản mô tả CTĐT và ĐCCT các học phần qua nhiều kênh thông tin khác nhau.

4. Kế hoạch hành động

Bắt đầu từ năm học 2021 - 2022, mở rộng phạm vi, đối tượng lấy ý kiến đánh giá từ các nhà tuyển dụng, GV trong và ngoài khoa, cựu SV và SV năm cuối về CTĐT nói chung, về bản mô tả CTĐT và đề cương học phần.

Giới thiệu cụ thể, chi tiết CTĐT và các học phần đến từng GV, SV. Tiếp tục công khai CTĐT đến các cựu GV, các nhà quản lý giáo dục, lãnh hội tích cực ý kiến các bên quan để tiếp tục phát triển CTĐT.

5. Tự đánh giá tiêu chí 2.3 : Đạt

Kết luận tiêu chuẩn 2

Các thông tin trong bản mô tả CTĐT ngành GDMN được công bố rõ ràng, đầy đủ và tường minh. Bản mô tả CTĐT thường xuyên được điều chỉnh, cập nhật theo các xu hướng đào tạo và nghiên cứu mới về lĩnh vực GDMN. Quá trình bổ sung, điều chỉnh của khoa đều dựa trên nhiều nguồn thông tin khác nhau như từ đóng góp, xây dựng của khoa, cựu SV, GV, các đơn vị tuyển dụng, các nhà chuyên môn. Bản mô tả CTĐT được cụ thể hóa trong các đề cương học phần của chương trình. Đề cương của các học phần được chuẩn hóa theo quy định của Trường Cao đẳng Bắc Kạn. Mọi thông tin liên quan đến bản mô tả CTĐT, đến học phần, cấu trúc, nội dung, phương pháp KTĐG, ... của học phần đều được cung cấp đầy đủ để SV lựa chọn hợp lý cho lộ trình, kế hoạch học tập của bản thân theo từng học kỳ, từng năm và toàn khóa học; được công bố công khai và dễ tiếp cận.

Mặc dầu vậy, vẫn còn một số tồn tại như sau: Việc ban hành và thông tin bản mô tả CTĐT và các đề cương học phần tới các bên có liên quan vẫn chưa được thực hiện một cách bài bản và chuyên nghiệp; Phạm vi, đối tượng lấy ý kiến phản hồi chưa rộng.

Căn cứ vào mức độ đạt được của các tiêu chí, hội đồng Tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành GDMN tự đánh giá tiêu chuẩn 2 có 3/3 tiêu chí đạt.

Tiêu chuẩn 3

CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

Mở đầu

Cấu trúc của CTĐT trình độ cao đẳng ngành GDMN được thiết kế hợp lý và hệ thống, tuân thủ theo các văn bản quy định về xây dựng CTĐT của Nhà trường với các yêu cầu chặt chẽ về hình thức, mục tiêu, yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng và năng lực hoạt động nghề nghiệp liên quan đến ngành GDMN trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế. Các PP dạy và học, KTĐG kết quả học tập được sử dụng hiệu quả nhằm đảm bảo người học đạt được CĐR của từng học phần và CĐR của CTĐT. Chủ đề và nội dung các học phần được cấu trúc khoa học, logic, theo trình tự từ thấp lên cao và mang tính tích hợp, linh hoạt, thể hiện tính khoa học của toàn bộ CTĐT. Đồng thời, CTĐT của ngành GDMN liên tục được rà soát định kỳ 2 năm/ lần nhằm đảm bảo tính phù hợp và cập nhật ở từng học phần cụ thể cũng như CTĐT tổng thể.

CTĐT bao gồm mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể. Mục tiêu tổng quát nhấn mạnh việc đào tạo SV có kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành; có khả năng hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện và phát triển các hoạt động nghề nghiệp liên quan đến GDMN trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế. Mục tiêu tổng quát được thể hiện thông qua 4 mục tiêu cụ thể: (1) Kiến thức và lập luận ngành; (2) Kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp; (3) Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp; (4) Năng lực hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện và phát triển hoạt động nghề nghiệp trong bối cảnh xã hội và giáo dục.

Tiêu chí 3.1: Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra

1. Mô tả

CTĐT ngành GDMN được Khoa Sư phạm xây dựng dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm. Tính đến thời điểm CTĐT được thẩm định, Khoa đã nhiều lần xây dựng, điều chỉnh CTĐT giáo viên mầm non các hệ (chính quy, vừa làm vừa học). Các văn bản và thực tiễn căn cứ để xây dựng là: Chương trình khung của Bộ GD&ĐT, Chương trình Giáo dục bậc mầm non, tham khảo CTĐT của các trường đào tạo giáo viên mầm non (Trường CĐSP Hà Nội); tiếp nhận phản hồi của các trường mầm non - đơn vị trực tiếp sử dụng người học do khoa đào tạo. CTĐT ngành GDMN được xây dựng theo các qui định hiện hành do Bộ GD&ĐT ban hành. [H3.03.03.10].

Để xây dựng CTĐT cho các bậc học, ngành học, Nhà trường đã dựa trên chương trình khung của Bộ GD&ĐT ban hành, các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, trách nhiệm nghề nghiệp cũng như mức độ đòi hỏi về kiến thức ngành đối với ngành Sư phạm mầm non. CTĐT hiện đại, cập nhật, cung cấp cho người học nhiều thông tin về ngành GDMN [H3.03.01.02]. Chương trình sau khi xây dựng

được đánh giá và nghiệm thu cấp khoa, cấp trường và được công bố công khai trên website của Trường.

Chương trình dạy học (CTDH) được xây dựng trên cơ sở đề cương chi tiết, CĐR và bản mô tả CTĐT đã được điều chỉnh theo hướng dẫn của Trường, bao gồm các nội dung:

- Mục tiêu đào tạo
- CĐR của ngành và CĐR của mỗi học phần
- Nội dung đào tạo
- Phương pháp kiểm tra, đánh giá người học, thời lượng đào tạo của ngành và của mỗi học phần.

Trong chương trình có kế hoạch phân bố các học phần theo từng học kì, có tiến trình đào tạo để thể hiện quá trình thực hiện giảng dạy. Cụ thể với ngành GDMN trình độ cao đẳng, thời gian đào tạo là 3 năm, 6 học kì. Trong mô tả học phần, ĐCCT mỗi học phần đều xác định điều kiện tiên quyết đối với học phần đó nhằm giúp người học có kế hoạch học tập cụ thể.

Bên cạnh đó, thực hiện CĐR, chương trình CTDH được thiết kế gồm các khối kiến thức: kiến thức chung, khối kiến thức cơ sở ngành, khối kiến thức chuyên ngành, khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm, Thực tập sư phạm, Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp. Trong đó, khối kiến thức giáo dục đại cương chiếm 23%, khối kiến thức cơ sở ngành chiếm 13 %, kiến thức chuyên ngành 10 %, khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm 39%, Thực tập sư phạm 10%, Học phần thay thế khóa luận 5%. Cụ thể:

Bảng 3.1

Tỉ lệ phần trăm các khối kiến thức, kĩ năng, các học phần bắt buộc, tự chọn trong cấu trúc chương trình dạy học

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ bắt buộc	Số tín chỉ tự chọn	Tổng số tín chỉ	Tỉ lệ (%)
1	Khối kiến thức giáo dục đại cương	23	0	23	23%
2	Khối kiến thức cơ sở ngành	13	0	13	13%
3	Khối kiến thức chuyên ngành	10	0	10	10%
4	Khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm	39	06	33	39%
5	Thực tập sư phạm	10	0	10	10%
6	Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp	05	0	05	5%
Tổng		100	6	106	100

CTDH được thiết kế dựa trên CĐR. Cụ thể là CTDH được thiết kế dựa vào Bảng đối sánh chuẩn đầu ra với mục tiêu đào tạo. Đối với từng học phần (môn học) sau khi hoàn thành CTDH, Hội đồng Đào tạo, khoa yêu cầu GV trong các bộ môn tổ chức rà soát CTDH với CĐR của CTĐT ngành Giáo dục mầm non. CTDH được cụ thể hóa trong chương trình đào tạo chi tiết với các thông tin về đơn vị đào tạo; thông tin về học phần; thông tin về tổ chức dạy và học; mục tiêu, nội dung, phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá học phần, giáo trình sử dụng và danh mục tài liệu tham khảo.

Sau nhiều lần điều chỉnh, CTDH của ngành GDMN đã thể hiện tính chất thực tiễn, hiện đại và cập nhật. Toàn bộ các học phần được xây dựng dựa trên CĐR tổng thể chương trình, trong đó nhấn mạnh đến các CĐR về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm. Các phương pháp giảng dạy, tự học và tự nghiên cứu, phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của người học ở tất cả các học phần trong CTĐT phù hợp và đảm bảo triết lý dạy học với phương thức đào tạo tiếp cận năng lực thể hiện rõ trong bố cục, nội dung cụ thể của chương trình. Trên tinh thần đó, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học đa dạng theo hướng dạy học khám phá, hoạt động hóa người học, phương pháp dạy học theo dự án, dạy học hợp tác nhóm.... Kiểm tra, đánh giá phối hợp giữa trắc nghiệm và tự luận, bài kiểm tra, bài tập lớn..., đồng thời có sự hỗ trợ của các phần mềm dạy học và quản lý học tập.

2. Điểm mạnh

CTDH được thiết kế dựa trên CĐR của ngành Giáo dục mầm non có mục tiêu cụ thể, rõ ràng, có cấu trúc hợp lý, có tính hệ thống, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm. Nhờ vào bảng phân nhiệm giảng dạy và trình độ năng lực giữa các học phần và CĐR nên các nội dung giảng dạy và mục tiêu của các học phần trong CTĐT có sự gắn kết hợp lý. Việc trang bị kiến thức, kỹ năng và năng lực cho người học không chồng chéo giữa các học phần.

Gắn kết được cơ sở đào tạo với yêu cầu của nhà tuyển dụng, từ đó thu hẹp khoảng cách giữa đào tạo của Nhà trường và yêu cầu của nhà sử dụng nguồn nhân lực; giúp người học phát triển toàn diện với các “kỹ năng cứng” và “kỹ năng mềm” để nhanh chóng thích ứng với môi trường làm việc luôn thay đổi và thậm chí là đi đầu trong việc thay đổi đó; giúp CTĐT được xây dựng và thiết kế theo một quy trình chuẩn; các công đoạn quá trình đào tạo có tính liên thông và gắn kết khoa học chặt chẽ; gắn phát triển CTĐT với chuyển tải và đánh giá hiệu quả giáo dục cao đẳng (GDCE), góp phần nâng cao chất lượng GDCE.

3. Điểm tồn tại

CTDH được thiết kế cho các khoá trước khoá 20 (trước 2019) chưa phân nhiệm vụ cụ thể các mục tiêu và trình độ năng lực cho từng học phần cho nên khi thực hiện CTĐT còn chồng chéo về việc trang bị kiến thức, kỹ năng và năng lực cho người học. Ngoài ra một số CTDH trước 2020 khi thiết kế chưa bám sát CĐR nên chưa cụ thể hóa được các mục tiêu và năng lực cần đạt sau khi kết thúc học

phần. Ví dụ một số CTDH các học phần thuộc Khối kiến thức cơ sở ngành chưa làm rõ năng lực về kiến thức môn học tương ứng mà SV cần đạt sau khi kết thúc mỗi học phần trong CTĐT để tốt nghiệp ngành Giáo dục mầm non. Việc xác định tổ hợp các phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV trong nhiều học phần thuộc CTĐT chưa hoàn toàn phù hợp với yêu cầu của CĐR.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021 - 2022, Khoa Sư phạm tiến hành rà soát CTDH của các học phần trong CTĐT ngành GDMN, cụ thể là so sánh đối chiếu các mục tiêu về kiến thức, kỹ năng, năng lực và trách nhiệm trong CTDH với các chuẩn về kiến thức, kỹ năng, năng lực và trách nhiệm trong CĐR thông qua Bảng đối sánh chuẩn đầu ra với mục tiêu đào tạo, đặc biệt là các học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành.

5. Tự đánh giá tiêu chí 3.1: Đạt (Mức đạt 5/7)

Tiêu chí 3.2: Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng

1. Mô tả

Các học phần trong CTĐT ngành GDMN có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được chuẩn đầu ra. Các học phần xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR. Nội dung các học phần trong CTDH thể hiện việc có khả năng đạt được CĐR và được lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan (đặc biệt từ phía nhà tuyển dụng lao động, cựu người học) cho nội dung các học phần/môn học trong CTDH. [H3.03.02.01].

Mỗi học phần trong CTĐT ngành GDMN được cụ thể hóa bằng các mục tiêu và được thể hiện thông qua nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy. [H3.03.02.02].

CĐR về kiến thức gồm khối kiến thức giáo dục đại cương, khối kiến thức cơ sở ngành, khối kiến thức chuyên ngành, khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm, khối kiến thức tự chọn, thực tập sư phạm, học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp. Ở khối kiến thức giáo dục đại cương, để đạt được CĐR, chương trình được thiết kế với các học phần: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lênin I, II, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối Cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, Tiếng Anh 1, 2, 3, Pháp luật – Quản lý hành chính nhà nước và Quản lý ngành, Tin học cơ bản, Giáo dục thể chất, cung cấp cho người học những kiến thức về tư tưởng đạo đức, về tình hình chính trị, văn hóa, xã hội của đất nước, về ngành sư phạm. Học phần Giáo dục thể chất giúp người học tăng cường và nâng cao sức khỏe. Học phần Tiếng Anh, Tin học cung cấp cho người học kiến thức về ngoại ngữ, tin học.

Sau khi hoàn thành khối kiến thức giáo dục đại cương trong CTDH, người học có hiểu biết hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa tư tưởng Hồ Chí Minh; chủ động tích cực giải quyết các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội theo đúng chủ trương đường lối của Đảng, Nhà nước và ngành Giáo dục; có thói quen rèn luyện sức khỏe để phát triển thể lực, tầm vóc; đạt CĐR về ngoại ngữ, tin học theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT.

Ở khối kiến thức cơ sở ngành, để đạt CĐR, chương trình được thiết kế với các học phần: Tâm lý học mầm non, Mỹ thuật và đồ chơi, Âm nhạc, Phát triển chương trình Giáo dục Mầm non, Ứng dụng Công nghệ thông tin trong Giáo dục Mầm non cung cấp cho người học những kiến thức cơ sở mang tính chất tiền đề của ngành học. Người học sẽ có những hiểu biết ban đầu về ngành học và quản lí ngành học, tâm sinh lí lứa tuổi trẻ mầm non; kiến thức và kĩ năng tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ. Cũng ở khối kiến thức này, người học được trang bị hiểu biết căn bản về NCKH, biết cách tìm hiểu, sàng lọc và phát hiện các vấn đề cần nghiên cứu; biết cách tiến hành NCKH.

Ở khối kiến thức chuyên ngành và Kiến thức nghiệp vụ sư phạm, để đạt CĐR, chương trình được thiết kế với các học phần cung cấp kiến thức về phương pháp, kĩ thuật dạy học các môn học ở nhà trường mầm non và tổ chức cho sinh viên thực hành sư phạm. Học các học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, SV được trang bị những kĩ năng cơ bản, cần thiết để có thể tổ chức các hoạt động chăm sóc - giáo dục trẻ ở trường mầm non.

Cụ thể là các học phần về Sự phát triển thể chất lứa tuổi mầm non, Giáo dục học mầm non, Dinh dưỡng trẻ em, Múa và dân dụng. Khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm để đạt CĐR, chương trình được thiết kế các học phần cung cấp kiến thức về phương pháp, kỹ năng lập được kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ theo từng giai đoạn cụ thể; thiết kế được môi trường giáo dục trong trường mầm non; tổ chức được các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ theo hướng lấy trẻ làm trung tâm, giáo dục tích hợp, phát huy tính tích hợp của trẻ; kỹ năng quản lý nhóm lớp.

Cụ thể là các học phần như: Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non, Tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non, Tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non, Phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non, Phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học, Hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mầm non, Tổ chức hoạt động khám phá môi trường xung quanh, Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non, Giáo dục thể chất cho trẻ mầm non, Chăm sóc, vệ sinh cho trẻ mầm non, Quản lý giáo dục mầm non, Đánh giá giáo dục mầm non, Tổ chức hoạt động khám phá – thử nghiệm cho trẻ mầm non, Lao động sư phạm của giáo viên mầm non.

Ở khối kiến thức tự chọn, trong quá trình đào tạo chọn 03 trong 06 học phần tự chọn, đảm bảo đủ 06 tín chỉ. Các học phần đó cụ thể: Giáo dục môi trường cho trẻ mầm non, Giáo dục hòa nhập, Văn học trẻ em tuổi mầm non, Chuẩn bị cho trẻ

vào lớp 1, Tổ chức ngày lễ hội ở trường mầm non, Phương pháp nghiên cứu khoa học.

Ở khối kiến thức thực tập, thực tế, với hệ cao đẳng, người học được tiếp cận thực tế ở trường mầm non qua 03 đợt: Kiến tập sư phạm 02 tuần; Thực tập sư phạm 1 trong thời gian 03 tuần; năm cuối thực tập sư phạm 2 trong khoảng thời gian 9 tuần. Đây là cơ hội để người học thực hành, vận dụng những kiến thức đã học, đồng thời cũng là cơ hội để học hỏi kinh nghiệm từ những giáo viên có kinh nghiệm giảng dạy. Qua đợt thực tập sư phạm, ngoài việc được thực hành dạy học một số môn học, người học còn được thực tập các hoạt động giáo dục cũng như làm quen với môi trường làm việc tương lai.

CTĐT được thiết kế thành các khối kiến thức, thiết kế kế hoạch đào tạo cụ thể cho từng học kì, đi từ đại cương đến chuyên ngành nên các mức độ đạt CĐR cũng tăng dần qua từng học kì.

Như vậy, khi hoàn thành CTĐT, người học sẽ đáp ứng được CĐR về khối kiến thức giáo dục đại cương, khối kiến thức cơ sở, khối kiến thức ngành, chuyên ngành và thực tập, thực tế, làm tốt công tác chủ nhiệm, tổ chức các hoạt động dạy học và giáo dục cho trẻ từ nhà trẻ đến mẫu giáo 5-6 tuổi cũng như có lòng yêu nghề, kĩ năng giao tiếp sư phạm với trẻ, đồng nghiệp và phụ huynh,... [H3.03.02.03]. 100% các học phần trong CTDH có sự tương thích về nội dung để đảm bảo đạt được CĐR. 100% các học phần trong CTDH xác định các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp để đảm bảo việc đạt được CĐR. 100% các học phần trong CTDH có các hoạt động kiểm tra, đánh giá người học tương thích với nhau nhằm đảm bảo việc đạt được CĐR [H3.03.02.04].

2. Điểm mạnh

Chương trình được phân bố hợp lý và gắn kết hỗ trợ lẫn nhau. Các học phần bắt buộc và tự chọn được phân bố hợp lý trong CTĐT. Các học phần thuộc khối Kiến thức Đại cương, Kiến thức Cơ sở ngành, Kiến thức Chuyên ngành được sắp xếp để thực hiện theo hệ thống từ cơ bản đến nâng cao. CTĐT đã ghi rõ thời lượng (số tiết) dành cho phần lý thuyết, thực hành, tự học và tự nghiên cứu. Mối liên hệ giữa CĐR của các học phần với CĐR của CTĐT được thể hiện một cách rõ ràng.

Hồ sơ giảng dạy các học phần trong CTĐT của giảng viên, bao gồm đề cương bài giảng, slide bài giảng, tài liệu giáo trình, hồ sơ đánh giá quá trình được giảng viên lưu trữ và bảo quản. Hằng năm, Nhà trường tiến hành giám sát và kiểm tra hồ sơ giảng dạy của giảng viên.

Việc khảo sát, đo lường sự hài lòng của người học đối với các học phần đã được tiến hành và góp phần điều chỉnh chương trình giảng dạy cũng như đề cương chi tiết các học phần, các phương pháp kiểm tra đánh giá nhằm đạt được CĐR của CTĐT và đáp ứng nhu cầu thực tiễn.

3. Điểm tồn tại

Nội dung chương trình của một số học phần thuộc khối Kiến thức chuyên ngành chưa thể hiện rõ tính đổi mới, kế thừa và cập nhật. Cách thức đánh giá kết quả học phần của một số học phần chưa thể hiện rõ khả năng đạt được CĐR của CTĐT ngành GDMN.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021 - 2022, Khoa Sư phạm phân công nhiệm vụ cho các giảng viên rà soát và kiểm tra ĐCCT học phần trong CTĐT ngành GDMN. Giảng viên được giao nhiệm vụ báo cáo những điểm mạnh, điểm hạn chế của ĐCCT bên cạnh đó đề xuất những thay đổi phù hợp và bổ cứu kịp thời các nội dung còn thiếu để đạt được CĐR của CTĐT.

Tiếp tục triển khai các đề tài KHCN về đổi mới nội dung, PPGD và KTĐG theo tiếp cận năng lực đối với các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành từ năm học 2020-2021

5. Tự đánh giá tiêu chí 3.2: Đạt (Mức đạt 4/7)

Tiêu chí 3.3: Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp.

1. Mô tả

Các học phần trong CTDH được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các môn cơ sở, ngành và chuyên ngành, giúp chương trình trở thành một khối thống nhất.

CTDH ngành GDMN được xây dựng dựa trên CĐR của ngành. Cụ thể trong bản mô tả CTĐT của ngành GDMN gồm các khối kiến thức, kỹ năng, các học phần bắt buộc, học phần tự chọn. CTDH ngành GDMN được thiết kế theo trật tự logic từ kiến thức chung đến kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành, thực tập, thực tế và được bố trí giảng dạy trong 3 năm. 100% các học phần trong CTDH được bố trí hợp lý (học phần điều kiện, tiên quyết; thời lượng cho mỗi học phần; thời điểm/học kỳ thực hiện). Các học phần kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở, kiến thức ngành được dạy 3 học kỳ đầu để trang bị kiến thức nền tảng cho người học, từ đó người học có thể phát triển các kỹ năng chuyên biệt vào các kỳ học tiếp theo. CTDH được thiết kế một cách hệ thống từ cơ bản đến nâng cao.

Nội dung kiến thức các khoa học nền tảng, khoa học chuyên ngành và kiến thức rèn luyện nghiệp vụ sư phạm được trình bày một cách logic và được thể hiện thông qua các bài học theo từng chủ điểm từ cụ thể đến trừu tượng. CTĐT đã ghi rõ thời lượng (số tiết) dành cho phần lý thuyết, thực hành, tự học và tự nghiên cứu. Cấu trúc CTDH thể hiện được các khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành. Tỷ lệ giữa các phần kiến thức giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp, tỷ lệ kiến thức lý thuyết, thực hành, thảo luận, bài tập cân đối, hợp lý. Bên cạnh các học phần bắt buộc, CTĐT các ngành có các học phần

tự chọn, chuyên ngành hẹp giúp SV có kiến thức mở rộng và chuyên sâu, thích ứng linh hoạt với các lĩnh vực khác nhau của thị trường lao động.

CTDH các học phần có nội dung cập nhật và có tính tích hợp. Giáo trình và các tài liệu hỗ trợ dạy và học được nghiên cứu và chọn lựa cẩn thận từ các nhà xuất bản uy tín chuyên ngành trong và ngoài nước. Ngoài ra, hằng năm giảng viên đảm nhiệm các học phần có trách nhiệm rà soát và cập nhật nội dung giảng dạy phù hợp, đáp ứng nhu cầu thực tiễn. Việc rà soát, điều chỉnh và cập nhật nội dung giảng dạy có sự chỉ đạo, giám sát chặt chẽ của Trường và Khoa. Nhiều giảng viên trong khoa đã tham gia hoặc chủ biên biên soạn giáo trình một số học phần thuộc khối kiến thức đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành. [H3.03.03.02];

Từ năm 2021, các học phần trong CTĐT mang tính tích hợp cao. CTDH được xây dựng theo CĐR nên các môn học được tích hợp một cách hợp lý. Các kiến thức, kỹ năng và kỹ năng mềm cần thiết khác được lồng ghép trong các học phần thuộc khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành. CTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật ít nhất hai năm một lần [H3.03.03.03].

Đặc biệt, ngành GDMN đã thiết kế được một quy trình rèn luyện Nghiệp vụ sư phạm thường xuyên và Thực tập sư phạm mang tính đặc thù riêng của ngành đào tạo. [H3.03.03.04]. Từng học phần trong CTDH đều có mục tiêu rõ ràng nhằm đóng góp vào CĐR của ngành. Để có được kết quả này, Khoa và Nhà trường luôn chú ý tới việc lấy ý kiến của người dạy, người học và nhà tuyển dụng về CTDH nhằm hoàn thiện hơn chương trình. Trong quá trình thực hiện yêu cầu của Nhà trường, Khoa đã tổ chức cho các Bộ môn họp, đánh giá nội dung các học phần trong chương trình đào tạo của ngành GDMN, đồng thời tiến hành rà soát, chỉnh sửa theo các ý kiến đóng góp của giảng viên chuyên môn và thông qua hội đồng Khoa, hội đồng Nhà trường để xem xét và tiếp tục chỉnh sửa, hoàn thiện CTDH. [H3.03.03.07].

2. Điểm mạnh

CTDH của các học phần trong CTĐT ngành GDMN có cấu trúc đảm bảo sự gắn kết liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành. Các học phần trong CTDH được bố trí hợp lý. Đồng thời, CTDH được rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật hàng năm. CTDH khi được điều chỉnh có tham khảo các CTĐT tiên tiến trong nước, đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp.

CTDH đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của trình độ đại học và đáp ứng nhu cầu nhân lực của thị trường lao động theo các qui định trong CĐR của CTĐT ngành GDMN.

3. Điểm tồn tại

Trong quá trình thực hiện chương trình, giảng viên ít có thời gian để thảo luận về nội dung giảng dạy cần phải chỉnh sửa với nhau nên việc thực hiện chương trình giữa các nhóm cùng một học phần đôi lúc không đồng đều.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021 - 2022, rà soát nội dung CTDH và so sánh với tuyên bố CĐR khi CTDH được áp dụng vào thực tế giảng dạy, điều chỉnh về nội dung và cách thức kiểm tra, đánh giá để phù hợp với tuyên bố của CĐR đối với học phần Thực hành rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp.

5. Tự đánh giá tiêu chí 3.3: Đạt (Mức đạt 4/7)

Kết luận về tiêu chuẩn 3

CTDH của ngành GDMN được thiết kế với các học phần có nội dung bao trùm các CĐR của CTĐT. Hội đồng KHĐT của Khoa Giáo dục chú ý tới tính logic và tính tích hợp của các học phần trong CTDH nhằm đảm bảo cho SV được tiếp cận các kiến thức theo trình tự từ cơ bản đến chuyên sâu, từ đơn giản đến phức tạp, từ khối lĩnh vực rộng đến kiến thức ngành hẹp. Bên cạnh đó chương trình còn nhấn mạnh đến việc rèn luyện các kỹ năng cần thiết và năng lực phát triển nghề nghiệp cho SV. Các học phần thuộc khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành được thiết kế linh hoạt, thuận lợi cho SV trong việc lựa chọn đăng ký học. Nội dung của các học phần kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên ngành phù hợp, bổ trợ lẫn nhau.

CTDH được thiết kế logic, theo trình tự hợp lý, có hệ thống, mang tính tích hợp cao và đáp ứng xu hướng phát triển liên quan đến ngành GDMN trong nước. CTDH thể hiện được năng lực của SV tốt nghiệp. GV khi thực hiện CTĐT luôn có ý thức cập nhật, điều chỉnh nội dung đào tạo ở mỗi học phần, nhằm trợ giúp tốt hơn cho SV học tập. Các học phần được thiết kế đề cao tính ứng dụng; các học phần kiến thức, kỹ năng chuyên sâu được xây dựng có tác dụng bổ trợ lẫn nhau, giúp SV lĩnh hội sâu sắc đầy đủ kiến thức lý thuyết và thực hành. Tuy nhiên, CĐR của một số học phần chưa thực sự rõ ràng và tính định lượng chưa cao dẫn đến khó khăn cho GV khi thực hiện và đánh giá học phần. Một số nội dung và tiêu chí đánh giá học phần cần phải thay đổi để phù hợp hơn nữa với CĐR của CTĐT.

Căn cứ vào mức độ đạt được của các tiêu chí, hội đồng Tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành GDMN tự đánh giá tiêu chuẩn 3 có 3/3 tiêu chí đạt.

Tiêu chuẩn 4

PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN TRONG DẠY VÀ HỌC

Mở đầu

Trong đào tạo trình độ đại học, PP tiếp cận có vai trò quan trọng. Ngành GDMN cũng như nhiều ngành đào tạo khác trong Trường Cao đẳng Bắc Kạn chọn cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm, tổ chức các hoạt động dạy học và các hoạt động thực tập đạt được CĐR đã tuyên bố trong CTĐT, sử dụng các PP dạy học đa dạng, nhằm phát triển tính chủ động, sáng tạo trong học tập của SV. Kể từ năm 2020, khi Nhà trường áp dụng việc đào tạo theo định hướng năng lực đối với tất cả các ngành đào tạo trình độ cao đẳng thì CTĐT ngành GDMN đã nhấn mạnh đến PP tiếp cận mới trong dạy học. Trong đó nhấn mạnh việc dạy và học như thế nào để đạt được CĐR theo 4 nhóm mục tiêu chính: (1) Kiến thức và lập luận ngành; (2) Kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp; (3) Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp; (4) Năng lực hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện và đánh giá hoạt động nghề nghiệp trong bối cảnh xã hội và giáo dục.

Tiêu chí 4.1: Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan

1. Mô tả

Từ năm 2021, Khoa Sư phạm bắt đầu xây dựng và phát triển CTĐT tiếp cận năng lực với mục đích yêu cầu cụ thể là: (1) Xây dựng CTĐT nhằm phát triển năng lực nghề nghiệp cho SV theo tiếp cận năng lực cho tất cả các ngành cao đẳng chính quy, (2) Nâng cao chất lượng đào tạo, gắn với nhu cầu xã hội, thu hẹp khoảng cách giữa đào tạo của nhà trường và yêu cầu của nhà sử dụng nguồn nhân lực, nâng cấp CTĐT, tiếp cận với CTĐT các trường bạn, (3) Giúp SV phát triển toàn diện về kiến thức, kỹ năng, thái độ và năng lực thực tiễn. (4) Đổi mới và áp dụng phương pháp dạy và học tiên tiến, xây dựng phương thức kiểm tra đánh giá phù hợp, (5) Góp phần thay đổi tư duy tổ chức quản lý đào tạo, nâng cấp cơ sở vật chất, dịch vụ giáo dục, đáp ứng yêu cầu của xã hội.

Hàng năm, công tác lấy ý kiến phản hồi của SV cuối khóa về các hoạt động của Nhà trường, ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của GV Trường. Kết quả khảo sát đối với CTĐT ngành, hoạt động dạy-học của GV, SV khoa, tất cả cán bộ và nhân viên của Trường được đánh giá từ mức hài lòng trở lên.

2. Điểm mạnh

Mục tiêu của CTĐT được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới SV và GV thông qua nhiều hình thức như website Trường, tập huấn, diễn đàn, các văn bản hướng dẫn, Cẩm nang học sinh, sinh viên, học viên, v.v., đồng thời có khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù Mục tiêu của CTĐT được công bố cho các nhà tuyển dụng, nhưng mới chỉ giới hạn ở một số huyện và thành phố trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, chưa được công bố đến đông đảo các nhà tuyển dụng ở các tỉnh lân cận.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021 - 2022, Khoa Sư phạm tổ chức các buổi tọa đàm thường niên với các nhà tuyển dụng để giới thiệu về mục tiêu, CTĐT và xin ý kiến góp ý điều chỉnh mục tiêu, chương trình, CDR cho sát với yêu cầu thực tiễn, nhằm trang bị cho SV các kiến thức, kỹ năng, thái độ phù hợp với yêu cầu của các nhà tuyển dụng.

5. Tự đánh giá tiêu chí 4.1: Đạt (Mức đạt 5/7)

Tiêu chí 4.2: Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả

Các hoạt động đào tạo của Khoa Sư phạm được áp dụng theo các chuẩn chung về CTĐT và đánh giá kết quả học tập, thực hiện chế độ tích lũy kết quả học tập theo từng học phần cho người học. Khoa không ngừng đổi mới phương pháp giảng dạy, áp dụng công nghệ thông tin vào quá trình dạy học. [H4.04.02.01]. CTĐT được Hội đồng KHĐT của khoa cập nhật, bổ sung và điều chỉnh theo định kỳ, với tỉ lệ không quá 20% nhằm đáp ứng nhu cầu của người học và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của trong nước. [H4.04.02.02].

Từ năm 2021, CTĐT ngành GDMN được xây dựng và phát triển theo hướng tiếp cận năng lực nhằm tăng cường phát triển năng lực của người học, hình thành ý tưởng - thiết kế - thực hiện - vận hành. Theo CDR của CTĐT ngành Giáo dục mầm non chú trọng đến nâng cao tỷ lệ thực hành, thực tập rèn nghề cho SV, tích hợp các nội dung kiến thức tránh sự trùng lặp nội dung giữa các học phần, đưa vào chương trình những kiến thức, kỹ năng mới, hiện đại, nhằm đáp ứng nhu cầu thực tiễn từ thế giới việc làm, đồng thời đưa ra khỏi chương trình những kiến thức cũ, lỗi thời không còn phù hợp.

Thực hiện các Công văn hướng dẫn của Nhà trường về kiểm tra, rà soát CTĐT, nội dung, phương pháp giảng dạy để cải tiến các nội dung trên theo triết lý giáo dục tiếp cận năng lực, GV ngành Giáo dục mầm non đã xây dựng và triển khai các phương pháp giảng dạy đa dạng, linh hoạt và hiệu quả. Các phương pháp dạy-học phổ biến gồm thuyết trình, làm việc nhóm, thảo luận, cặp đôi, đóng vai theo chủ đề; hình thức thi hết môn thường là thi tự luận, trắc nghiệm khách quan, vấn đáp, làm bài tập lớn. Các hình thức kiểm tra đánh giá đa dạng được hiển thị trong các đề cương môn học. Những giờ tự học và thảo luận được thiết kế xen kẽ với các buổi giảng lý thuyết, phù hợp với mục tiêu môn học [H4.04.02.05].

Hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên, thực tập sư phạm là một phần bắt buộc của CTĐT, gồm 10 tín chỉ. SV được cử đến các trường mầm non trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn rèn luyện nghiệp vụ sư phạm để thực hành nghiên cứu, tiếp cận và hiểu thực tiễn, hình thành thái độ đúng đắn và rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp. Việc thực tập, RLNVSPTX của SV ngành GDMN tuân theo các tiêu chí cụ thể (cả về nội dung, phương pháp, và kỹ năng) được nêu rõ trong đề cương môn học và được các giảng viên lập kế hoạch, liên hệ và giám sát. SV được giảng viên phụ trách thực tập thực tế và giáo viên mầm non ở cơ sở thực tập cùng hướng dẫn.

Hoạt động trao đổi sáng kiến kinh nghiệm diễn ra thường xuyên nhằm nâng cao trình độ và phương pháp giảng dạy cho GV. Cán bộ và GV của Khoa tham gia hiệu quả các hội thảo, tập huấn, seminar từ cấp bộ môn trở lên. [H4.04.02.11]. Ngoài ra, hàng năm, GV của khoa đăng ký dự giờ thao giảng, tham gia các cuộc thi GV dạy giỏi cấp trường để trau dồi chuyên môn và cải tiến phương pháp giảng dạy.

Việc đánh giá hoạt động giảng dạy của GV từ các bên liên quan được đưa vào kế hoạch hằng năm của khoa, của Nhà trường và được xem là một trong những tiêu chí đánh giá xếp loại GV cuối học kỳ, cuối năm học. [H4.04.02.12].

2. Điểm mạnh

Các hoạt động giảng dạy và học tập đa dạng, linh hoạt. CTĐT có nhiều hoạt động thực tập, thực hành cũng như các hoạt động thực tế, thực tập và các hoạt động cộng đồng. Các hoạt động dạy - học thường xuyên được điều chỉnh cho phù hợp với từng khóa, từng năm học nhằm đạt CĐR về kiến thức, kỹ năng, thái độ. Môi trường dạy và học thân thiện, có sự hợp tác, hỗ trợ cởi mở giữa GV và SV.

3. Điểm tồn tại

Các hoạt động dạy và học ở một số học phần chưa thực sự kết hợp giữa các vấn đề lý thuyết và thực hành nên việc vận dụng kiến thức và kỹ năng vào thực tế của SV chưa cao; Cách bố trí bàn ghế trong một số phòng học chưa thật sự phù hợp với lớp học các học phần chuyên ngành, thực hành nghề nghiệp, chưa thuận lợi trong làm việc nhóm.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021 - 2022 trở đi, Khoa Sư phạm thường xuyên trao đổi kinh nghiệm về mục tiêu, CTĐT và xin ý kiến góp ý điều chỉnh mục tiêu, chương trình, CĐR cho sát với yêu cầu thực tiễn, nhằm trang bị cho SV các kiến thức, kỹ năng, thái độ phù hợp với CĐR; kiến nghị với Nhà trường trang bị các phòng học học, mua sắm và sắp xếp bàn ghế phù hợp với các lớp học thực hành nghề nghiệp của ngành GDMN. Khoa đề xuất với Nhà trường cải tiến phương thức hợp tác với các cơ sở thực tập, chú trọng đến phương thức thực tập, chế độ phù hợp cho cán bộ hướng dẫn nhằm nâng cao chất lượng thực tập sư phạm, RLNVSPTX của SV ngành GDMN.

5. 5. Tự đánh giá tiêu chí 4.2: Đạt (Mức đạt 5/7)

Tiêu chí 4.3: Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học

1. Mô tả

Các hoạt động dạy và học, từ các giờ học lý thuyết đến các hoạt động tự học và nghiên cứu khoa học của SV, các bài tập nhóm, các bài thực hành, các bài thảo luận, thực tập, thực tế đều hướng tới mục tiêu hình thành khả năng phân tích và tổng hợp, khả năng nhận diện vấn đề, tư duy phản biện, rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm cho SV. Nội dung các học phần trong CTĐT chi tiết của ngành GDMN [H1.01.01.03] thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm giúp SV tham gia vào các hoạt động dạy và học nhằm rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của SV. Các học phần xác định rõ nội dung giảng dạy, tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CDR của CTĐT [H1.01.01.03].

Hoạt động học tập đa dạng có thể giúp SV lựa chọn phương thức phù hợp nhất cho từng nhiệm vụ học tập. Đội ngũ giảng viên có trình độ cao, tâm huyết, về giảng dạy hoặc trao đổi khoa học, tạo một tinh thần cởi mở, phản biện và học hỏi lẫn nhau trong khoa học.

Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, hàng năm Nhà trường tiến hành rà soát nguồn học liệu, kiểm tra hồ sơ bài giảng của GV, tài liệu giáo trình nhằm giúp SV tiếp cận dễ dàng nhất các nguồn học liệu cập nhật trên website nhà trường, thư viện trường, qua đó hình thành văn hóa đọc trong SV. [H4.04.03.05].

Nhà trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi của GV, SV cuối khóa, triển khai khảo sát đo lường sự hài lòng của người dân với dịch vụ giáo dục công và lấy kiến của các nhà tuyển dụng lao động giúp nhà trường, và Khoa Giáo dục có những điều chỉnh, bổ sung chương trình chi tiết, cải tiến các hoạt động dạy và học để thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng và nâng cao năng lực học tập suốt đời của người học. Ngoài ra, Trường và Khoa cũng tiến hành khảo nghiệm thực tế các biểu mẫu thống kê và khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp ngành GDMN [H4.04.03.07].

2. Điểm mạnh

Chương trình dạy học, đề cương chi tiết các học phần được rà soát và điều chỉnh định kỳ phù hợp với nhu cầu việc làm. Đề cương chi tiết học phần đều mô tả được yêu cầu của hoạt động tự học/tự nghiên cứu nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học.

Giảng viên trong Khoa sử dụng thành thạo, hiệu quả tổ hợp các phương pháp giảng dạy nhằm hỗ trợ người học rèn luyện và nâng cao các kỹ năng cần thiết.

3. Điểm tồn tại

Một số GV chưa có những biện pháp hiệu quả để kích lệ các khả năng tư duy phản biện, làm việc độc lập của SV.

Điều kiện phòng học (bàn ghế không linh hoạt cho việc di chuyển) chưa thực sự phù hợp với việc tổ chức một số phương pháp dạy học tích cực như các hoạt động thực hành giao tiếp và các bài trình bày theo nhóm nhỏ.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021 - 2022, Khoa sẽ yêu cầu đội ngũ giảng viên xây dựng bổ sung các tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động tự học của SV, đồng thời đề xuất với Nhà trường sắp xếp các môn học có thực hành, bài tập nhóm vào các phòng học mà bàn ghế có thể di chuyển thuận tiện cho việc tổ chức dạy - học hiệu quả.

Hội đồng Khoa phân công giảng viên rà soát và điều chỉnh nội dung của một số học phần được xem là nặng về lý thuyết hàn lâm mà thiếu tính ứng dụng thực tế. Đề xuất các bộ môn có biện pháp hỗ trợ những GV có kết quả đánh giá về phương pháp giảng dạy chưa tốt từ người học, từ tổ chuyên môn như: tăng cường dự giờ rút kinh nghiệm, dành thời gian dự giờ đồng nghiệp,...

5. 5. Tự đánh giá tiêu chí 4.3: Đạt (Mức đạt 5/7)

Kết luận về tiêu chuẩn 4

Nhìn chung, PP tiếp cận trong dạy và học của CTĐT ngành GDMN phù hợp, rõ ràng và được công bố công khai, rộng rãi. Các hoạt động giảng dạy và học tập đa dạng như bài giảng lý thuyết, thực hành, thảo luận, thuyết trình, thực tập, tự học và tự nghiên cứu giúp SV có khả năng học tập suốt đời. Có sự tương tác hỗ trợ giữa người dạy với người học. Môi trường học cởi mở và thân thiện, có sự tương tác hiệu quả giữa GV và SV; các GV luôn tôn trọng và giúp đỡ người học. Bên cạnh đó, vẫn còn những điểm tồn tại cần khắc phục, đó là hoạt động thực hành và trải nghiệm chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu thực tiễn. Số ít SV chưa xác định được động cơ học tập đúng đắn, còn thụ động, thiếu kỹ năng tự học và tự nghiên cứu. Việc đánh giá kết quả học tập còn chú trọng nhiều vào khả năng nhớ và hiểu, chưa có sự ưu tiên đánh giá khả năng tư duy phản biện, tư duy sáng tạo, kỹ năng tự học và các kỹ năng mềm khác.

Căn cứ vào mức độ đạt được của các tiêu chí, Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành GDMN tự đánh giá tiêu chuẩn 4 có 3/3 tiêu chí đạt.

Tiêu chuẩn 5

NGƯỜI HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ NGƯỜI HỌC

Mở đầu

Trường Cao đẳng Bắc Kạn đã xây dựng chính sách tuyển sinh rõ ràng, cụ thể; hình thức xét tuyển, thi tuyển công khai; kết quả đầu vào của sinh viên đạt chất lượng tốt, sinh viên tốt nghiệp ra trường có tỷ lệ tốt nghiệp đạt bằng khá, giỏi cao, hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học được triển khai minh bạch; các hoạt động tư vấn và hỗ trợ người học được thực hiện kịp thời, thường xuyên; môi trường tâm lý xã hội tích cực, cảnh quan khuôn viên trường sạch, đẹp trang thiết bị dạy - học đầy đủ, từ đó nâng cao chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học đã góp phần khẳng định uy tín, thương hiệu về chất lượng đào tạo của nhà trường.

Tiêu chí 5.1: Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, công bố công khai và cập nhật.

1. Mô tả

Ngành GDMN - Khoa Sư phạm tuyển sinh đầu vào đúng theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và quy chế tuyển sinh của Trường Cao đẳng Bắc Kạn [H5.05.01.01]. Hàng năm, hình thức, chỉ tiêu, quy trình thi tuyển, xét tuyển được xác định rõ ràng, công khai minh bạch trong Thông báo tuyển sinh/xét tuyển của Nhà trường và trên Website. Trường công bố Quyết định công nhận thí sinh trúng tuyển cho các bên liên quan [H5.05.01.02].

Nhà trường có quy trình xây dựng tiêu chí và PP tuyển chọn người học trên cơ sở góp ý của các bên liên quan và tiêu chí, PP tuyển chọn người học trong đó có người học của CTĐT ngành GDMN được rà soát, đánh giá hằng năm. Trên cơ sở đó, năm 2016, chính sách tuyển sinh của ngành GDMN được thay đổi từ hình thức thi tuyển theo khối M00, M01, M10 sang hình thức xét tuyển tổ hợp môn Toán, Văn,

Năng khiếu, hoặc Toán, tiếng Anh, Năng khiếu. Các môn Toán, Văn dựa vào kết quả

Kỳ thi THPT Quốc gia theo quy định của Bộ GD&ĐT, môn Năng khiếu được tổ chức riêng.

Nhà Trường áp dụng các phương thức sau: Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT; Xét tuyển học bạ THPT với các tiêu chí lấy tổng điểm các môn: theo tổ hợp các môn đăng ký xét tuyển của cả 3 năm THPT (06 học kỳ). Điểm ưu tiên sẽ được thực hiện theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo; xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tuy nhiên, ngành GDMN là ngành sư phạm đặc thù nên các em còn phải tham gia thi tuyển năng khiếu [H5.05.01.03]. .

Các số liệu thống kê về số người đăng ký dự tuyển, số người trúng tuyển và nhập học, điểm chuẩn của ngành đều được tổng kết và báo cáo lãnh đạo Nhà trường nhằm đánh giá công tác tuyển sinh. Kết quả thi, xét tuyển được thông báo

công khai trên Cổng thông tin tra cứu điểm thi tuyển sinh của Nhà trường; quy trình ra Quyết định trúng tuyển, gửi Giấy báo nhập học cho thí sinh trúng tuyển được thực hiện đúng quy trình và đúng tiến độ. Các số liệu thống kê về số người đăng ký dự tuyển, số người trúng tuyển và nhập học, điểm chuẩn của ngành đều được Nhà trường tổng kết, đánh giá để điều chỉnh cho những năm tiếp theo [H5.05.01.04]; [H5.05.01.05].

2. Điểm mạnh

Công tác tuyển sinh của Nhà trường, Khoa được thực hiện đúng quy định của Bộ GD&ĐT; chính sách tuyển sinh của khoa mang tính lượng hóa (quy định về số điểm trúng tuyển, chỉ tiêu tuyển sinh) giúp cho khoa có thể tuyển được thí sinh có kết quả thi tuyển, đánh giá năng lực từ cao xuống thấp. Ngoài ra, chính sách tuyển sinh được công khai và cập nhật thường xuyên, từ đó người học có thông tin về ngành học, chương trình học tập, tạo ra tâm thế học tập tích cực cho SV ngay từ năm thứ nhất.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường, Khoa chưa thực hiện khảo sát cụ thể ý kiến của người học về chính sách tuyển sinh của ngành Giáo dục Mầm non.

4. Kế hoạch hành động

Hoạt động tổng kết, đánh giá công tác tuyển sinh của Trường, Khoa được tiếp tục tiến hành hàng năm để ĐBCL công tác tuyển sinh đại học chính quy theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

Đề xuất với Nhà trường thực hiện khảo sát ý kiến của người học về chính sách tuyển sinh của Trường.

5. Tự đánh giá tiêu chí 5.1: Đạt

Tiêu chí 5.2: Các thông tin về ngành học, chương trình đào tạo, chương trình dạy học, đề cương môn học hoặc học phần và việc tổ chức thực hiện được mô tả rõ ràng, đầy đủ và dễ tiếp cận.

1. Mô tả

Nhà trường có đầy đủ các văn bản tài liệu cung cấp rõ ràng, đầy đủ thông tin về ngành học, CTĐT, CTDH, đề cương môn học hoặc học phần; được thể hiện rõ ràng trong các CTDH, CTĐT và bản mô tả môn học/học phần [H5.05.02.01]. Nhà trường sử dụng nhiều hình thức để giúp NH dễ dàng tiếp cận thông tin về ngành học, CTĐT, CTDH, đề cương môn học hoặc học phần: Sổ tay sinh viên có đề cập đến thông tin về ngành học, CTĐT, CTDH, đề cương môn học hoặc học phần [H5.05.02.02], trang thông tin điện tử của trường có đề cập đến thông tin về ngành học, CTĐT, CTDH, đề cương môn học hoặc học phần [H5.05.02.03].

Có kế hoạch, lộ trình cụ thể và triển khai tổ chức các hoạt động hiệu quả để cung cấp thông tin về ngành học, CTĐT, CTDH, đề cương môn học hoặc học phần cho NH.

Các kế hoạch và các hoạt động được trường tổ chức để cung cấp thông tin về ngành học, CTĐT, CTDH, đề cương môn học cho NH, Các minh chứng cho thấy người dạy có thể dễ dàng tiếp cận và sẵn sàng đối thoại với NH [H5.05.02.04].

Hằng năm nhà trường có các hình thức tuyển sinh phù hợp với tình hình thực tế, các thông tin về ngành học, CTĐT, CTDH, đề cương môn học được niêm yết công khai, đa dạng về hình thức (tờ rơi, bài viết, hình ảnh...), và được tuyên truyền trên mạng xã hội, các đường dẫn (link) nhóm lớp (facebook, zalo...) địa chỉ email chung của lớp [H5.05.02.05], [H5.05.02.06].

Định kỳ vào cuối các năm học nhà trường đều tổ chức lấy ý kiến phản hồi của NH và NH đã tốt nghiệp, thể hiện qua các kế hoạch khảo sát, mẫu phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát. Trên cơ sở lấy ý kiến người học về các mặt hoạt động của Trường, các điều chỉnh phù hợp hơn được đưa ra nhằm phục vụ tốt nhất nhu cầu của NH [H5.05.02.07].

2. Điểm mạnh

Các thông tin về ngành học, CTĐT, CTDH, đề cương môn học hoặc học phần của Trường, Khoa rõ ràng, minh bạch, theo các quy chế và hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và được điều chỉnh, đánh giá thường xuyên để đảm bảo tuyển chọn được những thí sinh có đủ năng lực và trình độ vào ngành GDMN, phục vụ tốt nhất cho người học.

3. Điểm tồn tại

Khoa, Ngành chưa thực sự đầu tư cho công tác quảng bá tuyển sinh nên chưa tạo ra sự hấp dẫn, thu hút thí sinh dự tuyển;

Phương thức tuyển sinh của Trường, Khoa chưa đảm bảo đa dạng, chưa thực hiện hình thức thi tuyển theo kiểm tra, đánh giá năng lực thí sinh.

4. Kế hoạch hành động

Nhà trường chỉ đạo khoa Sư phạm phối hợp chặt chẽ với ban tuyển sinh của Nhà trường để tăng cường quảng bá tuyển sinh, đảm bảo công tác truyền thông về tuyển sinh. Thực hiện điều chỉnh, bổ sung thông tin chi tiết về ngành GDMN; thực hiện mỗi GV là một tuyên truyền viên cho ngành GDMN;

Nhà trường, khoa Sư phạm và các cơ quan, đơn vị tuyển dụng cần kết hợp để tổ chức đánh giá các tiêu chí và PP tuyển chọn người học để đưa ra phương án tuyển chọn người học phù hợp và đáp ứng yêu cầu của ngành GDMN.

5. Tự đánh giá tiêu chí 5.2: Đạt

Tiêu chí 5.3. Áp dụng các chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với người học là đối tượng ưu tiên.

1. Mô tả

Ngoài việc người học được hướng dẫn đầy đủ về mục tiêu, chương trình đào tạo, các yêu cầu kiểm tra đánh giá, người học còn được đảm bảo các chế độ chính sách xã hội, được chăm sóc sức khỏe, được tạo điều kiện hoạt động văn nghệ, thể

dục thể thao, được đảm bảo an toàn trong Nhà trường theo Quy chế hoạt động của trường CD Bắc Kạn. [H5.05.03.01].

Đầu khóa học, toàn thể học sinh, sinh viên của Trường đã được nghe phổ biến về chế độ chính sách; cập nhật, bổ sung và phổ biến kịp thời các quy định, hướng dẫn về học bổng, trợ cấp xã hội Học sinh Sinh viên của Bộ GD&ĐT; các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập và Thông tư Liên tịch của Bộ GD&ĐT, Bộ Tài chính và Bộ Lao động; được hướng dẫn kỹ cách làm các hồ sơ, thủ tục để được hưởng chế độ chính sách hiện hành. [H5.05.03.02].

Để giải quyết các chế độ chính sách cho sinh viên, hàng năm Trường đều xét duyệt các đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi, miễn giảm học phí, xét duyệt cấp học bổng khuyến khích học tập, khuyến khích tài năng, xét trợ cấp xã hội... Danh sách sinh viên hưởng chế độ chính sách xã hội được công bố công khai trên các bảng thông báo, các bản tin và phòng, ban liên quan. [H5.05.03.03].

Người học được chăm sóc sức khỏe theo quy định y tế học đường. Trường đã vận động thu Bảo hiểm y tế tự nguyện với Bảo hiểm Bảo Việt, nhằm đảm bảo quyền lợi cho sinh viên tham gia.

Bộ phận Y tế của trường đã phối hợp với cơ quan Y tế tỉnh tổ chức khám sức khỏe và lập hồ sơ y bạ cho tất cả sinh viên của trường theo quy định hiện hành, thường xuyên chăm sóc sức khỏe ban đầu cho sinh viên, giới thiệu đi bệnh viện điều trị. [H5.05.03.04].

Đối với phong trào Văn-Thể: Trường CD Bắc Kạn được các cấp, các ngành đánh giá là đơn vị xuất sắc nhiều năm liền. Để đạt được thành tích trên, các tổ chức đoàn thể của Trường như Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên, Phòng công tác HSSV, Ban Văn-Thể nhà trường... luôn phối hợp chặt chẽ để tổ chức các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao và tạo mọi điều kiện thuận lợi cả vật chất lẫn tinh thần để sinh viên tham gia đông đảo nhất. Đối với công tác an ninh trật tự, Nhà trường chủ động phối hợp với công an và chính quyền địa phương đề ra biện pháp quản lý, giáo dục sinh viên tại trường, khu nội trú và ngoại trú một cách toàn diện, góp phần ổn định chung trên địa bàn trường đóng. Phòng Đào tạo hỗ trợ và đáp ứng các yêu cầu về học tập, thi cử, giải đáp các thắc mắc, khiếu nại về bài thi, điểm,... của học sinh, sinh viên. Các khoa đều có giáo vụ khoa và các giáo viên chủ nhiệm để tiếp xúc và giải quyết các yêu cầu của sinh viên. [H5.05.03.05], [H5.05.03.06].

Căn cứ vào khả năng của đơn vị và quy định của Nhà nước, Trường đã dành một khoản kinh phí trong ngân sách thường xuyên để cấp học bổng khuyến khích cho những sinh viên có kết quả học tập và rèn luyện xuất sắc và tốt, các em có hoàn cảnh khó khăn được tặng quà nhân các dịp khai giảng, Tết âm lịch [H5.05.03.07].

Các hình thức và kế hoạch phổ biến đến NH về các chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với NH thuộc đối tượng ưu tiên được phổ biến đầy đủ, kịp thời, tạo điều kiện thuận lợi cho người học [H5.05.03.08]. Đầu các khóa học

sinh viên được phổ biến các chế độ chính sách, các nội quy, quy chế qua “tuần sinh hoạt giáo dục công dân” [H5.05.03.09].

2. Mặt mạnh:

- Nhà trường luôn đảm bảo các chế độ chính sách xã hội, chăm sóc sức khỏe, đảm bảo an toàn cho sinh viên trong Trường.

- Nhà trường thực hiện nhiều biện pháp hiệu quả hỗ trợ sinh viên về chế độ chính sách xã hội, chăm sóc sức khỏe, hoạt động văn nghệ - TDTT.

- Đa số sinh viên chấp hành tốt các quy chế, quy định của Trường. Đã có nhiều sinh viên tích cực tham gia và đã đạt nhiều thành tích trong các hoạt động Văn hóa – Văn nghệ, Thể dục Thể thao cấp trường và cấp tỉnh.

3. Tồn tại:

Kinh phí, cơ sở vật chất, phương tiện của Trường phục vụ cho công tác trên còn hạn chế nên sân chơi Văn hóa, Văn Nghệ, Thể dục Thể thao chưa đáp ứng đầy đủ cho sinh viên.

4. Kế hoạch hành động:

Trong thời gian từ tới, Nhà trường đề xuất với UBND Tỉnh Bắc Kạn tiếp tục xây dựng đầu tư về cơ sở vật chất, ký túc xá, trang thiết bị, phương tiện phục vụ nhu cầu ở, nhu cầu Văn hóa – Văn nghệ, Thể dục Thể thao của sinh viên góp phần vào mục tiêu đào tạo toàn diện.

5. Tự đánh giá tiêu chí 5.3: Đạt

Tiêu chí 5.4. Thực hiện đúng quy định miễn học phí, quy định về các chính sách ưu tiên trong việc xét cấp học bổng, trợ cấp xã hội cho học sinh, sinh viên sư phạm.

1. Mô tả

Sinh viên Sư phạm luôn được thực hiện đúng, đủ việc miễn học phí cho học sinh, sinh viên sư phạm. 100% NH thuộc chương trình được miễn học phí và được hưởng chính sách ưu tiên trong việc xét cấp học bổng, trợ cấp xã hội, chế độ cử tuyển, chính sách tín dụng giáo dục, chính sách miễn, giảm phí dịch vụ công cộng cho NH quy định tại Điều 62 của Luật giáo dục nghề nghiệp. Danh sách NH được miễn học phí, được xét cấp học bổng, trợ cấp xã hội được niêm yết công khai [H5.05.04.01]

Căn cứ Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Thủ tướng chính phủ về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp; Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BLĐTBXH-BGDĐT-BTC ngày 16 tháng 06 năm 2016 về hướng dẫn thực hiện chính sách nội trú quy định tại Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Thủ tướng chính phủ về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp; Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng chính phủ V/v Phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020; các sinh viên Sư phạm hằng năm đều được phổ biến quy định về miễn học phí, chính sách ưu tiên, trong việc xét cấp học bổng, trợ cấp xã hội cho

NH [H5.05.04.02], [H5.05.04.03]. Website của trường công bố các quy định về miễn học phí, quy định về các chính sách ưu tiên trong việc xét cấp học bổng, trợ cấp xã hội [H5.05.04.04].

Các ý kiến đánh giá của cơ quan quản lý cấp trên và kết luận của kiểm toán, thanh tra, kiểm tra tài chính về việc thực hiện các chính sách cấp học bổng, trợ cấp xã hội cho NH của trường [H5.05.04.05].

2. Điểm mạnh

Các văn bản về chế độ chính sách được thực hiện đúng theo hướng dẫn, tăng cường công tác quản lý, đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao, sử dụng kinh phí có hiệu quả, tiết kiệm, tạo điều kiện tối đa cho người học.

3. Tồn tại

Một số sinh viên chậm nộp các loại hồ sơ, giấy tờ nên việc xét đôi khi gặp khó khăn.

4. Kế hoạch hành động

Sau mỗi năm, dựa vào tình hình thực tế của nhà trường cũng như của xã hội nhà trường thực hiện việc điều chỉnh hình thức thu nhận hồ sơ hưởng chế độ chính sách của sinh viên.

5. Tự đánh giá tiêu chí 5.4: Đạt

Tiêu chí 5.5: Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học

1. Mô tả

Người học được tư vấn, hỗ trợ kịp thời và có hiệu quả về học tập, sinh hoạt ngoại khóa và các hoạt động thi đua khác bởi cán bộ Phòng Công tác HSSV và đội ngũ GV chủ nhiệm các lớp [H5.05.05.01]. Giáo vụ khoa, GVCN có nhiệm vụ nắm vững quy chế đào tạo, kế hoạch đào tạo để giải đáp các thắc mắc của SV; kịp thời theo dõi, đôn đốc tình hình học tập của SV; thông báo, triển khai và thực hiện các chủ trương của Khoa và Trường về vấn đề được giao phụ trách. Ngoài ra, Giáo vụ khoa, GVCN nắm bắt những tâm tư, nguyện vọng của SV và đề xuất cho Khoa các hướng xử lý, hỗ trợ; tổ chức tư vấn cho SV đăng ký các học phần phù hợp với khả năng sau mỗi học kỳ và hỗ trợ SV đăng ký học tập và xử lý các vấn đề liên quan. Nhà trường luôn có các hoạt động và chính sách hỗ trợ SV ngành Giáo dục tiểu học: SV nghèo vượt khó, SV có hoàn cảnh khó khăn, SV dân tộc thiểu số. Các chính sách cấp học bổng cho SV ngành GDMN luôn được phổ biến kịp thời cho SV trong từng năm học. Nhà trường có quyết định về cấp học bổng cho SV, tặng quà cho HSSV có hoàn cảnh khó khăn vươn lên trong học tập và rèn luyện [H5.05.05.02].

Đối với những SV khóa mới, Nhà trường tổ chức cuộc gặp mặt SV khóa mới để giới thiệu về lịch sử phát triển, cơ cấu tổ chức, đội ngũ CB, GV, CTĐT, phương thức đào tạo, PP học tập trong trường đại học, tại khoa Giáo dục và một số lưu ý

trong quá trình học. Trong buổi gặp mặt SV khóa mới, luôn có mặt đại diện BCN Khoa, GV, Cố vấn học tập, Trợ lý đào tạo để giải đáp và tư vấn cho SV [H5.05.05.03].

Ngoài ra, Khoa cũng chỉ đạo các lớp tổ chức sinh hoạt lớp hàng tháng, có đại diện BCN, Cố vấn học tập tư vấn, GV chủ nhiệm tham dự để giải đáp các mối quan tâm của SV và kịp thời hỗ trợ những khó khăn trong học tập, rèn luyện của SV [H5.05.05.04].

Hàng năm, Nhà trường và Khoa đều có lấy ý kiến phản hồi của người học, cựu người học về mức độ hài lòng đối với chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm, kết quả phản hồi hầu hết đạt từ mức hài lòng trở lên [H5.05.05.05].

Khu hiệu bộ, giảng đường, các phòng/khoa, hội trường, thư viện, khu thực hành, thực tập, ký túc xá, khu cho NH luyện tập thể dục thể thao được sắp xếp hợp lý theo quy hoạch của khuôn viên trường học (theo thiết kế của Bộ GD & ĐT) [H5.05.05.06].

Công tác Y tế học đường được triển khai đầy đủ: đầu năm tổ chức khám cho toàn bộ HSSV, GVCN các lớp và nhân viên y tế thông báo về kết quả khám, vấn đề bệnh tật, tình trạng thể chất của các em học sinh đến phụ huynh, người giám hộ của học sinh lớp mình được biết để có hướng khám, điều trị về bệnh đã mắc; nhân viên y tế trường lập biểu theo dõi chỉ số BMI của học sinh, sinh viên 2 lần/ năm, thông báo cho phụ huynh về tình trạng thể lực hiện tại của các em để gia đình có hướng xử trí hợp lý. Để đảm bảo sức khỏe của học sinh luôn ổn định và tập trung cho việc học đã có sự phối hợp chặt chẽ giữa gia đình và nhà trường trong việc quản lý sức khỏe của học sinh [H5.05.05.07].

Nội quy ký túc xá, nội quy thư viện, phòng học, nội quy phòng cháy chữa cháy... được quán triệt đầy đủ tới sinh viên và được niêm yết công khai tại các khu cụ thể [H5.05.05.08], [H5.05.05.09].

- Phối hợp với các đơn vị và các đoàn thể trong Trường và địa phương làm tốt công tác giáo dục phòng chống ma túy, AIDS, tội phạm trong Nhà trường và khu nội trú. Ngoài ra, Đoàn thanh niên còn tham mưu cho Đảng ủy và Ban Giám hiệu tổ chức các hoạt động góp phần giáo dục đạo đức và lối sống cho Sinh viên. Ban phối hợp lồng ghép các hoạt động tuyên truyền về lối sống văn minh, phòng chống tội phạm, ma túy, AIDS trong Trường thông qua “Tuần lễ sinh hoạt công dân - Học sinh, sinh viên” đầu khóa, đưa vào chương trình hoạt động Đoàn thanh niên, Hội sinh viên và Ký túc xá như dạ hội hóa trang, thi tìm hiểu về tác hại của ma túy, mại dâm. Trường đã đa dạng hóa các phương pháp, hình thức tuyên truyền giáo dục chính trị, tư tưởng cho sinh viên như tổ chức sinh hoạt chính trị đầu khóa cho toàn thể sinh viên của Trường như: Tổ chức tham quan các di tích lịch sử, căn cứ địa cách mạng; giao lưu với các đơn vị quân đội, phụng dưỡng Bà Mẹ Việt Nam anh hùng... nhằm giáo dục lý tưởng, truyền thống cách mạng và lịch sử dân tộc cho Học sinh – Sinh viên.; giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh trong Đoàn viên –

Sinh viên. Ngoài ra, Nhà trường còn tổ chức nhiều sinh hoạt Văn hóa Văn nghệ, Thể thao và thi nghiệp vụ sư phạm tạo sân chơi lành mạnh thu hút đông đảo sinh viên tham gia. [H5.05.05.10].

Tuyên truyền tin ảnh, báo chí về những hoạt động của Trường, của ngành, tại các cơ sở nhằm giúp sinh viên hiểu rõ về Trường, góp phần xây dựng Trường, lớp, môi trường sư phạm ngày một tốt hơn. Hằng năm Trường Cao đẳng Bắc Kạn đều đạt “Cơ quan văn hóa” [H5.05.05.11]. Bên cạnh đó, Đoàn trường và Hội Sinh viên còn tổ chức Hội thi “tài năng sinh viên”. Sinh viên toàn Trường đã tích cực tham gia các phong trào tình nguyện giúp dân, giải quyết các vấn đề xã hội: vận động trật tự an toàn giao thông đường phố; hoạt động đền ơn đáp nghĩa, vận động hiến máu cứu người [H5.05.05.12].

Hằng năm, Nhà trường và Khoa đều có lấy ý kiến phản hồi của người học, cựu người học về mức độ hài lòng đối với môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong trường kết quả phản hồi hầu hết đạt từ mức hài lòng trở lên [H5.05.05.13].

2. Điểm mạnh

Các hoạt động tư vấn học tập được bộ môn GDMN triển khai cụ thể và sát sao với quá trình học của SV; bên cạnh đó các hoạt động thi đua, hoạt động ngoại khóa được SV ngành GDMN hưởng ứng tích cực; giúp SV phát huy được các kỹ năng, kiến thức và thái độ trong quá trình rèn luyện và học tập tại trường. Hằng năm, khoa luôn chú trọng thực hiện tốt kế hoạch, chương trình hỗ trợ người học, chương trình công tác HSSV theo định hướng của Bộ và Nhà trường. Kết quả đánh giá thực hiện công tác HSSV của khoa đạt loại tốt.

3. Điểm tồn tại

Do cơ hội tìm kiếm của SV ngành GDMN trong thời điểm hiện tại cao, nhu cầu xã hội đáp ứng tốt việc tuyển dụng việc làm cho SV ngành GDMN nên Khoa và Bộ môn chưa chú trọng nhiều về công tác hỗ trợ và tìm kiếm việc làm cho SV sau khi tốt nghiệp.

4. Kế hoạch hành động

Khoa Sư phạm và Bộ môn GDMN lập kế hoạch chỉ đạo bộ phận đào tạo và toàn thể CB, GV về việc hỗ trợ cho SV trong công tác tiếp cận với nhà tuyển dụng, đồng thời thường xuyên cập nhật các chương trình tuyển dụng việc làm cho SV mới tốt nghiệp và kết nối mạng lưới cựu người học để hỗ trợ tìm kiếm cơ hội việc làm cho SV sau khi tốt nghiệp.

5. Tự đánh giá tiêu chí 5.5: Đạt

Tiêu chí 5.6: Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học

1. Mô tả

Trường Cao đẳng Bắc Kạn có khuôn viên thoáng đãng, sạch sẽ, tiện lợi với nhiều cây xanh, ghế đá, đài phun nước, khu tập luyện thể thao, v.v.... Nhà trường và khoa thường xuyên tổ chức hoạt động văn hóa văn nghệ, vui chơi giải trí, thể

dục thể thao, hoạt động học thuật, hướng nghiệp, v.v... để tạo môi trường tâm lý thoải mái, giúp SV yên tâm học tập và nghiên cứu.

Trường Cao đẳng Bắc Kạn có đủ số phòng học, giảng đường lớn, đáp ứng nhu cầu của công tác đào tạo và NCKH. Hiện tại, SV Khoa Sư phạm được bố trí học trong số 15 phòng học với tổng diện tích sử dụng là 1414 m² của Nhà trường.

Ngoài ra, Khoa Sư phạm còn được trang bị 02 phòng thực hành múa, 01 phòng thực hành mỹ thuật và 02 phòng thực hành đàn phục vụ cho việc rèn luyện kỹ năng của các môn Nghệ thuật. [H8.08.01.01- Sơ đồ hệ thống phòng chức năng, phòng học, phòng làm việc, phòng thí nghiệm, phòng thực hành khoa Sư phạm].

Hàng năm, khoa Sư phạm luôn chú trọng việc khai thác hiệu quả cơ sở vật chất của khoa để đào tạo chương trình sư phạm Mầm non theo quy định [H8.08.01.02- Kế hoạch sử dụng phòng học khoa Sư phạm], các thiết bị cơ sở vật chất của khoa Sư phạm phục vụ đào tạo chương trình Sư phạm mầm non được quản lý hiệu quả, khoa học [H8.08.01.04- Biểu số 07. Danh mục tài sản khoa Sư phạm ban hành kèm theo QĐ số 55/QĐ-CĐBK ngày 29/01/2021 của trường Cao đẳng Bắc Kạn], và được theo dõi tình trạng hoạt động, sử dụng thường xuyên [H8.08.01.05- Sổ quản lý phòng thực hành khoa sư phạm],

Năm học 2020-2021, cơ sở vật chất tương đối đảm bảo, nhà trường chủ yếu tiếp tục sử dụng cơ sở vật chất hiện có và không đầu tư mới cơ sở vật chất đối với khoa sư phạm, với số lượng 63 SV ngành Sư phạm mầm non chính qui, diện tích phòng học bình quân đạt 2,63 m²/người học, diện tích phòng thí nghiệm, thực hành đạt 0,72 m²/người học. [H8.08.01.06]. Công tác đào tạo sư phạm mầm non hàng năm đều đạt kết quả rất khả quan, qua đó nhận thấy cơ sở vật chất phục vụ đào tạo sư phạm mầm non cơ bản đáp ứng nhu cầu [H.08.01.07- Báo cáo tổng kết năm học 2020-2021] trong năm 2020-2021 khoa sư phạm không có nhu cầu mua sắm đầu tư trang thiết bị phục vụ đào tạo.

Giảng viên, người học cơ bản hài lòng về mức độ đáp ứng của hệ thống phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành của Nhà trường. Nhà trường đã triển khai thực hiện việc lấy ý kiến phản hồi từ người học về hệ thống phòng học, giảng đường lớn và hệ thống trang thiết bị phục vụ CTĐT ngành GDMN.

Khu KTX được trang bị điện sáng và nguồn nước sạch, an ninh đảm bảo. Ngoài ra, SV được dùng wifi miễn phí phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu và giải trí. Không gian học tập và nghiên cứu của SV ngoài giờ học chính khóa được Nhà trường tạo điều kiện tối đa. SV có phòng đọc sách thư viện sạch đẹp, tiện ích; vào dịp ôn thi, các phòng học ở các khu giảng đường A và B mở cửa từ 7h00 - 22h00 các ngày trong tuần nhằm phục vụ việc tự học, nghiên cứu của SV.

Công tác khám sức khỏe và công tác đảm bảo an toàn cho người học được quy định rõ ràng và triển khai thường xuyên, hiệu quả. 100% SV khoa Giáo dục được tham gia bảo hiểm y tế đầy đủ. Hàng năm, SV được thăm khám sức khỏe cơ bản định kỳ và hướng dẫn tham gia các hoạt động tích cực của y tế. SV được cung cấp *Cẩm nang sinh viên* và được phổ biến các văn bản về quy tắc ứng xử của CB cũng

như HSSV trong Nhà trường . Công tác phòng cháy chữa cháy (PCCC), an toàn học đường/an toàn vệ sinh thực phẩm được trường, khoa quan tâm chỉ đạo và giám sát hiệu quả .

Hàng năm, SV ngành GDMN được lấy ý kiến đánh giá về môi trường môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của Trường, khoa theo phiếu khảo sát chung của Nhà trường đối với người học. Số liệu thống kê cho thấy 100% SV khoa Sư phạm hài lòng với môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của Trường và Khoa

2. Điểm mạnh

Người học được học tập, NCKH và phát triển đầy đủ cả về thể chất cũng như tinh thần trong một môi trường đào tạo thuận lợi về an ninh, an toàn, xanh, sạch, đẹp.

Người học được học tập trong môi trường có đầy đủ tài liệu giáo trình, sách tham khảo tại trung tâm thư viện Nguyễn Thúc Hào, có phòng học tập và nghiên cứu cho sinh viên tự học mát mẻ, đầy đủ cơ sở vật chất trang thiết bị. Thầy cô giáo có trình độ chuyên môn cao, thân thiện, nhiệt tình, luôn hỗ trợ, giúp đỡ khi người học có nhu cầu. Ngoài ra khoa còn có đội ngũ cố vấn học tập, trợ lý đào tạo, quản lý sinh viên, giáo viên chủ nhiệm để hỗ trợ cho SV trong quá trình học tập...

Có hệ thống trường thực hành sư phạm cho các ngành học trong đó Trường mầm non thực hành là trường đầu tiên trong chuỗi các trường thực hành của nhà trường ĐH Vinh giúp sinh viên thực hiện phương châm học luôn đi đôi với hành-đây là điểm mạnh mà không phải trường sư phạm nào cũng có.

3. Điểm tồn tại

Công tác tập huấn nghiệp vụ PCCC cho SV chưa được Khoa, Trường tổ chức thường xuyên và hiệu quả. Công tác bảo vệ môi trường và xử lý rác thải chưa được đầu tư thích đáng.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, Nhà trường có kế hoạch trang bị thêm một số chậu cây cảnh cho khuôn viên Nhà trường và Khoa GD.... Đồng thời trang bị các tiện ích như sân thể thao, căn tin,

Khoa đề xuất với Nhà trường phổ biến đầy đủ các quy định về PCCC cũng như tổ chức tập huấn nghiệp vụ PCCC theo định kỳ; đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện quy hoạch tổng thể tạo môi trường học tập, NCKH và phát triển đầy đủ cả về thể chất cho người học.

Khoa tiếp tục tuyên truyền, phổ biến cho SV ngành GDMN duy trì công tác bảo vệ môi trường xanh, sạch, đẹp, có ý thức phòng chống tệ nạn xã hội và thực hiện tốt nếp sống văn hoá trong Nhà trường.

5. Tự đánh giá tiêu chí 5.6: Đạt (mức 5/7)

*** Kết luận về tiêu chuẩn 5**

Chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học là yếu tố chính để đánh giá chất lượng đào tạo của ngành Giáo dục tiểu học. Chất lượng người học thể hiện trước hết ở điểm đầu vào của ngành từ khâu Nhà trường tổ chức tuyển sinh cho đến kết quả học tập và rèn luyện trong suốt thời gian đào tạo tại trường của người học được lưu trữ trên phần mềm quản lý đào tạo của khoa và Nhà trường. Người học được hỗ trợ thường xuyên và hiệu quả của khoa và Nhà trường về hoạt động tư vấn học tập, hướng nghiệp, được tạo điều kiện thuận lợi nhất để phát triển năng lực học tập, NCKH và thể chất, tinh thần, đồng thời được đưa ra ý kiến phản hồi về chất lượng dịch vụ giáo dục nhằm giúp cải tiến các hoạt động nâng cao chất lượng và sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện của bản thân.

Căn cứ vào mức độ đạt được của các tiêu chí, hội đồng Tự đánh giá chất lượng

CTĐT ngành GDSP tự đánh giá tiêu chuẩn 8 có 5/5 tiêu chí đạt.

Tiêu chuẩn 6

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA NGƯỜI HỌC

Mở đầu

Đánh giá kết quả học tập của người học là một trong những yếu tố quan trọng nhất trong quá trình dạy học. Kết quả đánh giá cung cấp cho các bên liên quan về mức độ đạt được của người học so với chuẩn đầu ra của CTĐT. Việc đánh giá kết quả học tập của SV được thực hiện thông qua việc đánh giá quá trình và đánh giá cuối kỳ trong suốt quá trình SV theo học tại Khoa Sư phạm nhằm xác định mức độ kiến thức và năng lực người học đạt được so với mục tiêu và CDR học phần và CTĐT. Các PP KTĐG đảm bảo sự đa dạng, độ giá trị, tin cậy, sự công bằng, đồng thời mức độ hiệu quả của các PP KTĐG được GV ghi chép lại để làm cơ sở đánh giá, cải tiến hoặc thử nghiệm các PP mới. Người học được thông tin một cách minh bạch về các quy định đánh giá, được phản hồi kịp thời kết quả học tập, tiếp cận dễ dàng với các quy trình khiếu nại để chủ động lên kế hoạch và điều chỉnh kế hoạch học tập một cách phù hợp.

Tiêu chí 6.1: Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả

Đánh giá kết quả học tập của người học là một quá trình liên tục trong suốt khóa học. Trường cao đẳng Bắc Kạn thực hiện đánh giá đầu vào đối với người học ngành GDMN theo Quy chế tuyển sinh ĐH, CĐ của Bộ GD&ĐT. Quy trình được thực hiện minh bạch, công bằng và đúng quy định từ khâu công bố chỉ tiêu tuyển sinh, tổ chức thi đến khâu chấm thi và công nhận kết quả tuyển sinh, đồng thời có các quy định về tuyển sinh đầu vào hệ đào tạo liên thông [H6.06.01.01], [H5.05.01.01].

Quy trình KTĐG kết quả học tập SV ngành GDMN được thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Bộ GD&ĐT

và của Trường Cao đẳng Bắc Kạn [H6.06.02.01]. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế logic, khoa học dựa trên khung CTĐT, mục tiêu và chuẩn đầu ra CTĐT ngành GDMN [H1.01.02.03]. Tổ hợp các PP KTĐG kết quả học tập của người học được thiết kế đa dạng, phù hợp nhằm đảm bảo khả năng đo lường mức độ đạt được CĐR, bao gồm bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thuyết trình nhóm, tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, bài tập lớn, tiểu luận, đồ án v.v..., tùy theo đặc thù từng học phần [H6.06.01.02].

Đề cương môn học của CTĐT ngành GDMN được công bố công khai ngay từ đầu khóa đào tạo với quy trình KTĐG kết quả học tập của người học được thiết kế chặt chẽ, bài bản nhằm kiểm soát toàn bộ quá trình học tập của người học [H6.06.01.02]. Nội dung, cách thức KTĐG kết quả học tập môn học của người học được xây dựng từ mục tiêu, CĐR môn học và được cụ thể hóa qua từng tiết học, hoạt động dạy học. Nội dung đánh giá môn học bao gồm đánh giá quá trình, đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ. Đánh giá quá trình được thực hiện thông qua kết quả của đánh giá tính chuyên cần, ý thức, thái độ học tập và hồ sơ học tập (Hồ sơ học tập có thể kết hợp cả sản phẩm lí thuyết và thực hành thông qua bài tập cá nhân, bài tập nhóm, ...).

Đánh giá giữa kỳ bằng hình thức trắc nghiệm, đánh giá cuối kỳ bằng hình thức trắc nghiệm hoặc tự luận hoặc đồ án [H6.06.01.01]. Đề thi kết thúc học phần, đồ án các môn chuyên ngành của ngành GDMN đều được trưởng bộ môn và lãnh đạo khoa phê duyệt trên cơ sở xem xét khả năng đánh giá của đề thi theo 5 mức độ biết, hiểu, vận dụng, phân tích - tổng hợp và sáng tạo; khả năng đáp ứng mục tiêu và nội dung của từng học phần; sự phù hợp về nội dung, kĩ năng, PP và tính khả thi, tính mới, độ khó của đề thi. Nội dung KTĐG học phần đảm bảo tính chính xác, khoa học, phù hợp với nội dung môn học được quy định trong CTĐT, độ bao quát kiến thức tương ứng mức độ đạt được CĐR là những yêu cầu và tiêu chuẩn quan trọng để thẩm định chất lượng của các đề thi [H6.06.01.03].

Các học phần thuộc CTĐT ngành GDMN đều được thiết kế theo tiếp cận Chuẩn đầu ra. Việc xây dựng đề cương có quy định rõ về yêu cầu cách thức KTĐG, tỷ trọng điểm thành phần và yêu cầu đạt được; ngân hàng đề thi, hình thức KTĐG bám sát mục tiêu học phần và CĐR cần đạt được [H6.06.01.02].

Trường Cao đẳng Bắc Kạn và khoa Sư phạm có các văn bản hướng dẫn thực tập nghề nghiệp, tiêu chí đánh giá kết quả thực tập và các quy định về điều kiện tốt nghiệp [H6.06.01.01]; [H6.06.04.04]. Theo đó từ năm 2014 trở về trước, Nhà trường áp dụng quy định thi tốt nghiệp, đánh giá kết quả thi tốt nghiệp đại học; từ năm 2015, Nhà trường áp dụng quy định miễn thi tốt nghiệp [H6.06.02.01.10].

Các quy định về kiểm tra - thi được quy định rõ ràng và công bố công khai cho người học thông qua đợt sinh hoạt chính trị đầu khóa cho SV. Ngoài ra, SV được nắm rõ đề cương học phần và các quy định về KTĐG từng học phần thông qua buổi học đầu tiên để lên kế hoạch hoặc điều chỉnh PP học tập phù hợp trong quá trình học tập. Việc SV theo dõi tất cả các thông tin liên quan đến hoạt động đào tạo, kiểm tra - thi được cập nhật một cách công khai và liên tục thông qua tài khoản cá nhân tại địa chỉ <http://daotao.cdbk.edu.vn>:84. SV được biết rõ các quy định về quy trình tổ chức đánh giá, thủ tục khiếu nại/phục khảo, kiểm tra kết quả học tập [H6.06.01.01].

100% GV cơ hữu giảng dạy CTĐT ngành GDMN có trình độ Thạc sĩ được đào tạo đúng chuyên ngành đạt chuẩn của Bộ Giáo dục & Đào tạo, có chứng chỉ NVSP đối với giảng viên giảng dạy Cao đẳng, đại học tập [H6.06.02.01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường và Khoa có các quy định rõ ràng về đánh giá kết quả học tập của người học. Công tác KTĐG kết quả học tập của người học không ngừng được đổi mới và cải tiến theo hướng đa dạng hóa, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu, CĐR từng học phần và CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù chú trọng thiết kế việc đánh giá kết quả học tập theo các thang bậc cao của CDR nhưng việc KTĐG chưa thật sự đồng đều về độ bao quát mục tiêu, nội dung môn học, CTĐT, độ khó cũng như đáp ứng yêu cầu đánh giá cả kiến thức và kỹ năng, đảm bảo cân bằng các mức độ nhớ, hiểu, phân tích, vận dụng, sáng tạo.

Việc thiết kế, sử dụng các PP/ công cụ KTĐG chủ yếu dựa vào quy định của Bộ GD&ĐT, vào ĐCCT môn học. Khoa chưa có những tài liệu hướng dẫn cụ thể, chuyên biệt nhằm xây dựng, sử dụng các phương pháp/ công cụ KTĐG phù hợp với mức độ đạt được CDR ngày càng hiệu quả hơn.

4. Kế hoạch hành động

Bắt đầu từ năm học 2021 - 2022, các bộ môn phụ trách các học phần thuộc CTĐT ngành GDMN thực hiện rà soát các hình thức KTĐG nhằm đảm bảo mức độ phù hợp với nội dung giảng dạy và CDR, đồng thời phân tích đánh giá kết quả học tập của người học để điều chỉnh một cách hợp lý.

Tổ chức phân tích định lượng kết quả kiểm tra - thi của người học để đánh giá chính xác hơn kết quả học tập của SV

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức đạt 5/7)

Tiêu chí 6.2: Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học

1. Mô tả

Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học của ngành GDMN - Khoa Sư phạm được xác định rõ ràng theo Quy chế đào tạo và quy chế thi, kiểm tra của Trường Cao đẳng Bắc Kạn [H6.06.01.01]; [H6.06.02.01].

Về thời gian: Các hình thức KTĐG (vấn đáp cá nhân, thảo luận, thuyết trình, bài tập nhóm, thực hành...) có thể thực hiện xuyên suốt thời gian môn học. Theo đó, kiểm tra giữa kỳ được thực hiện theo đề cương chi tiết từng học phần, bài kiểm

tra cuối kì được thực hiện sau khi kết thúc môn học, sau tuần thứ 16 (bao gồm 15 tuần học và 1 tuần dự trữ).

Về trọng số điểm: Giai đoạn 2014 - 2016, trọng số điểm là: chuyên cần (10%), giữa kì (20%), cuối kỳ (70%); thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi các nội dung liên quan đến kì thi cuối kì được thực hiện theo đúng hướng dẫn của Nhà trường.

Từ năm học 2019 - 2020, Nhà trường cải tiến các hình thức KTĐG kết quả học tập của người học tiếp cận năng lực nhằm đảm bảo việc đánh giá kết quả học tập theo quá trình và theo tiếp cận năng lực của người học, theo đó đánh giá ý thức học tập (10%), hồ sơ học tập (20%), kiểm tra định kỳ (20%) và thi kết thúc môn học (50%) [H6.06.01.01]. Điểm ý thức học tập và kiểm tra định kỳ được công bố công khai với SV trước khi kết thúc môn học. Điểm cuối kỳ được cập nhật trên cổng thông tin SV; SV được cập nhật thông báo về kết quả đăng ký thi, kế hoạch thi kết thúc học phần, tốt nghiệp từ cổng thông tin điện tử của Trường và cổng thông tin cá nhân SV [H6.06.03.06]. Phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng công bố công khai quy định việc phúc khảo kết quả thi của SV.

Về nội dung: Việc KTĐG và thi cử phải đảm bảo việc bao quát nội dung, mục tiêu của từng học phần cũng như toàn chương trình. Nhìn chung, các dạng thức kiểm tra, thi những năm vừa qua của ngành GDMN đều bao quát nội dung, mục tiêu của từng học phần cũng như toàn bộ chương trình ở mức độ khá toàn diện. Riêng hình thức ngân hàng đề thi đảm bảo độ bao quát chương trình rất cao, các câu hỏi đều bám sát nội dung và tương ứng với trọng số môn học [H5.05.01.04]. (Ngân hàng đề thi Mầm non)

Về hình thức: Đề thi kết thúc học phần được quy định rõ về cách thức trình bày, cấu trúc đề thi, thời gian làm bài cho các hình thức thi trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, đề thi được xác định cho phép sử dụng hay không sử dụng tài liệu...[H5.05.02.05]. (Đề thi kết thúc học phần của từng môn học)

Về tiêu chí đánh giá: Tiêu chí về KTĐG học phần được quy định cụ thể trong ĐCCT học phần [H5.05.02.06] (Đề cương chi tiết học phần). Đánh giá kết quả làm bài tập lớn, thực tập chuyên ngành của SV cuối khóa có bộ tiêu chuẩn cụ thể, đồng thời kết quả thi tốt nghiệp/thực tập tốt nghiệp được thông báo đến SV theo đúng tiến độ và quy trình [H5.05.02.07] (Bảng điểm hàng kì). Công tác KTĐG việc đảm bảo tính bao quát nội dung, mục tiêu của từng học phần và CTĐT được các Bộ môn liên quan tiến hành hàng năm.

SV được cung cấp Sổ tay SV từ đầu khóa học trong đó có hướng dẫn quy định cụ thể về thời gian, hình thức, PP, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan trong các kỳ thi-kiểm tra [H5.05.02.08] (Sổ tay SV). Ngoài ra, SV ngành GDMN được phổ biến trực tiếp quy chế KTĐG, điều kiện tốt nghiệp, v.v... từ Cố vấn học tập (GVCM) lớp. Các thông tin, quy định về KTĐG các môn học cũng được GV thông báo đến SV thông qua việc giới thiệu đề cương môn học, quy định về KTĐG môn học ngay từ buổi học đầu tiên của mỗi môn học.

Cơ chế phản hồi của người học về đánh giá kết quả học tập được thực hiện dưới nhiều hình thức (kết quả phỏng vấn người học, phiếu lấy ý kiến đánh giá SV cuối khóa). Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của người học về công tác KTĐG kết quả học tập của phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng cho thấy hình thức và PP KTĐG học phần đã được GV thông báo và giải thích rõ ràng trước khi học, đa số người học đánh giá số lượng bài kiểm tra, hình thức, nội dung, thời gian, thời lượng kiểm tra và các tiêu chí đánh giá của ngành GDMN đều đáp ứng yêu cầu CDR của CTĐT. Theo kết quả khảo sát, hầu hết SV đều hiểu và nắm rõ các quy định về KTĐG kết quả học tập của người học [H5.05.02.09].

2. Điểm mạnh

Kế hoạch và các quy định về KTĐG kết quả học tập của người học theo CTĐT ngành GDMN là rõ ràng, có kế hoạch và được thông báo công khai tới người học.

3. Điểm tồn tại

Việc cập nhật, nắm bắt thông tin của GV về quy định KTĐG người học còn hạn chế về độ nhanh nhạy, sự chủ động, kịp thời.

4. Kế hoạch hành động

Đăng tải các quy định liên quan và cập nhật thường xuyên các văn bản về quy định về KTĐG người học để GV làm cơ sở KTĐG quá trình học tập của SV.

Tiếp tục thực hiện các quy định về KTĐG kết quả học tập của người học theo CTĐT ngành GDMN là rõ ràng, đúng kế hoạch và được thông báo công khai tới người học.

5. Tự đánh giá tiêu chí 6.2: Đạt (Mức đạt 5/7)

Tiêu chí 6.3: Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng

1. Mô tả

PP KTĐG kết quả học tập của người học được thực hiện theo Quy chế đào tạo quy định thi, KTĐG và các văn bản hướng dẫn xây dựng ngân hàng đề thi và ra đề thi của Trường Cao đẳng Bắc Kạn [H5.05.03.01]. .](Quy chế đào tạo, quy chế thi, kiểm tra, đánh giá).

Trường đã thực hiện Quy chế đào tạo Cao đẳng hệ chính qui theo hệ thống tín chỉ ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT của Bộ Giáo dục & Đào tạo từ năm học 2014- 2015 và Trường đã cụ thể hóa việc đánh giá kết quả học tập đối với từng loại học phần (học phần chỉ có lý thuyết, chỉ có thực hành hoặc vừa có lý thuyết vừa có thực hành) bao gồm: đánh giá tinh thần, thái độ học tập; đánh giá thường kỳ và thi kết thúc học phần. Hình thức kiểm tra, thi đa dạng: tự luận, trắc nghiệm khách quan trên giấy, trắc nghiệm trên máy tính, vấn đáp, viết tiểu luận, làm thực hành, thực tập hoặc kết hợp các hình thức nêu trên tùy theo đặc điểm của từng học phần nhằm đảm bảo độ chính xác, khách quan và công bằng [H5.05.03.02].(Quy chế đào tạo tín chỉ). Để đảm bảo việc đánh giá kết quả học tập của SV khách quan, chính xác, công bằng, Nhà trường còn chỉ đạo các đơn vị đào

tạo xây dựng hệ thống ngân hàng đề thi kết thúc học phần để phục vụ cho công tác KTĐG [H5.05.03.04].(ngân hàng đề thi ngành GDMN)

Đối với CTĐT tiếp cận chuẩn đầu ra, Nhà trường đưa ra quy chế thi, kiểm tra trong đó có quy định về cách thức đánh giá SV bám sát vào năng lực, đảm bảo chính xác đúng độ tin cậy [H5.05.03.05].(Quy chế thi, kiểm tra). Đối với việc xây dựng ngân hàng đề thi các học phần theo hướng tiếp cận chuẩn đầu ra, Nhà trường ban hành quy định về việc xây dựng ngân hàng đề thi nhiều hình thức (tự luận, trắc nghiệm khách quan, đồ án, thực hành,...), đề thi đảm bảo độ bao phủ chương trình và mức độ các loại câu hỏi đảm bảo đánh giá đúng năng lực SV [H5.05.03.06]. (ngân hàng đề thi)

Ngành GDMN đã thực hiện cụ thể các quy định của Nhà trường, các nội dung về công tác đánh giá kết quả học tập được thông báo tới từng GV trong các cuộc họp Bộ môn [H5.05.03.07] (Biên bản họp tổ bộ môn). GV tham gia giảng dạy có hồ sơ về đánh giá điểm giữa kỳ chuyên cần, và công bố công khai cho SV trước khi kết thúc học phần, trước khi nộp về văn phòng khoa nhập điểm các GV báo cáo bảng điểm với Trưởng Bộ môn và đề nghị xác nhận [H5.05.03.08]. (Bảng điểm cá nhân môn học)

Đối với ngành GDMN, việc thực hiện các quy định về công tác KTĐG, Bộ môn luôn chú trọng việc xây dựng hệ thống ngân hàng đề thi, thực hiện phân công triển khai xây dựng ngân hàng đề thi theo từng nhóm GV căn cứ vào chuyên môn giảng dạy [H5.05.03.10] (bộ đề thi các bộ môn) Các nhóm chuyên môn tự thực hiện xây dựng ngân hàng đề thi theo sự phân công của nhóm trưởng, sau khi hoàn thành sẽ báo cáo Trưởng Bộ môn lên kế hoạch nghiệm thu [H5.05.03.11] (Kế hoạch và biên bản nghiệm thu)

Đề thi giữa kỳ và cuối kỳ của các học phần được xây dựng và thực hiện theo CTĐT tiếp cận chuẩn đầu ra mà Nhà trường đã ban hành theo Quyết định số 385/QĐ-CĐBK ngày 24 tháng 8 năm 2021 V/v Ban hành chuẩn đầu ra ngành Giáo

dục Mầm non trình độ Cao đẳng. Quy trình xây dựng đề thi được thực hiện theo các bước sau:

1) Nghiên cứu các căn cứ cho quá trình xây dựng đề thi:

+ Căn cứ vào các văn bản và quy định về cách ra đề thi của trường Cao đẳng Bắc Kạn

+ Căn cứ vào Bảng mô tả danh mục các CĐR học phần đáp ứng CĐR của CTĐT

+ Căn cứ vào ĐCCT học phần (trong đó có Bảng Đánh giá môn học (các thành phần, các bài đánh giá và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học)

2) Tiến hành xây dựng Bản đặc tả ma trận câu hỏi thi học phần (thể hiện mối tương quan giữa nội dung môn học với trình độ năng lực, mục tiêu đánh giá và số lượng câu hỏi cho từng mục tiêu [H5.05.03.13].)

3) Xây dựng ma trận câu hỏi thi (thể hiện mối tương quan giữa nội dung của môn học với trình độ năng lực của SV đáp ứng với CĐR của môn học và CTĐT; tỷ lệ câu hỏi theo từng nội dung môn học và theo từng trình độ năng lực đáp ứng với CĐR của môn học và CTĐT [H5.05.03.14].)

4) Tiến hành xây dựng ngân hàng câu hỏi thi trên cơ sở Bản đặc tả ma trận câu hỏi thi học phần và Ma trận câu hỏi thi đã thực hiện ở bước 2 và 3

Để đánh giá độ tin cậy của đề thi, Khoa dựa vào các công cụ và văn bản sau: (1)- Các văn bản của Nhà Trường liên quan đến xây dựng và phát triển CTĐT tiếp cận Chuẩn đầu ra và xây dựng đề thi; (2)- Mục tiêu, CĐR môn học; (3)- ĐCCT môn học; (4)- Bản đặc tả ma trận câu hỏi thi; (5)- Ma trận câu hỏi thi; (6)- Ngân hàng câu hỏi thi; (7)- Kết quả thi của SV [H5.05.03.16]. (Kết quả bài thi – Bảng danh sách dự thi các HP)

2. Điểm mạnh

Công tác đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo đúng quy trình, PP KTĐG được đa dạng hóa, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy, nghiêm túc,

khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu từng học phần và CDR của CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Công tác rà soát, nội dung đề cương các môn học, đổi mới bộ đề thi, đổi mới cách ra đề thi cho một số ít học phần chưa được tiến hành thường xuyên, liên tục để phù hợp với thực tiễn và đặc thù môn học.

4. Kế hoạch hành động

Từ tháng 9 đến tháng 12/2021, triển khai đánh giá chất lượng và độ khó của đề thi thông qua việc thống kê phân tích định lượng các kết quả thi của người học.

Đa dạng hóa PP KTĐG, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu từng học phần và CDR của CTĐT.

5. Tự đánh giá tiêu chí 6.3: Đạt (Mức đạt 5/7)

Tiêu chí 6.4: Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập

1. Mô tả

Công tác chấm thi, công nhận kết quả thi và thông báo kết quả thi của người học được phòng Đào tạo, Khoa Sư phạm phản hồi kịp thời đến người học theo đúng các quy định về việc phản hồi đánh giá kết quả học tập của người học của Trường Cao đẳng Bắc Kạn. Điểm đánh giá ý thức học tập/hồ sơ học tập và điểm đánh giá giữa kỳ phải được thông báo công khai cho SV ngay khi kết thúc giảng dạy học phần; điểm thi kết thúc học phần được thông báo công khai cho SV trên trang thông tin cá nhân của SV chậm nhất 30 ngày sau ngày thi kết thúc học phần. Kết quả học tập của SV được Nhà trường thông báo kịp thời và công khai đến từng lớp sinh viên, khoa Sư phạm và trang web của Trường (qua tài khoản sinh viên) [H5.05.04.02] (Địa chỉ trang Web (đường link)). Thông qua hệ thống phần mềm quản lý (CMC) các hệ đào tạo người học tra cứu kết quả học tập dễ dàng, nhanh chóng, tiện lợi.

Kết quả học tập của người học được các bộ môn, Khoa và Nhà trường thông báo kịp thời và công khai: thông qua các buổi sinh hoạt lớp và trang web của Nhà trường thông qua tài khoản điện tử để người học có phản hồi và kịp thời có kế hoạch cải thiện việc học tập cho phù hợp với tiến độ đã đề ra [H5.05.04.04] (Địa chỉ đường link). SV có thể tra cứu điểm trên tài khoản cá nhân hoặc cổng thông tin của trường. SV cũng có quyền được yêu cầu chấm phúc khảo theo quy định của Nhà trường.

Hệ thống văn bằng chứng chỉ của người học được Nhà trường quản lý và cấp phát đúng quy chế về quản lý và cấp phát văn bằng chứng chỉ của Bộ GD&ĐT. Kết thúc mỗi khóa học người học được nhận bằng tốt nghiệp và ký nhận tại sổ cấp bằng và xác nhận các thông tin liên quan. Trong quá trình in ấn bằng tốt nghiệp, nếu có nhầm lẫn và sai sót thông tin, vấn đề này được lập biên bản tiêu hủy, đồng thời xin cấp phôi bằng khác để in bằng bổ sung, đảm bảo thời gian cấp bằng cho người học đúng theo quy định.

Kết quả học tập của người học được Nhà trường tổ chức quản lý chặt chẽ, lưu trữ đầy đủ và chính xác bằng hệ thống lưu trữ ở khoa sư phạm và lưu trữ trên phần mềm quản lý đào tạo của Nhà trường. Dữ liệu học tập của người học được sao lưu tự động vào hệ thống máy chủ, bao gồm cả các số liệu thống kê tỷ lệ SV các khóa đạt kết quả khá và giỏi nhằm xem xét sự tiến bộ của SV sau các năm học [H5.05.04.05] (phần mềm QLĐT). Kết quả cho thấy, tỷ lệ SV ở các năm học cuối tốt hơn kết quả của SV ở các năm học đầu tiên. Nhà trường đã thực hiện việc cảnh báo kết quả học tập theo từng kỳ giúp SV có kết quả học tập kém nắm được và có phương án học tập thích hợp để có thể tốt nghiệp trong thời hạn tối đa được phép theo chương trình và có được công việc đúng ngành nghề sau khi tốt nghiệp [H5.05.04.06] (Kết quả lần vết của Khoa SP).

Cuối mỗi học kỳ, phòng Thanh tra- KT&ĐBCL đều tiến hành tổ chức khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của người học về cách thức, thời gian phản hồi kết quả học tập. Các thông tin phản hồi về kết quả đánh giá đã được Khoa Sư phạm sử dụng để

cải thiện việc học tập trong các học kỳ tiếp theo, kết quả cải tiến đã mang lại sự hài lòng cũng như chất lượng của người học. GV, CVHT đóng vai trò rất lớn trong vấn đề tư vấn cho người học để cải thiện việc học tập trên cơ sở kết quả học tập được đánh giá.

Hệ thống phần mềm quản lý các hệ đào tạo của Nhà trường được thiết kế bài bản và khoa học giúp Nhà trường, khoa Sư phạm, phòng Đào tạo quản lý kết quả học tập của người học chặt chẽ, chính xác với độ tin cậy cao; hỗ trợ tích cực công tác kiểm tra, tính toán, xử lý số liệu cũng như tra cứu kết quả học tập của người học dễ dàng, nhanh chóng, tiện lợi [H5.05.04.07]. (phần mềm QLĐT)

Quy định về chấm thi và thông báo kết quả thi cho người học được thực hiện theo Quyết định Ban hành Quy định về công tác tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ ở Trường Cao đẳng Bắc Kạn. Riêng với thi vấn đáp và bảo vệ Khóa luận tốt nghiệp được công bố công khai sau buổi thi. Bộ môn có trách nhiệm quản lý và phân công CB nhập điểm thi kết thúc học phần trên phần mềm quản lý đào tạo và nộp điểm về văn phòng khoa Sư phạm [H5.05.01.08] (Quy trình quản lý điểm).

Trong quá trình học, SV có quyền đề nghị Khoa cấp bằng điểm chính thức của một hoặc nhiều kỳ đã học. Bảng điểm này ghi kết quả học tập cho tất cả các học phần mà SV đã học trong các học kỳ mà SV xin cấp bằng điểm.

Nhà trường, Phòng TT – KT và KĐCL đã tổ chức lấy ý kiến về mức độ người học hài lòng về cách thức, thời gian phản hồi kết quả học tập bằng bảng hỏi SV đánh giá GV từng học kỳ thông qua cổng thông tin SV. Kết quả việc làm này được tổng hợp trong Báo cáo tổng hợp kết quả SV đánh giá giảng viên, Báo cáo tổng hợp kết quả phản hồi của SV và các bên liên quan [H5.05.04.09] (báo cáo chi Thu). Ý kiến thông tin phản hồi từ người học đối với kết quả học tập thường xuyên được khoa đưa vào báo cáo sơ kết, tổng kết của đơn vị nhằm rút kinh nghiệm và có biện pháp cải thiện việc học tập của SV [H5.05.04.010].

2. Điểm mạnh

Kết quả học tập của người học thực hiện đúng quy trình, quy định, công tác quản lý kết quả học tập của người học được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để giúp sinh viên hoàn thành chương trình học tập đúng thời hạn và đạt kết quả tốt

3. Điểm tồn tại

Mặc dù kết quả học tập của người học được phản hồi nhanh chóng để SV kịp thời cải tiến quá trình học tập, song đôi lúc còn có số ít SV băn khoăn với kết quả thi do SV chưa được tiếp cận với đáp án của đề thi để đối chiếu với kết quả đánh giá thi.

4. Kế hoạch hành động

Công khai đáp án của đề thi trên hệ thống phần mềm Quản lý Đào tạo để SV tự đối chiếu

5. Tự đánh giá tiêu chí 6.4: Đạt (Mức đạt 5/7)

Tiêu chí 6.5: Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập

1. Mô tả

Quy trình khiếu nại về kết quả học tập đã được Trường Cao đẳng Bắc Kạn hướng dẫn rõ ràng trong các Quy định, Hướng dẫn của Nhà trường về quy trình khiếu nại/phúc khảo, kiểm tra kết quả thi của người học [H5.05.05.01] (Quy chế thi, KT). Các quy định về quy trình khiếu nại kết quả học tập được thông báo công khai đến SV thông qua nhiều hình thức như Chương trình sinh hoạt chính trị đầu khóa và trang thông tin điện tử của Trường [H5.05.05.02], theo đó SV có quyền đề nghị kiểm tra kết quả thi kết thúc học phần trong thời gian cho phép theo quy định. Đơn đề nghị kiểm tra kết quả thi phải được gửi đến Khoa Sư phạm trong vòng 10 ngày kể từ ngày công bố kết quả. Sau khi nhận được đơn, giáo vụ Khoa và Tổ trưởng tổ chấm hoặc CB chấm thi có liên quan rà soát lại toàn bộ các khâu liên quan đến quá trình chấm thi để phản hồi kịp thời tới SV qua phiếu trả lời kết quả.

Thời gian kiểm tra kết quả không quá 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn của SV. Sau khi kiểm tra, nếu điểm cao hơn hoặc thấp hơn trước từ 1 điểm trở lên thì Trưởng Khoa đề nghị một CB thứ 2 có cùng chuyên môn chấm lại. Kết quả cuối cùng do Trưởng Khoa hoặc Trưởng bộ môn ký xác nhận mới được công bố cho SV, muộn nhất là 30 ngày kể từ ngày nhận đơn. Điểm sau kiểm tra là kết quả cuối cùng của đánh giá học phần.

Để thuận tiện cho người học trong việc tiếp cận CB liên quan trong quá trình khiếu nại, Khoa Sư phạm đã phân công giáo vụ Khoa phụ trách việc kiểm tra kết quả thi để tiếp nhận, xử lý và phản hồi kết quả tới người có liên quan tại bộ phận một cửa của nhà trường. Theo thống kê hàng năm, hơn 90% SV ngành GDMN hài lòng về mức độ tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại/kiểm tra kết quả học tập [H5.05.05.04].

2. Điểm mạnh

Người học dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại kết quả học tập của mình từ Giáo vụ Khoa đến Tổ trưởng bộ môn, trưởng Khoa. SV được phổ biến quy trình khiếu nại kiểm tra kết quả thi nên việc khiếu nại và xử lý khiếu nại của SV về kết quả học tập được tiến hành đúng quy trình, quy định và minh bạch.

3. Điểm tồn tại

Các thủ tục, quy trình khiếu nại kết quả học tập do thực hiện qua nhiều công đoạn, từ cấp khoa đến các đơn vị liên quan cấp trường nên gây phiền phức, mất thời gian và công sức của người học khi thực hiện công việc này.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, Nhà trường có kế hoạch chỉ đạo rút gọn quy trình, thủ tục phúc tra kết quả học tập của người học, đồng thời Trưởng Khoa sẽ chỉ đạo Cố vấn học tập (GVCN) hỗ trợ tích cực để giải quyết khiếu nại phúc tra bài thi của SV một cách nhanh, gọn và hiệu quả.

5. Tự đánh giá tiêu chí 6.5: Đạt (Mức đạt 5/7)

Mặc dù còn một số điểm tồn tại như đã nêu, nhìn chung, việc đánh giá kết quả học tập của SV ngành GDMN, Khoa Sư phạm được thực hiện một cách bài bản, bám sát các quy định, hướng dẫn của Trường Cao đẳng Bắc Kạn để đảm bảo tính công khai, minh bạch và công bằng trong đánh giá kết quả học tập của SV. Khoa sư phạm tập trung vào đánh giá năng lực của người học thông qua các kỳ thi, kiểm tra, đặc biệt trong việc đo lường được mức độ đạt được chuẩn đầu ra của môn học và CTĐT, đa dạng hóa các phương thức đánh giá, phản hồi đến người học để người học xác định và điều chỉnh kế hoạch học tập.

Căn cứ vào mức độ đạt được của các tiêu chí, hội đồng Tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành GDMN tự đánh giá tiêu chuẩn 6 có 5/5 tiêu chí đạt.

Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên và nhân viên

Mở đầu:

Trường Cao đẳng Bắc Kạn có đội ngũ cán bộ quản lý (CBQL), GV và nhân viên (NV) đủ về số lượng, có trình độ ĐT đạt chuẩn và trên chuẩn, có phẩm chất đạo đức và ý thức chính trị tốt, có lòng yêu nghề, có tinh thần trách nhiệm trong công việc, tích cực tự học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ của Trường, của Tỉnh.

Công tác tuyển dụng, bố trí, sử dụng, quy hoạch, bổ nhiệm, đội ngũ được thực hiện đúng quy trình, quy định, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục.

Tiêu chí 7.1. Đội ngũ cán bộ quản lý có phẩm chất đạo đức, đáp ứng yêu cầu về trình độ chuyên môn và thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ quản lý.

1. Mô tả

Hiện tại Trường có 01 Hiệu trưởng, 03 Phó Hiệu trưởng có độ tuổi bình quân là 49,5; đây là độ tuổi còn thời gian cống hiến nhiều, có kinh nghiệm trong thực tiễn [H7.07.01.04]. Các CBQL có thâm niên công tác từ 10 năm trở lên, có phẩm chất đạo đức, có lập trường, quan điểm, ý thức chính trị tốt; nghiêm chỉnh chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ LĐTB&XH, Bộ GD&ĐT, quy chế tổ chức hoạt động của trường và các quy định khác. Có bản lĩnh vững vàng trước những khó khăn, thách thức. Có tính quyết đoán, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm

Cần kiệm, liêm chính, chí công vô tư; quan tâm chăm lo đến đời sống vật chất, tinh thần cho CB, viên chức (VC) trong đơn vị [H7.07.01.04].

CBQL thường xuyên được tham gia các lớp bồi dưỡng, học tập chính trị theo quy định.

Hiện tại cả 4 lãnh đạo trường có bằng Cao cấp Lý luận chính trị [H7.7.01.04].

Đội ngũ CBQL của trường đều đạt chuẩn và trên chuẩn về trình độ chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm; được tham gia tập huấn và học tập nâng cao trình độ thường xuyên. 92% CBQL có trình độ thạc sỹ, đã qua bồi dưỡng, đào tạo nghiệp vụ quản lý giáo dục [H7.7.01.04].

CBQL Có tính chủ động, linh hoạt trong quản lý, có lòng yêu nghề, có tinh thần trách nhiệm trong công việc, thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ quản lý, đủ năng lực hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Có năng lực quản lý tài chính, tài sản, hành chính và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý tốt; xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện kế hoạch trong Nhà trường, xây dựng đội ngũ ổn định, phát triển [H7.7.01.04], [H7.7.01.06], [H7.7.02.02].

2. Những điểm mạnh

Đội ngũ CBQL có phẩm chất đạo đức, đáp ứng yêu cầu về trình độ chuyên môn và thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ quản lý. Thực hiện tốt quy chế dân chủ công khai trong tất cả các hoạt động, tạo môi trường tốt để CB, GV, NV, người lao động, HSSV đảm bảo đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo Điều lệ Trường cao đẳng.

3. Những điểm tồn tại

Còn một số cán bộ quản lý chưa được bồi dưỡng về lý luận chính trị cao cấp; một số cán bộ quản lý làm việc thụ động, thiếu tính sáng tạo.

Việc trao đổi học thuật trong đào tạo và nghiên cứu khoa học với nước ngoài chưa được mở rộng do nhiều cán bộ, giảng viên còn hạn chế về ngoại ngữ.

Số cán bộ quản lý và giảng viên, giáo viên có thể giao tiếp bằng ngoại ngữ để làm việc trực tiếp với người nước ngoài còn ít.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2021-2022, có kế hoạch, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, lựa chọn, giới thiệu cấp trên bổ nhiệm, sử dụng hợp lý đội ngũ CBQL.

Để phát huy và phát triển đội ngũ CBQL đảm bảo về số lượng, chất lượng và đồng bộ về cơ cấu; đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục trong giai đoạn hiện nay và thời gian tới, cần có giải pháp phát triển đội ngũ CBQL giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030, thể hiện tính cần thiết và có tính khả thi cao; đáp ứng nhu cầu phát triển GD-ĐT ở địa phương, góp phần phát triển KT-XH tỉnh nhà trong thời kì CNH, HĐH đất nước.

5. Tự đánh giá tiêu chí 7.1: Đạt (mức 4/7)

Tiêu chí 7.2. Đội ngũ giảng viên có phẩm chất đạo đức, đáp ứng yêu cầu về số lượng và cơ cấu chuyên môn.

1. Mô tả

Đội ngũ GV giảng dạy tại Khoa Sư phạm (sau đây gọi tắt là GV của Khoa Sư phạm) có phẩm chất đạo đức và ý thức chính trị tốt; nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; thực hiện đầy đủ các quy định của ngành, Quy chế tổ chức hoạt động của trường và các quy định hợp pháp khác do Hiệu trưởng ban hành [H7.7.01.04],[H7.07.02.02].

100% GV của Khoa có trách nhiệm cao trong công tác, là hạt nhân của phong trào thi đua “Dạy tốt - học tốt” trong Nhà trường. Đa số cán bộ, GV giữ vững đạo đức cách mạng “cần kiệm, liêm chính, chí công vô tư”, yêu ngành, yêu nghề, thương yêu HSSV; có ý thức trách nhiệm và lương tâm nghề nghiệp, phát huy tốt tính gương mẫu, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị của Đảng, của chính quyền và đoàn thể giao phó [H7.07.04.05].

Đội ngũ GV của khoa đáp ứng yêu cầu về số lượng và cơ cấu chuyên môn: [H7.7.01.02];[H7.7.01.03];[H7.7.01.04];

Hầu hết GV được phân công giảng dạy đúng chuyên môn được đào tạo và đảm bảo cơ cấu chuyên môn hợp lí [H7.7.01.02].

Đáp ứng yêu cầu mới của tỉnh, hiện nay Nhà trường đã xây dựng Đề án vị trí việc làm, về cơ cấu đội ngũ GV cho các ngành, bộ môn, trong đó có ngành GDMN [H7.7.01.06].

2. Những điểm mạnh

Đội ngũ GV của Khoa Sư phạm có phẩm chất đạo đức và ý thức chính trị tốt; đạt chuẩn và trên chuẩn về chuyên môn, đạt tiêu chuẩn về đạo đức nhà giáo; có tinh thần trách nhiệm, yêu nghề, nhiệt tình trong công tác, có chí tiến thủ, khắc phục

khó khăn để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; đáp ứng yêu cầu về số lượng và cơ cấu chuyên môn.

3. Những điểm tồn tại

Một số GV còn chưa thực sự tự giác cao trong việc thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình theo quy định.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2021-2022, Nhà trường tăng cường hơn nữa công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng để 100% CB, GV nâng cao tinh thần tự giác, tự nguyện thực hiện tốt nghĩa vụ của mình. Thông qua các buổi học tập nghị quyết, nghe thời sự, đọc báo, nghiên cứu tài liệu để từng bước nâng cao nhận thức của mỗi cá nhân.

- Khuyến khích cán bộ, giáo viên thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao tỉ lệ giáo viên giỏi ngoại ngữ, có trình độ thạc sỹ và năng lực giảng dạy và nghiên cứu khoa học cao.

5. Tự đánh giá tiêu chí 7.2: Đạt (mức 4/7)

Tiêu chí 7.3. Đội ngũ giảng viên, giáo viên có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đạt chuẩn theo quy định; có năng lực chuyên môn và kỹ năng sư phạm đáp ứng được yêu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học của chương trình đào tạo; thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ đào tạo.

1. Mô tả

1.1. Đội ngũ GV có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đạt chuẩn theo quy định.

100% GV của Khoa Sư phạm đều đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn theo quy định tại Điều 79, Luật Giáo dục và Điều 26, Điều lệ Trường cao đẳng [H7.7.01.07], [H7.7.01.08].

Hiện nay, đội ngũ GV thuộc Khoa bao gồm 11 viên chức, có Tổng số viên chức tham gia công tác đào tạo ngành GDMN là 11 người. Số CB giảng dạy có trình độ Thạc sỹ là 09 người (chiếm 82%); số viên chức có trình độ Đại học là 02 người (18%), Giảng viên chính là 04 người (chiếm tỷ lệ 36%),[H7.07.01.04].

1.2. Đội ngũ GV có năng lực chuyên môn và kỹ năng sư phạm đáp ứng được yêu cầu đào tạo và NCKH của CTĐT.

100% GV có năng lực chuyên môn, kỹ năng sư phạm vững vàng đáp ứng được yêu cầu đào tạo và NCKH và được đánh giá cao qua các cuộc kiểm tra chuyên môn, hội thi giảng cấp khoa, cấp trường hàng năm [H7.7.01.07], [H7.7.01.08].

Kết quả dự giờ kiểm tra chuyên môn trong chu kỳ đánh giá [H7.7.02.03].

GV của Khoa Sư phạm tích cực tự học tập và tham gia các lớp tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ [H7.07.01.03], [H7.07.02.02].

Nhà trường, Khoa luôn khuyến khích GV tham gia NCKH, viết bài cho các tạp chí chuyên ngành trong và ngoài nước [H7.07.03.05], hợp tác NCKH với các cơ sở khoa học trong và ngoài tỉnh. GV của Trường, Khoa đã nghiên cứu nhiều đề tài, sáng kiến kinh nghiệm cấp trường, cấp tỉnh . . . và được công nhận và đánh giá cao trong các hội đồng khoa học cấp trường, ngành, cấp tỉnh; được phổ biến trên mạng nội bộ và triển khai ứng dụng các kết quả NCKH tại đơn vị và địa phương [H7.07.03.05], [H7.07.04.09], [H7.07.04.10]. Ngoài ra, GV đề cao tinh thần trách nhiệm trong hoạt động NCKH; gắn kết giữa công tác giảng dạy với NCKH để từ đó đề ra kế hoạch nghiên cứu kết hợp với công tác hướng dẫn tập dượt NCKH cho SV; tham gia đóng góp ý kiến để hoạt động NCKH, chuyển giao công nghệ ngày càng hoàn thiện và phát triển hơn nữa [H7.07.03.10].

Kết quả các công trình NCKH, các đề tài, sáng kiến kinh nghiệm trong năm 2020 – 2021, [H7.07.03.10].

1.3. Đội ngũ GV thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ đào tạo

Trường, Khoa phân công nhiệm vụ giảng dạy, đào tạo và các công việc khác cho GV đảm bảo phù hợp với chuyên môn được đào tạo; phù hợp với trình độ, kinh nghiệm, năng lực của từng GV; nên GV phát huy được năng lực sở trường của cá nhân góp phần thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ đào tạo [H7.07.03.08], [H7.07.03.09].

100% GV của Khoa Sư phạm đều có trình độ đạt chuẩn trở lên, có lòng yêu nghề, vững về chuyên môn, nghiệp vụ. Đa số GV thường xuyên sử dụng Tin học vào công tác giảng dạy, soạn bài giảng điện tử, trình chiếu Powerpoint, sử dụng bảng tương tác, truy cập thông tin trên Internet để khai thác thông tin phục vụ chuyên môn [H7.07.03.09], [H7.07.03.10].

Ngoài việc giảng dạy, NCKH, GV của Khoa còn tích cực tham gia các hoạt động đoàn thể, văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, ... các hoạt động này tạo động lực cho GV hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao [H7.7.04.01].

2. Những điểm mạnh

Đội ngũ GV của Khoa được đào tạo chính quy và đạt từ chuẩn trở lên và đủ số lượng để thực hiện nhiệm vụ đào tạo theo quy định; có chuyên môn phù hợp với yêu cầu đào tạo. Nhiều GV trẻ có năng lực ngoại ngữ, tin học tốt, đáp ứng yêu cầu đổi mới PPGD và NCKH. Có năng lực chuyên môn và kỹ năng sư phạm đáp ứng được yêu cầu mục tiêu đào tạo của Nhà trường.

Ngay từ khâu tuyển dụng, GV đã được kiểm tra, đánh giá chặt chẽ về các mặt phẩm chất nghề nghiệp; năng lực chuyên môn; năng lực nghiệp vụ sư phạm; năng lực ngoại ngữ, tin học. Khi trở thành GV của Khoa, ngoài việc đạt tiêu chuẩn về bằng cấp chuyên môn (Đại học, Thạc sĩ,) đúng chuyên ngành, đội ngũ GV được tham gia các khóa học bồi dưỡng NVSP giảng viên, bồi dưỡng năng lực về công nghệ thông tin, năng lực ngoại ngữ, bồi dưỡng theo chuẩn chức danh nghề nghiệp GV, GV chính, có bài thi đánh giá năng lực sau mỗi khóa học và được cấp chứng chỉ. Cụ thể gần 100% GV của Khoa có chứng chỉ NVSP giảng viên, chứng chỉ Công nghệ thông tin, chứng chỉ Ngoại ngữ, chứng chỉ An ninh quốc phòng, chứng chỉ Trình độ lý luận chính trị (phù hợp với từng loại đối tượng) đạt chuẩn quy định [H7.07.06.01]. [H7.07.01.06].

3. Những điểm tồn tại

Một số GV tuổi đời cao, kỹ năng sử dụng tiếng Anh giao tiếp còn hạn chế, năng lực sử dụng CNTT trong giảng dạy và nghiên cứu còn hạn chế nên chậm tiếp cận với PPGD mới.

Số lượng GV ở một số bộ môn còn thiếu theo quy định của liên Bộ GD&ĐT và Bộ Nội vụ (Bộ môn tin học, mầm non); vì vậy cường độ làm việc của GV tăng trên định mức lao động mới đáp ứng yêu cầu công việc nên ảnh hưởng không nhỏ tới hiệu quả chất lượng. Số lượng GV tham gia NCKH cấp tỉnh, ngành chưa có nhiều.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2021-2022, Xây dựng lộ trình phát triển đảm bảo về mặt số lượng và chất lượng đội ngũ; đào tạo, sử dụng, tuyển dụng GV đảm bảo đội ngũ kế cận, đảm bảo cơ cấu độ tuổi dựa trên khối lượng công việc, vị trí việc làm. Có chiến lược ngắn hạn, dài hạn để quy hoạch phát triển đội ngũ. Rà soát phân công chuyên môn đảm bảo phù hợp chuyên ngành đào tạo.

Tăng cường bồi dưỡng các năng lực còn hạn chế cho đội ngũ GV: Xây dựng đội ngũ GV cốt cán làm nòng cốt cho công tác bồi dưỡng thường xuyên, bồi dưỡng

nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho GV; trong đó chú trọng bồi dưỡng về năng lực phát triển CTĐT, giảng dạy theo PP hiện đại, năng lực ngoại ngữ, CNTT cho GV.

Tăng cường bồi dưỡng năng lực, tạo môi trường để mỗi GV phát huy khả năng NCKH của bản thân. Tổ chức các nhóm NC, tổ chức các buổi hội thảo khoa học... để GV có cơ hội thể hiện, học hỏi lẫn nhau. Xây dựng cơ chế, khuyến khích GV tích cực tham gia NC các đề tài cấp ngành, cấp tỉnh, cấp quốc gia. Gắn NC với giảng dạy, phối hợp NC với đồng nghiệp trong và ngoài đơn vị; giúp đỡ SV, tạo cơ hội cho họ tham gia NCKH.

5. Tự đánh giá tiêu chí 7.3: Đạt (Mức đạt: 4/7)

Tiêu chí 7.4. Giảng viên, giáo viên được đánh giá năng lực và được hỗ trợ, tạo điều kiện để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

1. Mô tả

Với từng chức danh, Trường có ban hành Quyết định giao định mức giờ giảng cho nhà giáo theo năm học cụ thể về số giờ giảng và khối lượng công việc (nghiên cứu, giảng dạy) cho từng loại đối tượng cán bộ giảng dạy và kế hoạch thực hiện nhiệm vụ công tác năm học đối với Khoa và cán bộ GV [H7.07.03.09]. Hàng năm, Khoa tổng kết đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng GV theo Hướng dẫn của Nhà trường về Quy chế đánh giá xếp loại viên chức [H7.07.05.07].

1.1. GV được đánh giá năng lực.

Đội ngũ GV của Khoa Sư phạm ngày càng vững vàng, đạt các yêu cầu về phẩm chất và năng lực của một nhà giáo, đáp ứng nhu cầu nhiệm vụ và CĐR của CTĐT. Trường, Khoa thường xuyên nâng cao chất lượng hoạt động quản lý về nội dung, CTĐT và đội ngũ. Quan tâm, chú trọng xây dựng văn hóa trường học tích cực; tạo điều kiện cho GV phát huy khả năng sáng tạo, gắn bó, hỗ trợ lẫn nhau nhằm phát triển, nâng cao năng lực chuyên môn [H7.07.03.08]. Định kỳ tổ chức đánh giá về chất lượng giảng dạy của GV trên cơ sở đánh giá của đồng nghiệp và của SV [H7.07.04.04]. Có sự ghi nhận, đánh giá công bằng, công khai, dân chủ với thành tích của GV [H7.07.04.01], [H7.07.04.03].

Biểu 1

DANH SÁCH LÝ LỊCH TRÍCH NGANG CBQL, GIẢNG VIÊN KHOA SƯ PHẠM NĂM HỌC 2020-2021

Stt	Họ đệm	Tên	Giới tính	Năm sinh	Dân tộc	Chức vụ	Trình độ						Viên chức /LDH Đ	Chức danh nghề nghiệp	Mã ngạch	Ngày vào biên chế
							Chuyên môn	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	LL CT	QL NN				
1	Phan Thị Nguyệt	Anh	Nữ	04/11/1975	Nùng	Trưởng khoa	Thạc sĩ	KHXH&NV (VHVN)	Anh B	CNTT cơ bản	CC	CV	VC	Giảng viên chính hạng II	V.07.01.02	01/11/1998
2	Nguyễn Thị	Nương	Nữ	13/9/1977	Kinh	Phó Trưởng khoa	Thạc sĩ	Mầm non	Anh Bậc 3	CNTT cơ bản	TC		VC	Giảng viên hạng III	V.07.01.03	13/11/1988
3	Nguyễn Xuân	Cúc	Nam	20/11/1966	Kinh	Nhân viên	Thạc sĩ	Văn học Việt Nam hiện đại	Trung B	CNTT cơ bản			VC	Giảng viên chính hạng II	V.07.01.02	15/9/1988
4	Trần Ngọc	Kiên	Nam	04/9/1969	Kinh	Nhân viên	Thạc sĩ	Mĩ thuật	Anh B1	CNTT cơ bản	TC		VC	Giảng viên hạng III	V.07.01.03	01/6/2000
5	Trần Thị	Lan	Nữ	21/11/1971	Kinh	Nhân viên	Cử nhân	Âm nhạc		CNTT cơ bản			VC	Giảng viên hạng III	V.07.01.03	01/12/1999
6	Bùi Thị	Phượng	Nữ	20/10/1983	Tày	Nhân viên	Thạc sĩ	Tâm lí	B1	B			VC	Giảng viên hạng III	V.07.01.03	01/10/2006
7	Hoàng Thị	Quỳnh	Nữ	28/7/1975	Tày	Nhân viên	Thạc sĩ	Mầm non	Nga	Tin học B			VC	Giảng viên hạng III	V.07.01.03	01/12/1999
8	Lương Thị Như	Quỳnh	Nữ	20/11/1977	Kinh	Nhân viên	Thạc sĩ	Mầm non	Anh B3	CNTT cơ bản			VC	Giảng viên hạng III	V.07.01.03	01/9/1999
9	Dương Thị	Tuyết	Nữ	29/12/1986	Kinh	Nhân viên	Thạc sĩ	Mầm non	Anh B1	Tin học B			VC	Giảng viên chính hạng II	V.07.01.02	01/11/2008
10	Nguyễn Thị Phương	Lan	Nữ	23/12/1980	Kinh	Nhân viên	Thạc sĩ	Toán học (Giải tích)	Anh C	Tin học B			VC	Giảng viên hạng III	V.07.01.03	20/9/2004
11	Ma Thị	Ngọc	Nữ	29/10/1973	Tày	Nhân viên	Thạc sĩ	Lịch sử	Anh B	Tin học B	TC	CV	VC	Giảng viên chính hạng II	V.07.01.02	01/11/1995

1.2. GV được hỗ trợ, tạo điều kiện để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

GV được định kỳ bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, được hỗ trợ, tạo điều kiện để hoàn thành nhiệm vụ được giao (giảng dạy, NCKH), được nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ và tin học; được tham gia học bồi dưỡng kiến thức quản lý, lý luận chính trị, học tập nâng cao trình độ [H7.07.01.08], [H7.07.02.02], [H7.07.04.08].

Ngoài ra, để tạo điều kiện để GV hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, Trường, Khoa cũng quan tâm đảm bảo lợi ích vật chất, chế độ khen thưởng, nâng lương định kỳ, nâng lương trước thời hạn, chuyển ngạch lương khi GV đủ điều kiện. Qua đó, đã tạo điều kiện thuận lợi phát triển đội ngũ, động viên, thu hút được sức lực và trí tuệ của đội ngũ GV [H7.07.04.05].

2. Những điểm mạnh

Đội ngũ cán bộ, GV của Khoa đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục các cấp. Khoa có đủ đội ngũ GV cơ hữu để giảng dạy cho SV ngành GDMN, đảm bảo hợp lý với khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên/sinh viên do vậy, công tác giảng dạy và NCKH của Khoa đã có những thành tích nhất định.

Việc quản trị theo kết quả công việc của GV được quy định và triển khai chặt chẽ, đảm bảo minh bạch, công bằng trong cán bộ, viên chức. Chính sách khen thưởng về kết quả công việc của GV đã tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động khác của GV trong Khoa.

Phần lớn GV ngành GDMN đều hoàn thành tốt các nhiệm vụ năm học. Hàng năm có 5 đến 6 GV đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, giấy khen của Hiệu trưởng, được khen thưởng về thành tích NCKH, được nâng lương trước thời hạn.

Về các hoạt động chuyên môn khác, GV nào không đáp ứng đủ số tiết theo quy định, bị đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ. Tùy thuộc vào tính chất của công việc đảm nhận mà có những quy định khen thưởng cho những cá nhân có nhiều đóng góp [H7.07.03.06].

Ngoài ra, GV của khoa, đặc biệt là các GV tham gia đào tạo ngành GDMN đều đã chủ trì hoặc là thành viên nghiên cứu một số lượng lớn các đề tài NCKH cấp Nhà nước, cấp Tỉnh, cấp Trường. Hằng năm, đều có bài báo được đăng tải trên các tạp chí trong nước, trong tỉnh. [H7.07.03.05]. Nhà trường và Khoa luôn có chính sách khen thưởng kịp thời để động viên GV tích cực NCKH và ứng dụng sản phẩm NCKH phục vụ công tác đào tạo [H7.07.03.06]. [H7.07.03.10]. [H7.07.04.09].

Khoa cũng thực hiện việc đánh giá trình độ, năng lực của nhà giáo về công tác chuyên môn và mức độ hoàn thành công việc hàng năm đúng các quy định hiện hành [H7.07.03.08]; việc khen thưởng, đề bạt, bổ nhiệm hoặc bị kỷ luật hằng năm; việc thực hiện đánh giá, phân loại nhà giáo, viên chức đúng quy định, khách quan, công bằng [H7.07.03.07]. Công tác bình xét thi đua, khen thưởng hằng năm được triển khai một cách khoa học, giúp các cá nhân tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của mình, các cấp quản lý ghi nhận được thành tích của GV và có tổng quan về tình hình giảng dạy, NCKH và hoạt động chuyên môn trong toàn Khoa [H7.07.01.07]. [H7.07.02.03]. Mặt khác, việc đánh giá chất lượng cán bộ là cơ sở giúp lãnh đạo Khoa xây dựng kế hoạch và chiến lược phát triển CB phù hợp [H7.07.01.08].

Biểu 2

DANH SÁCH CÁN BỘ GIÁO VIÊN ĐƯỢC KHEN THƯỞNG, ĐỀ BẠT, BỔ NHIỆM NĂM HỌC 2020 -2021

S T T	Họ đệm	Tên	Giới tính	Năm sinh	Dân tộc	Chức vụ	Trình độ						Viên chức /LĐ HĐ	Chức đanh nghề nghiệp p	Mã ngạch h	Ghi chú
							Chuyên môn	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	LL CT	QL NN				
I-	Khen thưởng															
1	Lương Thị Như	Quỳnh	Nữ	20/11/ 1977	Kinh	Nhân viên	Thạc sĩ	Mầm non	Anh B3	CNTT cơ bản			VC	Giảng viên hạng III	V.07. 01.03	Chiến sĩ thi đua cơ sở năm 2020
2	Lưu Quỳnh	Dương	Nam	15/12/ 1979	Kinh	Nhân viên	Cử nhân	Thế dục	Anh A2	CNTT cơ bản			VC	Giảng viên hạng III	V.07. 01.03	Chiến sĩ thi đua cơ sở năm 2020; Đạt giải nhất Hội giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp tỉnh Bắc Kạn lần thứ IV năm 2020
3	Đặng Hoàng	Ánh	Nữ	06/06/ 1985	Tày	Nhân viên	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Thạc sỹ	Tin học B			VC	Giảng viên hạng III	V.07. 01.03	Đạt giải nhì Hội giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp tỉnh Bắc Kạn lần thứ IV năm 2020
II-	Bổ nhiệm															
1	Chu Thị	Thùy	Nữ	27/7/1 971	Tày	Phó Hiệu trưởng	Thạc sĩ	QLGD	Anh B1	CNTT cơ bản	CC	CV	VC	Giảng viên chính hạng II	V.07. 01.02	- Năm 2020: Phó Hiệu trưởng phụ trách Trường Cao đẳng Cộng đồng Bắc Kạn (Quyết định số 129/QĐ-UBND ngày 31/01/2020). - Năm 2020: Phó Hiệu Trưởng Trường Cao đẳng Bắc Kạn (Quyết định số 396/QĐ- UBND ngày 13/03/2020
2	Lê Thị	Tuyết	Nữ	12/8/1 975	Kinh	Phó Trưởng phòng Đào tạo	Thạc sĩ	Hóa học (Hóa phân tích)	Anh B4	B	CC	CV	VC	Giảng viên chính hạng II	V.07. 01.02	- Năm 2020: Phó trưởng Phòng Đào tạo (Quyết định số 29/QĐ-CĐBK ngày 31/03/2020)
3	Phan Thị Nguyệt	Anh	Nữ	04/11/ 1975	Nùng	Trưởng khoa	Thạc sĩ	KHXXH &NV (VHVN)	Anh B	CNTT cơ bản	CC	CV	VC	Giảng viên chính hạng II	V.07. 01.02	- Năm 2017: Trưởng Khoa Sư phạm (Quyết định số 747/QĐ-CĐCĐ ngày 20/11/2017). - Năm 2020: Trưởng Khoa sư phạm(Quyết định số 14 /QĐ- CĐBK ngày 31/ 03 /2020

4	Nguyễn Thị	Nương	Nữ	13/9/1977	Kinh	Phó Trưởng khoa	Thạc sĩ	Mầm non	Anh Bậc 3	CNTT cơ bản	TC		VC	Giảng viên hạng III	V.07.01.03	- Năm 2017: Phó Trưởng Khoa Sư phạm (Quyết định số 755/QĐ-CĐCĐ ngày 20 /11 /2017) - Năm 2020: Trưởng Khoa sư phạm(Quyết định số 24 /QĐ-CĐBK ngày 31/ 03 /2020).
5	Vi Thị	Thu	Nữ	25/11/1972	Tày	Phó Trưởng phòng	Thạc sĩ	Vật lí	Anh B	CNTT cơ bản	CC	CV	VC	Giảng viên chính hạng II	V.07.01.02	- Năm 2017: Phó trưởng phòng Tổ chức - Hành chính (Quyết định số 773/QĐ-CĐCĐ ngày 20/11/2017) - Năm 2020: Phó trưởng phòng thanh tra- Khảo thí và ĐBCL (Quyết định số 32/QĐ-CĐBK ngày 31/03/2020)
6	Dương Thị	Tuyết	Nữ	29/12/1986	Kinh	Nhân viên	Thạc sĩ	Mầm non	Anh B1	Tin học B			VC	Giảng viên chính hạng II	V.07.01.02	QĐ số 505 ngày 29/10/2021
7	Lưu Quỳnh	Dương	Nam	15/12/1979	Kinh	Nhân viên	Cử nhân	Thế dục)	Anh A2	CNTT cơ bản			VC	Giảng viên hạng III	V.07.01.03	QĐ số 492 ngày 27/10/2020
8	Nguyễn Đức	Hiền	Nam	03/10/1986	Kinh	Nhân viên	Cử nhân	SP TDTT		CNTT cơ bản			VC	Giảng viên hạng III	V.07.01.03	QĐ số 147 ngày 09/4/2021 trường bộ môn

Biểu 3

DANH SÁCH CÁN BỘ GIÁO VIÊN ĐƯỢC KHEN THƯỞNG, ĐỀ BẠT, BỔ NHIỆM NĂM 2020 -2021

S T T	Họ đệm	Tên	Giới tính	Sinh	Dân tộc	Chức vụ	Trình độ						CDNN	Ghi chú
							Chu yên môn	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	LL CT	QLN N		
I	Khen thưởng													
1	Lương Thị Như	Quỳnh	Nữ	20/11/1977	Kinh	Nhân viên	Thạc sĩ	Mầm non	Anh B3	CNTT cơ bản			Giảng viên hạng III	Chiến sĩ thi đua cơ sở năm 2020
2	Lưu Quỳnh	Dương	Nam	15/12/1979	Kinh	Nhân viên	Cử nhân	Thẻ dục)	Anh A2	CNTT cơ bản			Giảng viên hạng III	Chiến sĩ thi đua cơ sở năm 2020; Đạt giải nhất Hội giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp tỉnh Bắc Kạn lần thứ IV năm 2020
3	Đặng Hoàng	Ánh	Nữ	06/06/1985	Tày	Nhân viên	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Thạc sĩ	Tin học B			Giảng viên hạng III	Đạt giải nhì Hội giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp tỉnh Bắc Kạn lần thứ IV năm 2020
II	Bổ nhiệm													
1	Chu Thị	Thủy	Nữ	27/7/1971	Tày	Phó Hiệu trưởng	Thạc sĩ	QLGD	Anh B1	CNTT cơ bản	CC	CV	Giảng viên chính hạng II	- Năm 2020: Phó Hiệu trưởng phụ trách Trường Cao đẳng Công đồng Bắc Kạn (Quyết định số 129/QĐ-UBND ngày 31/01/2020). - Năm 2020: Phó Hiệu Trưởng Trường Cao đẳng Bắc Kạn (Quyết định số 396/QĐ-UBND ngày 13/03/2020)
2	Lê Thị	Tuyết	Nữ	12/8/1975	Kinh	Phó Trưởng phòng Đào tạo	Thạc sĩ	Hóa học (Hóa phân tích)	Anh B4	B	CC	CV	Giảng viên chính hạng II	- Năm 2020: Phó trưởng Phòng Đào tạo (Quyết định số 29/QĐ-CĐBK ngày 31/03/2020)
3	Phan Thị Nguyệt	Anh	Nữ	04/11/1975	Nùng	Trưởng khoa	Thạc sĩ	KHXH&NV (VHVN)	Anh B	CNTT cơ bản	CC	CV	Giảng viên chính hạng II	- Năm 2017: Trưởng Khoa Sư phạm (Quyết định số 747/QĐ-CĐCĐ ngày 20/11/2017). - Năm 2020: Trưởng Khoa sư phạm (Quyết định số 14 /QĐ-CĐBK ngày 31/ 03 /2020
4	Nguyễn Thị	Nương	Nữ	13/9/1977	Kinh	Phó Trưởng khoa	Thạc sĩ	Mầm non	Anh Bậc 3	CNTT cơ bản	TC		Giảng viên hạng III	- Năm 2017: Phó Trưởng Khoa Sư phạm (Quyết định số 755/QĐ-CĐCĐ ngày 20 /11 /2017) - Năm 2020: Trưởng Khoa sư phạm (Quyết định số 24 /QĐ-CĐBK ngày 31/ 03 /2020).

5	Vi Thị	Thu	Nữ	25/11/1972	Tây	Phó Trưởng phòng	Thạc sĩ	Vật lí	Anh B	CNTT cơ bản	CC	CV	Giảng viên chính hạng II	- Năm 2017: Phó trưởng phòng Tổ chức - Hành chính (Quyết định số 773/QĐ-CĐCĐ ngày 20/11/2017) - Năm 2020: Phó trưởng phòng thanh tra- Khảo thí và ĐBCL (Quyết định số 32/QĐ-CĐBK ngày 31/03/2020)
6	Dương Thị	Tuyết	Nữ	29/12/1986	Kinh	Nhân viên	Thạc sĩ	Mầm non	Anh B1	Tin học B			Giảng viên chính hạng II	QĐ số 505 ngày 29/10/2021
7	Lưu Quỳnh	Dương	Nam	15/12/1979	Kinh	Nhân viên	Cử nhân	Thế dục)	Anh A2	CNTT cơ bản			Giảng viên hạng III	QĐ số 492 ngày 27/10/2020
8	Nguyễn Đức	Hiền	Nam	03/10/1986	Kinh	Nhân viên	Cử nhân	SP TDTT		CNTT cơ bản			Giảng viên hạng III	QĐ số 147 ngày 09/4/

3. Điểm tồn tại

Trường được thành lập trong bối cảnh luật giáo dục 2019 có hiệu lực. Nhà trường chỉ còn được đào tạo Cao đẳng Sư phạm Mầm non, một số giáo viên chuyên ngành của ngành Sư phạm bị dư thừa (Âm nhạc, Mỹ thuật, Tâm lý – Giáo dục...). Do quy mô giảng dạy cao đẳng mầm non sụt giảm, số giáo viên này chủ yếu tham gia giảng dạy văn hóa THPT, một số giảng viên chuyên ngành thiếu giờ giảng, chưa khai thác được hết tiềm năng đội ngũ GV.

Một số GV chưa thành thạo trong sử dụng các phương tiện dạy học hiện đại (máy chiếu, bảng tương tác, thiết bị âm thanh, ...) cần hoàn thiện thêm.

Việc trao đổi học thuật trong đào tạo và nghiên cứu khoa học với nước ngoài chưa được mở rộng do nhiều cán bộ, giảng viên còn hạn chế về ngoại ngữ.

Số cán bộ quản lý và giảng viên có đủ trình độ ngoại ngữ để làm việc trực tiếp với người nước ngoài còn ít.

Năm 2020 có 01 GV có nguyện vọng tình giản biên chế, sức khỏe không đảm bảo nên chưa đáp ứng yêu cầu của VTVL; 01 GV không hoàn thành nhiệm vụ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giai đoạn 2020-2025, cần chú trọng công tác bồi dưỡng, nâng cao năng lực ngoại ngữ cho GV; tạo điều kiện về thời gian và công việc để GV tham gia các khóa đào tạo nâng cao năng lực. Tiếp tục tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, quốc phòng - an ninh, quản lý hành chính; tiếng anh, tin học, tạo điều kiện cho các cán bộ quản lý, cán bộ quy hoạch tham gia các khóa bồi dưỡng chính trị trung cấp, cao cấp; có cơ chế tăng cường quyền tự chủ và tính tự chịu trách nhiệm cho cán bộ quản lý của các đơn vị; triển khai đồng bộ công tác kiểm tra, đánh giá hiệu quả hoạt động của cán bộ quản lý để kịp thời khắc phục những điểm yếu trong công tác quản lý cũng như nhân rộng các điển hình tiên tiến. Đồng thời, tiếp tục tổ chức cho cán bộ, giáo viên, người lao động học tập, nâng cao trình độ, chuyên môn Tiếng anh, tin học nhằm đáp ứng các yêu cầu theo giáo dục nghề nghiệp.

Khuyến khích cán bộ, giáo viên thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao tỉ lệ giáo viên giỏi ngoại ngữ, có trình độ thạc sỹ và năng lực giảng dạy và nghiên cứu khoa học cao.

Đề xuất với Nhà trường xây dựng và hoàn thiện bộ công cụ đánh giá nhà giáo để thực hiện; đảm bảo ngày càng nâng cao năng lực giảng dạy, nghiên cứu của giảng viên, khích lệ GV phát huy tối đa năng lực của bản thân.

Năm học 2021-2022, các đơn vị theo chức năng nhiệm vụ của mình tiếp tục rà soát, bổ sung, điều chỉnh hệ thống văn bản cho phù hợp, đảm bảo tính đồng bộ và tính hệ thống. Quán triệt thực hiện và tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các văn bản.

Tiếp tục rà soát, bổ sung và kiện toàn cơ cấu tổ chức phù hợp với yêu cầu phát triển của trường theo hướng tinh gọn, hiệu quả.

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức đạt: 4/7)

Tiêu chí 7.5: Đội ngũ nhân viên có phẩm chất đạo đức, đáp ứng yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và thực hiện hiệu quả nhiệm vụ được giao; được đánh giá năng lực; được định kỳ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Đội ngũ nhân viên có phẩm chất đạo đức.

Đội ngũ nhân viên (NV) có phẩm chất đạo đức tốt; chấp hành nghiêm mọi đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước; thực hiện đúng mọi quy định của ngành, của cơ quan, đơn vị. Chấp hành tốt kỷ luật lao động, văn hóa công sở cũng như đạo đức nghề nghiệp [H7.07.06.03].

1.2. Đội ngũ nhân viên đáp ứng yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ được giao.

Thực hiện Kế hoạch chiến lược phát triển Trường cao đẳng Bắc Kạn giai đoạn 2016 – 2025, kế hoạch công tác năm và trên cơ sở quy hoạch cán bộ và nhu cầu bố trí, sử dụng cán bộ, viên chức, thực hiện chuẩn hóa đào tạo bồi dưỡng theo vị trí việc làm. Hàng năm đơn vị đều xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng nhằm nâng cao kiến thức kỹ năng và phương pháp thực hiện nhiệm vụ được giao. Góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ viên chức có đạo đức nghề nghiệp, có đủ trình độ và năng lực chuyên môn đảm bảo chất lượng của hoạt động nghề nghiệp.

Đội ngũ NV của Trường được bố trí có 3 bộ phận là: Phòng TC-HC với 18 biên chế (trong đó có 1 trưởng phòng, 2 phó trưởng phòng và 15 VC); Phòng Công tác HSSV với 9 biên chế (gồm 1 GV kiêm trưởng phòng, 2 phó trưởng phòng và 6 VC); Trình độ của NV đạt từ chuẩn trở lên, hầu hết đội ngũ NV đều có trình độ ngoại ngữ và tin học đáp ứng theo yêu cầu vị trí việc làm điều này góp phần giúp đội ngũ NV thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ được giao [H7.07.05.02], [H7.07.05.03], [H7.07.05.04].

Biểu 4
DANH SÁCH ĐỘI NGŨ VIÊN CHỨC, NHÂN VIÊN HỖ TRỢ

STT	Họ và tên	Năm sinh		Đơn vị	CDNN (VTVL)	Nhiệm vụ (kiêm nhiệm)	Trình độ chuyên môn đào tạo	Chứng chỉ CMNV
		Nam	Nữ					
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Nguyễn Hồng Hạnh		18/10/1980	Khoa Tổng hợp	Giảng viên hạng III	Giảng dạy bộ môn tin học; Quản lý Phòng thực hành tin	- Đại học, chuyên ngành Tiên học. - Thạc sĩ, chuyên ngành Khoa học máy tính.	- Tiếng anh B1 châu âu - Chứng chỉ Sơ cấp nghề; - Chứng chỉ NVSP; - Nghiệp vụ sư phạm; Chứng chỉ BD NVSP cho nhà Giáo dục trình độ Cao đẳng
2	Lương Thị Như Quỳnh		20/11/1977	Khoa Sư phạm	Giảng viên hạng III	Giảng dạy bộ môn mầm non; Quản lý Phòng thực hành mầm non	- Đại học, sư phạm ngành Giáo dục mầm non. - Thạc sĩ, ngành Giáo dục mầm non	- Tiếng anh B1. - Ứng dụng CNTT cơ bản - Chứng chỉ NVSP dạy nghề; CC NCSP. - CC BD giảng viên chính.
3	Phùng Thị Liên		20/5/1985	Phòng CT HSSV	Thư viện viên hạng III	Nhân viên thư viện	Đại học chuyên ngành Thông tin thư viện	- CC NVSP cán bộ QL và chuyên môn thư viện
4	Nguyễn Mạnh Huy	12/9/1990		Phòng TC-HC	HDLĐ	Nhân viên Quản trị mạng	Đại học chuyên ngành tin học	- Tiếng Anh B - CC kỹ năng nghề quốc gia bậc 3. - CC quản trị mạng (CCNA), quản trị hệ thống (MCSA).

1.3. Đội ngũ nhân viên được đánh giá năng lực.

Đội ngũ nhân viên hỗ trợ (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác) đóng một vai trò quan trọng trong việc triển khai các hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động chung của Nhà trường và Khoa.

Nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT, và các dịch vụ hỗ trợ khác đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng, đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động của nhà trường nói chung [H7.07.05.02].

Nhà trường hiện có 01 viên chức tốt nghiệp Cử nhân, có chuyên ngành Thông tin thư viện, thực hiện VTVL tại Thư viện nhà trường; 01 kỹ sư chuyên ngành Công nghệ thông tin; 01 thạc sĩ ngoài thực hiện VTVL giảng viên tham gia vận hành, thực hành phòng thực hành tin; 01 thạc sĩ giảng viên kiêm nhiệm quản lý phòng thực hành mầm non.[H7.07.05.02]. Viên chức chuyên trách làm việc hành chính, các GV kiêm nhiệm theo thời khóa biểu, theo phân công nhiệm vụ, làm việc tùy theo yêu cầu công việc và được hưởng các chế độ theo quy định của nhà trường.

Nhà trường có những kế hoạch dài hạn cho công tác xây dựng đội ngũ NV [H7.07.05.09]. Xác định, phân loại được năng lực của đội ngũ NV bao gồm năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, mức độ hoàn thành công việc và sự hài lòng của các bên liên

quan. Trường có qui định cụ thể về khối lượng công việc theo vị trí việc làm theo phân công nhiệm vụ; đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng NV theo những quy định đó cũng như các quy chế về khen thưởng, kỷ luật để làm cơ sở bình xét các hình thức khen thưởng cuối năm [H7.07.05.05], [H7.07.05.07], [H7.07.05.08].

Nhà trường có cơ chế kiểm tra, giám sát công tác của đội ngũ NV; hàng năm, tổ chức thực hiện việc đánh giá năng lực của đội ngũ NV về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, mức độ hoàn thành công việc và sự hài lòng của các bên liên quan. Những NV hoàn thành tốt công việc được giao được ghi nhận bởi các danh hiệu thi đua như: Lao động tiên tiến, Chiến sỹ thi đua các cấp, Giấy khen của Hiệu trưởng, của Giám đốc Sở GD&ĐT, của Chủ tịch tỉnh ...; Với những cá nhân có thành tích cao, ngoài việc khen thưởng, còn được tăng lương trước thời hạn ... Việc ghi nhận đúng thành tích và khen thưởng kịp thời đã tạo động lực cho đội ngũ NV phát huy hết khả năng trong công việc, nâng cao được hiệu quả công tác, đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của Nhà trường. Ngoài ra, kết quả xếp loại lao động, thi đua của NV sẽ làm căn cứ để chi trả thu nhập tăng thêm hàng năm; điều này đã động viên, khuyến khích đội ngũ NV nỗ lực hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Kết quả đánh giá cho thấy đội ngũ VN của CTĐT thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ được giao, đáp ứng yêu cầu phục vụ, hỗ trợ cho CTĐT [H7.07.05.03], [H7.07.05.07], [H7.07.05.08].

1.4. Đội ngũ nhân viên được định kỳ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.

Đảng ủy, Ban Giám hiệu thường xuyên phổ biến, quán triệt các văn bản của Trung ương, của tỉnh về công tác đào tạo, bồi dưỡng đến toàn thể viên chức người lao động trong đơn vị, qua đó nâng cao nhận thức của viên chức, người lao động về vai trò, nhiệm vụ trong công tác đào tạo, bồi dưỡng trong giai đoạn mới và nâng cao trách nhiệm của viên chức trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được đào tạo, bồi dưỡng, học và tự học, thực hiện học tập suốt đời.

Cụ thể: Quyết định số 163/QĐ-TTG ngày 25/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức viên chức tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2016 - 2025; Quyết định số 747/QĐ-UBND ngày 27/5/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức viên chức tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2016 - 2020 và các văn bản khác có liên quan; Thực hiện Kế hoạch chiến lược phát triển Trường cao đẳng Bắc Kạn giai đoạn 2016 – 2025, Nhà trường đã xây dựng Quy chế đào tạo bồi dưỡng viên chức và người lao động Trường Cao đẳng Bắc Kạn ban hành kèm theo Quyết định số 435/QĐ-CĐBK ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bắc Kạn; kế hoạch công tác năm và trên cơ sở quy hoạch cán bộ và nhu cầu bố trí, sử dụng cán bộ, viên chức, thực hiện chuẩn hóa đào tạo bồi dưỡng theo vị trí việc làm. Hàng năm đơn vị đều xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng nhằm nâng cao kiến thức kỹ năng và phương pháp thực hiện nhiệm vụ được giao.

Góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ viên chức có đạo đức nghề nghiệp, có đủ trình độ và năng lực chuyên môn đảm bảo chất lượng của hoạt động nghề nghiệp. Trang bị cho cán bộ, viên chức, người lao động của trường những kiến thức, kỹ năng, phương pháp cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu về năng lực phục vụ công tác chuyên môn, nghiệp vụ; yêu cầu của vị trí việc làm; tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo quản lý và đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghề cho đội ngũ giáo viên, Các lĩnh vực nâng cao bồi dưỡng được xác định gồm: lý luận chính trị, bồi dưỡng chuyên môn, ngoại ngữ và tin học [H7.07.05.10]. [H7.07.05.11]. Nhà trường có phân bổ ngân sách chi cho hoạt động bồi dưỡng phát triển năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên [H7.07.04.08].

2. Những điểm mạnh

Đội ngũ NV có phẩm chất đạo đức, đáp ứng yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; có đủ năng lực để sắp xếp vào những công việc cụ thể. Đội ngũ NV đủ về số lượng, phần lớn có kinh nghiệm, chăm lo công việc, chấp hành tốt kỷ luật lao động, đảm bảo ngày giờ công thực hiện hiệu quả nhiệm vụ được giao; được đánh giá năng lực; được định kỳ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.

Đội ngũ nhân viên công tác phục vụ có chuyên môn cao, đáp ứng yêu cầu của công việc và vị trí việc làm; trong các lĩnh vực đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ HSSV.

Đội ngũ nhân viên được tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển theo đúng quy định về công tác cán bộ của Chính Phủ, Bộ và Nhà trường [H7.07.06.01].

Khoa Sư phạm luôn tuân thủ mọi quy trình của Nhà trường trong công tác cán bộ, đồng thời còn có những đề xuất với Nhà trường về các tiêu chuẩn tuyển dụng nhân viên để phù hợp đặc thù công việc của ngành GDMN.

3. Những điểm tồn tại

Do tính lịch sử, ở thời điểm hiện tại, còn một số NV phục vụ của trường còn hạn chế về trình độ chuyên môn, ngoại ngữ và tin học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2021 - 2022, Nhà trường rà soát điều chỉnh đội ngũ NV cho sát với tình hình phát triển trong giai đoạn tới; có các biện pháp đồng bộ trong công tác bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công việc cho đội ngũ NV.

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức 4/7)

Tiêu chí 7.6. Quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm, sử dụng cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên và nhân viên bảo đảm đúng quy định, công khai và minh bạch.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm, sử dụng cán bộ quản lý, GV và nhân viên bảo đảm đúng quy định

Trường Cao đẳng Bắc Kạn đã xây dựng Đề án vị trí việc làm trình Sở Nội vụ thẩm định và Ủy ban nhân dân tỉnh đã ký Quyết định phê duyệt Danh mục vị trí việc làm, bản mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc làm thuộc Trường Cao đẳng Bắc Kạn tại Quyết định số 24/QĐ-UBND ngày 08/01/2021. Hiện Trường Cao đẳng Bắc Kạn đang sắp xếp, bố trí, sử dụng viên chức, người lao động theo Đề án được UBND tỉnh phê duyệt. Thực hiện việc đề xuất tuyển dụng viên chức đảm bảo chất lượng, đúng cơ cấu vị trí việc làm, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ công việc được giao; Thực hiện đúng quy định hiện hành và Quy chế ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ Nội vụ; ND 115/2020/ND-CP ngày 25/9/2020 của Chính Phủ. Đảm bảo nghiêm túc, công khai, minh bạch, khách quan; lựa chọn được những người có trình độ và năng lực theo yêu cầu của vị trí cần tuyển dụng; Việc tuyển dụng viên chức phải căn cứ vào yêu cầu, nhiệm vụ, vị trí việc làm và chỉ tiêu biên chế viên chức đã được Ủy ban nhân dân tỉnh giao. [H7.07.05.06].

Cụ thể, đối với ngạch chuyên viên; Công nghệ thông tin gồm các tiêu chí sau: Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên, chuyên ngành đào tạo phù hợp với ngành, lĩnh vực công tác, ưu tiên người có kinh nghiệm đúng chuyên môn với vị trí việc làm cần tuyển; có chứng chỉ ngoại ngữ trình độ tương đương bậc 2 (A2) theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, được quy định tại Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT; có chứng chỉ tin học trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT. Quy trình tuyển dụng bao gồm các bước (Sơ đồ 2).

Việc điều chuyển, chuyển đổi vị trí công tác nhân viên hành chính hỗ trợ là yêu cầu thường xuyên, áp dụng với tất cả các cán bộ, viên chức của Nhà trường.

1.2. Quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm, sử dụng cán bộ quản lý, GV và nhân viên công khai và minh bạch.

Việc tuyển dụng viên chức phải căn cứ vào yêu cầu, nhiệm vụ, vị trí việc làm và chỉ tiêu biên chế viên chức đã được Ủy ban nhân dân tỉnh giao. Các thông tin tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được đăng công khai trên phương tiện truyền thông: Cổng thông tin điện tử tỉnh; Báo Bắc Kạn; trên cổng thông tin (<http://cdbk.edu.vn/> bảng tin Nhà trường [H7.07.06.04].[H7.07.06.05].

Khoa Sư phạm luôn tuân thủ mọi quy định của Nhà trường trong công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên của Nhà trường. Khoa đã xây dựng và ban hành phân công nhiệm vụ đối với từng cán bộ, GV, nhân viên theo vị trí việc làm. [H7.07.01.02].

Quy trình, tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, sử dụng CBQL, GV và NV được xây dựng dựa trên các quy định hiện hành và trên cơ sở phân tích nhu cầu và ý kiến góp ý của các bên liên quan. Để đảm bảo về số lượng và chất lượng đội ngũ, nhà trường đã xây dựng lộ trình phát triển trong 5 năm, căn cứ để đào tạo, sử dụng, tuyển dụng VC đảm bảo đội ngũ kế cận, đảm bảo cơ cấu độ tuổi dựa trên khối lượng công việc đang thực hiện của GV, NV và lực lượng GV, NV sắp nghỉ hưu. Có chiến lược ngắn hạn, dài hạn để quy hoạch phát triển đội ngũ GV, NV đạt chuẩn.

Quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại chặt chẽ, có tiêu chí cụ thể về năng lực chuyên môn và kỹ năng nghề; người được tuyển dụng, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại phải đủ điều kiện đã đề ra theo đúng quy định của Nhà nước. Người được tuyển dụng mới thay thế được vị trí của người tương ứng vừa nghỉ hưu hoặc chuyển công tác. Người được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại theo nhiệm kỳ, phải đảm bảo đủ các tiêu chuẩn theo quy định; đặc biệt phải có uy tín trong cơ quan, đơn vị, phải được mọi người suy tôn giới thiệu [H7.07.06.02].

2. Những điểm mạnh

Đội ngũ nhân viên của Khoa được tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển theo đúng quy định về công tác cán bộ của Chính Phủ, Bộ và Nhà trường [H7.07.06.01].

Khoa luôn tuân thủ mọi quy trình của Nhà trường trong công tác cán bộ, đồng thời còn có những đề xuất với Nhà trường về các tiêu chuẩn tuyển dụng nhân viên để phù hợp đặc thù công việc của ngành GDMN.

Nhà trường có đội ngũ GV cơ hữu mạnh về năng lực, vững về chuyên môn; sẵn sàng thực hiện có hiệu quả các hoạt động giảng dạy và NCKH.

3. Những điểm tồn tại

Công tác quy hoạch còn chưa chú trọng đúng mức tới sự cân đối tỷ lệ nam, nữ GV trong phạm vi các Khoa và các đơn vị trực thuộc trong nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2021-2022, Đổi mới cơ chế tuyển dụng, bổ nhiệm, sử dụng CBQL, GV và NV bảo đảm đúng quy định của Nhà nước. Thực hiện tuyển dụng, bổ nhiệm, sử dụng đội ngũ CBQL, GV và NV phải xuất phát từ nhu cầu công việc, quy mô, ngành nghề đào tạo, vị trí việc làm. Điều chỉnh quy hoạch đội ngũ GV, NV trong từng giai đoạn và xây dựng được bộ “chuẩn năng lực giảng viên”, hệ thống danh mục vị trí việc làm và cơ cấu GV, NV; từ đó có cơ sở để tuyển dụng đúng người, đúng việc, đúng số lượng, đảm bảo cơ cấu, tỷ lệ hợp lý.

5. Tự đánh giá: Đạt (mức 4/7)

***Kết luận về Tiêu chuẩn 7:**

Đội ngũ CBQL của nhà trường có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực chuyên môn, năng lực lãnh đạo vững vàng, đáp ứng yêu cầu về trình độ chuyên môn và thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ quản lý.

Đội ngũ cán bộ giảng viên, giáo viên và nhân viên hỗ trợ cho CTĐT ngành GDMN có trình độ chuyên môn, năng lực làm việc đáp ứng tốt nhu cầu công việc. Ngoài ra, đội ngũ này cũng rất năng động và nhiệt tình, do vậy, công việc được triển khai có hiệu quả. Ngoài ra, Ngành GDMN luôn có những chế độ khen thưởng và kỷ luật phù hợp để quản lý công việc của đội ngũ này. Công tác đánh giá, quy hoạch, đào tạo, phát triển đội ngũ nhân viên của Khoa và Nhà trường đã đáp ứng nhu cầu VTVL của ngành và phù hợp với chiến lược phát triển của nhà trường

Đối với Nhà giáo thực hiện giảng dạy theo chuyên môn, soạn giáo án, thực hiện hồ sơ sổ sách, biểu mẫu theo quy định của Nhà trường, không có trường hợp vi phạm quy chế; thực hiện công giáo viên chủ nhiệm lớp theo quy chế; rà soát biên soạn, chỉnh sửa chương trình, học liệu, tổ chức hội thảo nghiên cứu đổi mới nội dung, cải tiến phương pháp giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy, thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, thực tế doanh nghiệp, học tập bồi dưỡng; quản lý người học, đề xuất khen thưởng, kỷ luật và thực hiện các chế độ chính sách cho HSSV; đánh giá xếp loại Nhà giáo theo quy định của Bộ Lao động – TB&XH và hướng dẫn của Nhà trường (100% Nhà giáo đạt chuẩn chuyên môn nghiệp vụ, đạt từ Khá trở lên)

Đội ngũ NV hỗ trợ cho CTĐT ngành GDMN có trình độ chuyên môn, năng lực làm việc đáp ứng tốt nhu cầu công việc. Ngoài ra, đội ngũ này cũng rất năng động và nhiệt tình, do vậy, công việc được triển khai có hiệu quả.

Công tác đánh giá, quy hoạch, đào tạo, phát triển đội ngũ CBQL, GV, NV của Khoa và Nhà trường đã đáp ứng nhu cầu của mục tiêu ĐT, phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường.

Căn cứ vào mức độ đạt được của các tiêu chí, hội đồng Tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành GDMN tự đánh giá tiêu chuẩn 7 có 6/6 tiêu chí đạt.

Tiêu chuẩn 8

CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TRANG THIẾT BỊ

Mở đầu

Trường Cao đẳng Bắc Kạn bảo các điều kiện về cơ sở vật chất và trang thiết bị học tập để triển khai các hoạt động đào tạo và NCKH nhằm đạt được mục tiêu và nhiệm vụ đề ra. Trường có đủ số phòng học, giảng đường lớn, phòng thực hành, thí nghiệm với nhiều thiết bị thí nghiệm hiện đại, phù hợp với từng chuyên ngành, phục vụ cho việc giảng dạy, đáp ứng yêu cầu đào tạo và NCKH. Điều này được thể hiện qua hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng thực hành và hệ thống tài liệu, tư liệu khoa học chuyên ngành, v.v... mà Khoa Sư phạm đang sử dụng trong hoạt động giảng dạy và nghiên cứu.

Tiêu chí 8.1: Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả

Hiện nay, Trường Cao đẳng Bắc Kạn được UBND tỉnh Bắc Kạn cho phép sử dụng diện tích đất khá lớn, đủ để xây dựng hệ thống phòng học và phòng chức năng với trang thiết bị phù hợp cho việc tổ chức đào tạo, đủ điều kiện để mở rộng và phát triển dần qui mô đào tạo.

Trường có qui hoạch tổng thể về sử dụng và phát triển cơ sở vật chất phục vụ nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và các hoạt động khác. Vì thế, các phòng ban, trung tâm và các khoa đào tạo trong Trường đều được bố trí phòng làm việc riêng biệt. Mỗi trường đơn vị được bố trí 1 phòng làm việc độc lập có diện tích 20m²; có bàn làm việc và máy tính riêng, được kết nối máy in và internet; mỗi khoa đào tạo có văn phòng khoa từ 40m²- 80m² tùy theo qui mô của từng khoa.

Trường Cao đẳng Bắc Kạn có đủ số phòng học, giảng đường lớn, đáp ứng nhu cầu của công tác đào tạo và NCKH. Hiện tại, SV Khoa Sư phạm được bố trí học trong số 15 phòng học với tổng diện tích sử dụng là 1414 m² của Nhà trường.

Ngoài ra, Khoa Sư phạm còn được trang bị 02 phòng thực hành múa, 01 phòng thực hành mỹ thuật và 02 phòng thực hành đàn phục vụ cho việc rèn luyện kỹ năng của các môn Nghệ thuật. [H8.08.01.01- Sơ đồ hệ thống phòng chức năng, phòng học, phòng làm việc, phòng thí nghiệm, phòng thực hành khoa Sư phạm].

Hàng năm, khoa Sư phạm luôn chú trọng việc khai thác hiệu quả cơ sở vật chất của khoa để đào tạo chương trình sư phạm Mầm non theo quy định [H8.08.01.02- Kế hoạch sử dụng phòng học khoa Sư phạm], các thiết bị cơ sở vật chất của khoa Sư phạm phục vụ đào tạo chương trình Sư phạm mầm non được quản lý hiệu quả, khoa học [H8.08.01.04- Biểu số 07. Danh mục tài sản

khoa Sư phạm ban hành kèm theo QĐ số 55/QĐ-CĐBK ngày 29/01/2021 của trường Cao đẳng Bắc Kạn], và được theo dõi tình trạng hoạt động, sử dụng thường xuyên [H8.08.01.05- Sổ quản lý phòng thực hành khoa sư phạm],

Năm học 2020-2021, cơ sở vật chất tương đối đảm bảo, nhà trường chủ yếu tiếp tục sử dụng cơ sở vật chất hiện có và không đầu tư mới cơ sở vật chất đối với khoa sư phạm, với số lượng 63 SV ngành Sư phạm mầm non chính qui, diện tích phòng học bình quân đạt $2,63 \text{ m}^2/\text{người học}$, diện tích phòng thí nghiệm, thực hành đạt $0,72 \text{ m}^2/\text{người học}$. [H8.08.01.06]. Công tác đào tạo sư phạm mầm non hàng năm đều đạt kết quả rất khả quan, qua đó nhận thấy cơ sở vật chất phục vụ đào tạo sư phạm mầm non cơ bản đáp ứng nhu cầu [H.08.01.07- Báo cáo tổng kết năm học 2020-2021] trong năm 2020-2021 khoa sư phạm không có nhu cầu mua sắm đầu tư trang thiết bị phục vụ đào tạo.

Giảng viên, người học cơ bản hài lòng về mức độ đáp ứng của hệ thống phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành của Nhà trường. Nhà trường đã triển khai thực hiện việc lấy ý kiến phản hồi từ người học về hệ thống phòng học, giảng đường lớn và hệ thống trang thiết bị phục vụ CTĐT ngành GDMN.

Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi từ người học về hệ thống phòng học và các trang thiết bị phục vụ CTĐT có 60% số người học, giảng viên sư phạm được khảo sát đánh giá mức độ “Đáp ứng tốt”, (40% đánh giá mức độ “Đáp ứng” (đáp ứng tương đối tốt)

2. Điểm mạnh

Trường có đủ số phòng học, giảng đường lớn, phòng thực hành nghiệp vụ sư phạm, với trang thiết bị hiện đại, phù hợp với ngành Giáo dục Mầm non, phục vụ cho dạy học lý thuyết và thực hành rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu đào tạo và NCKH.

3. Điểm tồn tại

Giảng đường, phòng học, phòng chức năng đảm bảo đầy đủ cả về số lượng lẫn chất lượng cho việc học tập rèn luyện của SV. Nhưng văn phòng Khoa có diện tích hẹp nên rất khó khăn khi tổ chức các cuộc họp toàn khoa, các buổi sinh hoạt chuyên môn, sinh hoạt của Hội đồng khoa. Chưa có không gian để các trợ lý đào tạo, các cố vấn học tập, các GV làm việc với SV.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2021 - 2022, Khoa Sư phạm sẽ đề xuất với Nhà trường các vấn đề sau: bố trí đầy đủ phòng sinh hoạt chuyên môn phục vụ hoạt động đào tạo và NCKH cho ngành GDMN; bố trí không gian để các cố vấn học tập, làm việc với SV; tiếp tục hỗ trợ thêm trang thiết bị mới; thực hiện bảo dưỡng định kỳ các trang thiết bị sẵn có để đảm bảo hoạt động tốt, đáp ứng nhu cầu sử dụng của Khoa nói chung và ngành GDMN nói riêng.

5. Tự đánh giá tiêu chí 8.1: Đạt (Mức đạt 5/7)

Tiêu chí 8.2: Thư viện của trường có đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, giảng viên và người học. Có thư viện điện tử được nối mạng, phục vụ dạy, học và nghiên cứu khoa học có hiệu quả.

1. Mô tả:

Thư viện nhà trường được bố trí khoa học, hợp lý [H8.08.02.01- Sơ đồ bố trí thư viện], các tài liệu thư viện cơ bản đáp ứng nhu cầu người dùng, được thống kê danh mục thiết bị, danh mục các đầu sách, tài liệu Sổ theo dõi (mượn, trả) tài liệu, báo cáo tình hình hoạt động thư viện [H8.08.02.02- Sổ theo dõi (mượn, trả) tài liệu, giáo trình, bảng thống kê danh mục tài liệu]

Thư viện nhà trường đã xây dựng Nội quy đảm bảo việc quản lý khoa học, nề nếp [H8.08.02.03- Quyết định số 170/QĐ – CĐBK ngày 22/6/2020 của Trường Cao đẳng Bắc Kạn V/v ban hành Nội quy Thư viện], trong năm 2020-2021 thư viện cơ bản đáp ứng nhu cầu sử dụng không đề xuất mua sắm, đầu tư. Năm 2021, xây dựng Kế hoạch hoạt động thư viện và thực hiện khảo sát, đánh giá độc lập, khách quan để qua đó đánh giá những ưu và nhược điểm trong quá trình hoạt động và kịp thời có phương án điều chỉnh (nếu có) để đáp ứng nhu cầu người đọc [H8.08.02.04. Kế hoạch số 102/KH-CĐBK ngày 24/8/2021 của Trường Cao đẳng Bắc Kạn, Kế hoạch hoạt động thư viện năm 2021 -2022; Báo cáo số 118/BC – CĐBK ngày 02 tháng 8 năm 2021 của Trường cao đẳng Bắc Kạn Báo cáo tổng kết hoạt động thư viện năm học 2020 - 2021], [H8.08.02.05- Báo cáo số 95/BC-CĐBK ngày 25/6/2021 của trường Cao đẳng Bắc Kạn Báo cáo kết quả khảo sát Cán bộ, giáo viên, học sinh, sinh viên về mức độ phù hợp của thư viện trong việc hỗ trợ hoạt động đào tạo, học tập và nghiên cứu]

2. Điểm mạnh

Thư viện của Trường hiện nay cơ bản có đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài, đáp ứng cơ bản nhu cầu của người học và GV. Thư viện điện tử cho phép GV và người học tra cứu tài liệu trực tuyến, truy cập và tải về từ cơ sở dữ liệu của Trường cũng như từ các thư viện trong và ngoài nước.

3. Điểm tồn tại

Giáo trình, tài liệu phục vụ giảng dạy, học tập cho ngành Giáo dục MN có thời điểm chưa được cập nhật kịp thời, các thiết bị phục vụ tra cứu thư viện điện tử đã lỗi thời, thường xuyên hỏng hóc chưa đáp ứng nhu cầu tra cứu, cập nhập tài liệu.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2022, tham mưu đầu tư hạ tầng mạng, thiết bị công nghệ thông tin để từng bước đáp ứng nhu cầu sử dụng của sinh viên trường nói chung và ngành sư phạm mầm non nói riêng.

5. Tự đánh giá tiêu chí 8.2: Đạt (Mức đạt 5/7)

Tiêu chí 8.3: Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Hệ thống công nghệ thông tin phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả

Trường Cao đẳng Bắc Kạn đã tiến hành bàn giao toàn bộ tài sản liên quan hoạt động khoa sư phạm về khoa khai thác, quản lý theo quy định, qua đó là cơ sở để khoa tự rà soát, đánh giá cơ sở vật chất phục vụ nhu cầu đào tạo. Do điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường còn hạn chế vì thế toàn bộ hệ thống hạ tầng mạng, thiết bị máy tính, phòng họp trực tuyến, trang thông tin điện tử nhà trường hiện nay do phòng Tổ chức- Hành chính tham mưu điều phối chung toàn trường.[H8.08.03.02- Sổ theo dõi bảo dưỡng thiết bị công nghệ thông tin], riêng các phòng học máy tính để bàn được giao tổ môn tin học- ngoại ngữ của khoa Tổng hợp chủ trì, các đơn vị có nhu cầu chủ động phối hợp thống nhất quản lý, sử dụng.

Đối với phòng chức năng liên quan đến hoạt động giảng dạy chuyên ngành sư phạm mầm non đã được theo dõi khoa học, hợp lý [H8.08.03.04- Sổ theo dõi phòng học chuyên môn khoa Sư phạm], trong năm 2021, khoa Sư phạm tiến hành khảo sát đánh giá mức độ phù hợp thiết bị đồ dùng dạy học và hệ thống công nghệ thông tin [H8.08.03.05- Báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến phản hồi của người học, giáo viên sư phạm mầm non], qua kết quả khảo sát về cơ bản thiết bị dạy học đảm bảo, riêng hệ thống công nghệ thông tin thì còn nhiều bất cập, hạn chế.

Các thiết bị dạy học, tài sản hàng năm được kiểm tra, đánh giá kịp thời qua đó là cơ sở để xây dựng kế hoạch mua sắm, trang bị thiết bị năm tiếp theo [8.08.03.06- Biên bản kiểm kê tài sản khoa Sư phạm]

Cơ sở vật chất, trang thiết bị, môi trường thực hành nghề nghiệp đảm bảo đáp ứng yêu cầu đào tạo của ngành GDMN cả về số lượng và chất lượng. Bên cạnh đó, còn phục vụ tốt cho hoạt động NCKH và thực hiện đề tài, dự án các cấp. Việc sửa chữa, thay thế các trang thiết bị được đáp ứng kịp thời khi có yêu cầu.

3. Điểm tồn tại

Các phòng thực hành nghệ thuật và phòng kho dụng cụ thực hành chưa được bố trí tập trung ở một khu vực dẫn đến những bất tiện trong quá trình sử dụng.

Tại khu vực phòng thực hành sư phạm mầm non chưa bố trí mạng internet nên hạn chế phần nào tiếp cận thông tin kịp thời, đặc biệt hạn chế hiệu quả sử dụng thiết bị công nghệ thông tin trong công tác đào tạo của ngành sư phạm mầm non.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm 2021 -2021, lắp đặt mạng internet không dây tại khu giảng đường C, đề nghị Nhà trường bố trí thống nhất các phòng chuyên môn đào tạo sư phạm mầm non về cùng khu nhà với các phòng thực hành nghệ thuật; bảo dưỡng định kỳ hệ thống phòng thực hành và các trang thiết bị dạy học sẵn có để đảm bảo phục vụ tốt cho quá trình rèn luyện NVSP của SV, ngày càng nâng cao chất lượng đào tạo của ngành Giáo dục Mầm non.

5. Tự đánh giá tiêu chí 8.3: Đạt

Tiêu chí 8.4: Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

1. Mô tả

Trường Cao đẳng Bắc Kạn có các quy định về môi trường, sức khỏe và an toàn trên cơ sở các quy định của Chính phủ, Bộ, Ngành liên quan, ví dụ như Nghị định 80/2017/NĐ - CP của Thủ tướng chính phủ quy định về môi trường an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường đã đưa ra các quy định và tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn được xác định trên cơ sở quy chuẩn của các Bộ, ngành liên quan (có lưu ý đến nhu cầu của người khuyết tật) [H8.08.04.01].

Nhà trường đảm bảo các quy định/tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn bằng những hành động cụ thể:

Về môi trường, Nhà trường chú trọng đến việc trồng cây xanh tạo không gian thoáng mát cho người học. Bên cạnh đó, Nhà trường kí hợp đồng với Công ty vệ sinh môi trường để đảm bảo vệ sinh các phòng học, các khu giảng đường trong khuôn viên toàn trường. Phòng trào “Ngày thứ 6 xanh” được phát động và thực hiện thường xuyên tạo cho môi trường cảnh quan của Trường Cao đẳng Bắc Kạn thực sự “xanh, sạch, đẹp”. Ngoài ra, hàng năm Nhà trường thường xuyên tổ chức các buổi tập huấn về công tác tập huấn phòng cháy chữa cháy và tai nạn lao động [H8.08.04.02]. Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi từ người học về công tác vệ sinh môi trường như sau: có 66.1% số người học được khảo sát đánh giá mức độ “tốt” (đáp ứng từ 90% trở lên), 25.6% đánh giá mức độ “khá” (đáp ứng từ 70-89%).

Về việc bảo vệ sức khỏe cho CB và HSSV, Trường có phòng y tế riêng, với 02 phòng, tổng diện tích 48 m² (mỗi cơ sở 01 phòng y tế 24 m²), với đầy đủ các trang thiết bị y tế đáp ứng nhu cầu được trợ giúp kịp thời của SV khi gặp vấn đề về sức khỏe. Cán bộ Y tế thường xuyên tổ chức các đợt khám sức khỏe định kỳ, mở các đợt tuyên truyền, truyền thông, tư vấn về giới tính, sức khỏe sinh sản. Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi từ người học về công tác chăm sóc sức khỏe của Nhà trường như sau: có 51.5% số người học được khảo sát đánh giá mức độ “tốt” (đáp ứng từ 90% trở lên), 29.8% đánh giá mức độ “khá” (đáp ứng từ 70-89%).

Công tác phòng chống bão lụt, phòng cháy - chữa cháy của Nhà trường luôn được đảm bảo và thực hiện triệt để trong khuôn viên toàn trường. Nhà trường đã thành lập Ban chỉ huy phòng chống bão lụt, cháy nổ. Tất cả các tòa nhà đều được bố trí hệ thống phòng cháy, chữa cháy. Mọi hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu hộ, cứu nạn trước hết phải được thực hiện bằng lực lượng và phương tiện tại chỗ. Nhà trường sẵn sàng lực lượng, phương tiện, phương án và các điều kiện để ứng phó kịp thời khi có cháy nổ để hạn chế thấp nhất các hậu quả về người và tài sản. Hàng năm trường đều tổ chức tập huấn về công tác tập huấn phòng cháy chữa cháy và tai nạn lao động [H8.08.04.02].

Công tác bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội trong trường học được ban giám hiệu quan tâm. Nhà trường có bộ phận Bảo vệ thường xuyên được bồi dưỡng về nghiệp vụ, chuyên môn để bảo vệ trật tự, an toàn, an ninh cho Nhà trường. Bộ phận này thường xuyên được cung cấp thông tin về tình hình trật tự, an ninh của địa phương nơi Trường đóng, qua hội nghị tổng kết công tác an ninh cụm. Nhà trường có các quy định rõ ràng, cụ thể về chức năng, nhiệm vụ của Phòng Bảo vệ [H9.09.05.07]. Nhân viên bảo vệ được trang bị phương tiện và trang phục đáp ứng yêu cầu của công việc.

Đội ngũ chuyên trách bảo vệ làm việc theo đúng quy định và yêu cầu của Trường, thường trực 24/24 giờ trong ngày. Bên cạnh Phòng Bảo vệ, Nhà trường còn có các lực lượng hỗ trợ vào thời điểm diễn ra các hoạt động đông người như Trung đội tự vệ chiến đấu, Đội Thanh niên xung kích. Bên cạnh đó, Trường còn lắp đặt hệ thống camera bảo vệ tại các điểm trọng yếu trong khuôn viên Trường và trong Nhà điều hành. Công tác bảo vệ trật tự, an toàn, an ninh được lên kế hoạch rõ ràng, cụ thể. Kết quả đạt được thể hiện rất cụ thể tại báo cáo tổng kết năm học 2020-2021 của trường [H8.08.04.03- Báo cáo tổng kết năm học].

Giảng viên, người học cơ bản hài lòng về mức độ đáp ứng của tiêu chuẩn môi trường, sức khỏe, an toàn của Nhà trường. Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi từ người học về công tác an ninh, trật tự của Nhà trường như sau: có 64.1% số người học được khảo sát đánh giá mức độ “tốt” (đáp ứng từ 90% trở lên), 26.1 đánh giá mức độ “khá” (đáp ứng từ 70 - 89%).

2. Điểm mạnh

Nhà trường quan tâm đến công tác vệ sinh môi trường, sức khỏe và an toàn cho CB và SV; có phòng y tế độc lập phục vụ tốt nhu cầu y tế của CB và SV.

3. Điểm tồn tại

Diện tích cây xanh của Trường chưa nhiều; thùng rác công cộng trong khuôn viên trường chưa đủ, chưa thực hiện phân loại rác.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2021-2022, Khoa kiến nghị với Nhà trường chỉ đạo trồng thêm cây xanh trong khuôn viên trường, đồng thời qui hoạch lối đi riêng biệt cho SV

khuyết tật có thể chủ động đi lại; đặt thêm các thùng rác ở khu giảng đường, thực hiện phân loại rác để đảm bảo vệ sinh, góp phần bảo vệ môi trường.

5. Tự đánh giá tiêu chí 8.4: Đạt (Mức đạt 5/7)

*** Kết luận về tiêu chuẩn 8**

Trường Cao đẳng Bắc Kạn có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp và phục vụ cho hoạt động rèn luyện của sinh viên, hỗ trợ các hoạt động đào tạo khác và hoạt động NCKH.

Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu cho các ngành. Mặc dù vẫn còn thiếu một số phòng học được trang bị phù hợp với đặc trưng của hoạt động rèn luyện kỹ năng nghề của SV ngành GDMN nhưng hệ thống phòng thực hành đáp ứng đủ về số lượng, được trang bị hiện đại, đảm bảo phục vụ tốt hoạt động đào tạo và nghiên cứu; hệ thống CNTT đã và đang phát huy hiệu quả để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và NCKH. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn đều đạt yêu cầu.

Căn cứ vào mức độ đạt được của các tiêu chí, hội đồng Tự đánh giá chất lượng

CTĐT ngành GDMN tự đánh giá tiêu chuẩn 8 có 5/5 tiêu chí đạt.

Tiêu chuẩn 9

BẢO ĐẢM VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG

Mở đầu

Chất lượng ĐT quyết định sự tồn tại, phát triển của một cơ sở giáo dục - đào tạo. Do đó, để bảo đảm SV ngành GDMN đạt được CĐR của CTĐT đáp ứng nhu cầu của xã hội và nhà tuyển dụng, Nhà trường đã có những chính sách phù hợp để thực hiện hiệu quả các hoạt động bảo đảm và nâng cao chất lượng CTĐT. Hoạt động kiến tập/thực hành sư phạm và thực tập sư phạm là hoạt động quan trọng trong việc bồi dưỡng, rèn luyện tay nghề cho SV. Quá trình dạy và học, đánh giá kết quả học tập được thực hiện thường xuyên để bảo đảm sự tương thích và phù hợp với CĐR. Nhà trường tích cực khảo sát, thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan (GV, SV, cựu SV, nhà tuyển dụng) làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTĐT.

Tiêu chí 9.1: Có các chính sách phù hợp để thực hiện hiệu quả các hoạt động bảo đảm chất lượng chương trình đào tạo

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã có các chính sách phù hợp để hệ thống bảo đảm chất lượng được thực hiện thường xuyên để hỗ trợ GV và CBQL duy trì, cải thiện và nâng cao chất lượng CTĐT; cụ thể: Nhà trường đã thành lập đơn vị chuyên trách làm công tác Đảm bảo chất lượng là Phòng Thanh tra -Khảo thí và Đảm bảo chất lượng (Sau đây gọi tắt là Phòng KT) [H9.09.01.01]. Phòng được thành lập từ năm 2020 với 4 cán bộ GV, tuy nhiên do đặc thù công việc nên đến tháng 07.2020 phòng được tăng cường thêm 01 giảng viên

Tính đến thời điểm tháng 12/2021, Phòng còn 02 cán bộ, cả 2 đồng chí đều có trình độ thạc sĩ; cá nhân đồng chí Trưởng phòng đã được trực tiếp tham gia nhiều khóa tập huấn, bồi dưỡng về kiểm định chất lượng do Bộ GD&ĐT tổ chức [H9.09.01.03]. Trong những năm qua, Trường đã rất quan tâm đến việc cử cán bộ Phòng KT tham gia các hội nghị, hội thảo, các đợt tập huấn, bồi dưỡng về công tác tự đánh giá và ĐBCL do Bộ GD&ĐT tổ chức [H9.09.01.04]. Vì vậy, các hoạt động ĐBCL của Trường đã và đang được triển khai thực hiện một cách có hiệu quả.

Hằng năm, Trường ban hành kế hoạch ĐBCL và phổ biến đến các đơn vị các hoạt động ĐBCL cần được tiến hành trong Nhà trường. Qua đó, các đơn vị quán triệt đến từng cán bộ, GV, NV trong đơn vị vận dụng triển khai hoạt động ĐBCL trong công tác của đơn vị mình; đồng thời đề CB, GV, NV kiểm tra, góp ý nhằm không ngừng cải tiến và nâng cao chất lượng ĐT của Nhà trường [H9.09.01.06].

Hiện nay, Nhà trường đã tiến hành TĐG CTĐT ngành GDMN và phân công Phòng KT làm đầu mối thực hiện nhằm đánh giá đúng thực trạng chất

lượng CTĐT, qua đó điều chỉnh, nâng cao chất lượng CĐR của CTĐT, CTGD theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT. Tháng 11/2020, Nhà trường đã thành lập Ban chỉ đạo, ban hành kế hoạch và quyết định thành lập hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành GDMN trình độ cao đẳng, tiến hành công tác tự đánh giá CTĐT ngành GDMN trình độ cao đẳng theo Thông tư 02/2020/TT-BGDĐT và các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT [H9.09.01.07], [H9.09.01.08], [H9.09.01.09], [H9.09.01.10].

2. Những điểm mạnh

Nhà trường đã có sự quan tâm, chỉ đạo sát sao trong việc nâng cao hiệu quả các hoạt động ĐBCL CTĐT; đã có các chính sách cụ thể, quyết liệt về bồi dưỡng công tác ĐBCL và chính sách về điều kiện ĐBCL CTĐT.

3. Những điểm tồn tại

Chính sách về nhân sự của đơn vị chuyên trách về ĐBCL chưa thực sự được quan tâm đúng mức; đội ngũ cán bộ có chuyên môn về ĐBCL còn thiếu, thành viên hội đồng tự đánh giá chưa được đào tạo, bồi dưỡng bài bản nên chưa thực sự đáp ứng với yêu cầu công việc, tiến độ công việc đôi khi còn chậm so với kế hoạch đề ra.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm 2021-2022, Nhà trường sẽ thực hiện việc sắp xếp lại cơ cấu tổ chức bộ máy, tăng cường đội ngũ cho công tác ĐBCL; tiếp tục quan tâm cử cán bộ, GV tham gia các lớp bồi dưỡng chứng chỉ kiểm định viên kiểm định cơ sở đào tạo và CTĐT do các Trung tâm KĐCLGD trong nước tổ chức.

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức 5/7)

Tiêu chí 9.2: Cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông được trường liên hệ để sinh viên, học sinh kiến tập sư phạm và thực tập sư phạm đã được công nhận đạt chuẩn quốc gia hoặc đạt kiểm định chất lượng giáo dục

1. Mô tả hiện trạng

Hàng năm, Trường CĐ Bắc Kạn xin phép Sở GD&ĐT và Phòng GD&ĐT thành phố Bắc Kạn liên hệ với các CSGD MN trong thành phố đã được công nhận đạt chuẩn quốc gia hoặc đạt KĐCLGD hoặc có chất lượng cao để SV kiến tập sư phạm và thực tập sư phạm (sau đây gọi tắt là thực tập sư phạm – TTSP) [H9.09.02.01], [H9.09.02.02].

Nhà trường căn cứ vào Quy chế của Bộ GD&ĐT trong đó có nội dung quy định điều kiện đáp ứng của CSGD mầm non để người học TTSP [H9.09.02.03] để cụ thể hoá thành Quy chế dành riêng cho Trường [H9.09.02.04].

Hàng năm, Nhà trường đã lập kế hoạch, ra quyết định TTSP, ra quyết định thành lập các đoàn TTSP và quyết định thành lập các ban chỉ đạo TTSP tại các CSGD mầm non [H9.09.02.05], [H9.09.02.06]; và tổ chức thực hiện kế

hoạch đã đề ra một cách nghiêm túc, có hiệu quả cao như: tổ chức họp triển khai các nội dung đợt TTSP và các văn bản hướng dẫn cần thiết cho trưởng các ban chỉ đạo thực tập cơ sở, trưởng các đoàn TTSP (cụ thể là hiệu trưởng các trường MN có SV về thực tập). Trường CĐ Bắc Kạn tổ chức cho SV học tập nội quy, quy chế TTSP trước khi đến trường thực tập. Các ban chỉ đạo thực tập cơ sở có nhiệm vụ tổ chức, triển khai thực hiện và đánh giá kết quả thực tập của SV theo đúng hướng dẫn [H9.09.02.07], [H9.09.02.08], [H9.09.02.09].

2. Những điểm mạnh

Nhà trường đã có những quy chế, quy định, hướng dẫn rõ ràng, cụ thể đối với hoạt động TTSP. Các trường Miền non được chọn làm nơi TTSP đa số là những trường đạt chuẩn quốc gia. Hầu hết các trường có đủ điều kiện CSVC phục vụ cho dạy và học, tạo điều kiện cho SV có môi trường TTSP tốt nhất.

3. Những điểm tồn tại

Hiện tại các cơ sở GDMN được lựa chọn cho SV TTSP đều nằm trong địa bàn thành phố; vì vậy, SV thiếu cơ hội tiếp xúc, luyện nghề đối với đối tượng là con em nông thôn hoặc gia đình có hoàn cảnh khó khăn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2021-2022, Nhà trường lựa chọn thêm nơi TTSP cho SV ở các xã vùng ven thành phố hoặc các huyện lân cận; để tạo điều kiện cho SV học tập, thực tập nghề tiếp xúc với các đối tượng học sinh phù hợp với nơi làm việc sau khi tốt nghiệp

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức 4/7)

Tiêu chí 9.3: Hoạt động kiến tập sư phạm và thực tập sư phạm được tổng kết, đánh giá và được định kỳ rà soát, cải tiến

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Hoạt động kiến tập sư phạm và thực tập sư phạm được tổng kết, đánh giá.

Để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, giúp SV có kết quả tốt trong thời gian TTSP, nhà trường đã thực hiện đảm bảo theo đúng quy chế TTSP [H9.09.03.01]. Các ban chỉ đạo cơ sở căn cứ vào quy chế TTSP của Trường CĐ Bắc Kạn triển khai lập kế hoạch cụ thể theo từng tuần và thực hiện đánh giá kết quả thực tập của SV theo đúng hướng dẫn [H9.09.03.02]. Trong quá trình SV đi TTSP, nhà trường thường tổ chức các buổi thăm và dự giờ nhằm nắm bắt tình hình thực tập và động viên SV thực tập [H9.09.03.03]. Sau mỗi đợt TTSP, nhà trường đều tổ chức hội nghị tổng kết để đánh giá, trao đổi và lắng nghe ý kiến góp ý của các cơ sở thực tập, người hướng dẫn thực tập và SV thực tập về hoạt động TTSP, về ưu điểm, hạn chế của đợt thực tập [H9.09.03.04].

1.2. Hoạt động kiến tập sư phạm và thực tập sư phạm được định kỳ rà soát, cải tiến

Trên cơ sở các ý kiến đóng góp của các bên liên quan tại các hội nghị tổng kết TTSP, Nhà trường có biện pháp cải tiến để nâng cao chất lượng các hoạt động TTSP; Cụ thể, xem xét rà soát lại những hạn chế và có những điều chỉnh kịp thời, đổi mới cho các đợt TTSP năm sau để đáp ứng yêu cầu của SV, các CSGD mầm non và các nhà tuyển dụng [H9.09.03.05].

2. Những điểm mạnh

Hoạt động TTSP được tổ chức có hiệu quả; được thực hiện theo đúng kế hoạch đã đề ra, được tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm. Hoạt động TTSP được rà soát, điều chỉnh theo ý kiến đóng góp xây dựng của SV và các bên liên quan phù hợp với thực tế địa phương; nhằm phát huy những kết quả đã đạt được và khắc phục những hạn chế trong công tác TTSP.

3. Những điểm tồn tại

Thời gian SV đi TTSP thường trùng với các đợt tổ chức nhiều hoạt động tại các cơ sở GDMN như: tổ chức thi giáo viên dạy giỏi, tổ chức hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn, ... Điều này đã ảnh hưởng phần nào đến công tác TTSP. Thời gian kiến tập sư phạm ngắn, khối lượng công việc khá nhiều gây khó khăn cho việc bố trí, sắp xếp kế hoạch và tiến hành các hoạt động theo nội dung TTSP.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2021-2022, Nhà trường chủ động liên hệ với các cơ sở GDMN để sắp xếp thời gian TTSP hợp lý cho SV. Hằng năm, có kế hoạch tổ chức thực hành rèn luyện NVSP thường xuyên khoa học hơn, hợp lý hơn. Cử GV có chuyên môn đưa SV đi dự giờ thực tế ở trường MN, cuối mỗi buổi dự, GV tổ chức họp rút kinh nghiệm giờ dự cho SV.

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức 4/7)

Tiêu chí 9.4: Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR.

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Quá trình dạy và học được rà soát và đánh giá thường xuyên để bảo đảm sự tương thích và phù hợp với CDR.

Nhà trường đã có quy định về việc rà soát, đánh giá thường xuyên quá trình dạy học của GV: Thứ nhất, về đánh giá tác phong lên lớp của GV: Nhà trường đã giao cho Phòng Đào tạo, Phòng KT kiểm tra nề nếp, giờ giấc làm việc của GV xuyên suốt cả năm học; và hàng tháng, Phòng Đào tạo tổng hợp báo cáo cho Ban Giám hiệu và tập thể lãnh đạo các đơn vị trong buổi họp cán bộ chủ chốt. Đồng thời, đây cũng là một trong những tiêu chí để xét thi đua của GV ở cuối năm học [H9.09.04.01], [H9.09.04.02], [H9.09.04.03].

Nhà trường đã ban hành Quyết định về công tác chuyên môn đối với GV [H9.09.04.04] [H9.09.04.05]. Khoa chuyên môn phân công giảng dạy, thăm

định ĐCCT môn học/học phần, tập bài giảng của GV và trình lãnh đạo trường phê duyệt. GV chịu trách nhiệm về kết quả dạy học trước Khoa, Trường. Trong năm học, GV tham gia các hoạt động dự giờ của đồng nghiệp, hội giảng, báo cáo chuyên đề, tập huấn ... [H9.09.04.06], [H9.09.04.07], [H9.09.04.08].

Các hoạt động chuyên môn được các GV thực hiện trong suốt quá trình dạy học và thường xuyên được rà soát, kiểm tra để đảm bảo nội dung giảng dạy, đề điều chỉnh PPGD phù hợp, nâng cao chất lượng giảng dạy nhằm đảm bảo sự tương thích và đạt CĐR của CTĐT. Ngoài ra, Ban kiểm tra chuyên môn của Trường, Khoa thường xuyên dự giờ của GV theo kế hoạch hoặc đột xuất nhằm giám sát việc thực hiện nội dung, phương pháp, tiến độ giảng dạy,... của GV qua đó kịp thời chấn chỉnh những tồn tại, khắc phục hạn chế nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy. [H9.09.04.09], [H9.09.04.10]. Ngoài ra, Trường còn tổ chức lấy ý kiến phản hồi của SV về hoạt động giảng dạy của GV 2 lần/năm học; 100% GV dạy các học phần trong CTĐT ngành GDMN đều được lấy ý kiến. 100% GV của Khoa GDMN đều được người học đánh giá đạt loại tốt, khá trong hoạt động giảng dạy.

Kết quả ý kiến phản hồi của SV về công tác giảng dạy được Nhà trường gửi đến từng GV để GV kịp thời điều chỉnh PP, nội dung giảng dạy, phát huy ưu điểm và khắc phục hạn chế của mình cho phù hợp để không ngừng nâng cao chất lượng giảng dạy [H9.09.04.011], [H9.09.04.012]. Thứ hai, Việc đánh giá kết quả học tập của NH, các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH trong CTĐT bảo đảm sự tương thích và phù hợp với CĐR. Việc kiểm tra và đánh giá kết quả học tập của SV luôn được Trường, Khoa quan tâm và được thực hiện theo quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính qui theo hệ thống tín chỉ của Bộ GD&ĐT [H9.09.04.13], [H9.09.04.14].

1.2. Việc đánh giá kết quả học tập của NH được rà soát và đánh giá thường xuyên để bảo đảm sự tương thích và phù hợp với CĐR.

Nhà trường, Khoa đã triển khai rà soát, đánh giá việc sử dụng các PP dạy và học, PP KTĐG kết quả học tập của SV trong CTĐT bảo đảm sự tương thích và phù hợp với CĐR [H9.09.04.15], [H9.09.04.16], [H9.09.04.17]. Đồng thời, Nhà trường đã rà soát, điều chỉnh và ban hành quy chế, quy định về công tác thi của Trường để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR [H9.09.04.18]. Việc KTĐG SV dựa theo mục tiêu các học phần, CĐR môn học nói riêng và CĐR ngành học nói chung. GV công bố cho SV hình thức KTĐG học phần từ đầu mỗi học phần. Quy trình, cách đánh giá học tập của SV được nêu rõ trong “Sổ tay sinh viên” [H9.09.04.19], [H9.09.04.20].

Mặt khác, Nhà trường cũng quy định hình thức, thời gian (theo từng tuần trong một học kỳ) và trọng số của hình thức KTĐG cụ thể của từng học phần. Các lần KTĐG trong một học kỳ bao gồm: đánh giá thường xuyên, đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ [H9.09.04.21]. Ngoài việc đánh giá kết quả học tập, việc đánh giá kết quả rèn luyện của SV là việc làm thường xuyên của Nhà trường trong từng học kỳ. Kết quả xếp loại rèn luyện theo học kỳ và năm học là một

trong những tiêu chuẩn xét học tiếp, dừng học, xét thi đua khen thưởng và học bổng khuyến khích [H9.09.04.22]. Ngoài ra, Nhà trường, Khoa thường xuyên rà soát, đánh giá việc KTĐG SV của GV thông qua kiểm tra hồ sơ chuyên môn 2 lần/năm học; trong đó có kiểm tra sổ điểm cá nhân của GV; từ đó làm căn cứ chỉ đạo GV kịp thời điều chỉnh PPDH và KTĐG SV một cách kịp thời nhằm đáp ứng CĐR của CTĐT ngành GDMN [H9.09.04.23], [H9.09.04.24].

2. Những điểm mạnh Quy trình KTĐG được thiết kế và tổ chức thực hiện một cách có hệ thống, đồng bộ, chặt chẽ và nghiêm túc.

Việc rà soát, đánh giá được thực hiện thường xuyên theo lộ trình đề đạt được CĐR của CTĐT. Các hình thức KTĐG đa dạng, linh hoạt, phù hợp với đào tạo tín chỉ và quy định chung của Bộ GD&ĐT, góp phần vào việc nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở đánh giá được thực chất chất lượng dạy và học nhưng đồng thời phát huy được tính chủ động, sáng tạo của cả GV và SV. Việc đánh giá chất lượng giảng dạy của GV vừa được dựa vào ý kiến đánh giá của người học vừa được lấy ý kiến đánh giá từ đồng nghiệp và lãnh đạo bộ môn thông qua các tiết dạy thao giảng, chuyên đề.

3. Những điểm tồn tại

Việc triển khai rà soát, đánh giá việc sử dụng các PP dạy và học, PP KTĐG kết quả học tập của SV trong CTĐT bảo đảm sự tương thích và phù hợp với CĐR còn hạn chế, chưa đạt ít nhất 1 lần/năm.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2021- 2022, Nhà trường xây dựng kế hoạch rà soát, đánh giá việc đổi mới PPDH và PP KTĐG người học của GV một cách thường xuyên hơn, phấn đấu đạt ít nhất 1 lần/ năm học, góp phần đạt mục tiêu, CĐR của CTĐT.

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức 4/7)

Tiêu chí: 9.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác được đánh giá

Trường, Khoa luôn chú trọng đảm bảo chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác đối với hoạt động dạy và học tại Khoa GDMN. Luôn có đủ tài liệu, giáo trình và đồ dùng, đồ chơi phục vụ học tập, rèn luyện phương pháp dạy học kỹ năng nghề cho SV ngành GDMN; Tính đến tháng 8/2020, Trung tâm TTTV-TN có 153 đầu sách với 600 cuốn chuyên ngành GDMN [H9.09.05.01], [H9.09.05.02].

Về CNTT, tất cả hệ thống máy tính trong trường được nối mạng Internet; hệ thống mạng Internet và Wifi được sử dụng miễn phí trong các hội trường, phòng học, phòng làm việc, thư viện để phục vụ hoạt động ĐT, NCKH của GV và SV. Trường có trang thông tin điện tử và có bộ phận chuyên trách quản trị mạng đảm bảo hệ thống mạng hoạt động thông suốt [H9.09.05.03], [H9.09.05.04]. Hàng năm, Trường, Khoa và đơn vị chức năng đã xây dựng kế hoạch thực hiện việc đánh giá mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác (tư vấn SV, công tác HSSV, các hoạt động đoàn thể, hoạt động ngoại khóa, ...) cũng như thái độ và chất lượng phục vụ thông qua tổ chức lấy ý kiến phản hồi về công tác phục vụ của NV (2 lần/năm học); ý kiến phản hồi của SV ngành GDMN trong đối thoại giữa Hiệu trưởng với SV hàng năm (được tổ chức 2 lần/năm học), thông qua "hòm thư góp ý kiến" của nhà Trường, thông qua cuộc họp của CB lớp đầu năm và trong sinh hoạt lớp theo định kỳ hàng tuần [H9.09.05.05], [H9.09.05.06], [H9.09.05.07].

1.2. Các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác được cải tiến.

Hàng năm Trường đã tổ chức các hoạt động hỗ trợ cho công tác thư viện như: Xây dựng tủ sách 50k tại các lớp học, Ngày Hội sách, Tuần lễ hưởng ứng ngày sách Việt Nam các lần từ 1 đến 6; Tuần lễ học tập suốt đời, giới thiệu sách mới ... Liên kết chặt chẽ với Thư viện tỉnh Bắc Kạn để mượn sách, tài liệu mới về giới thiệu cho bạn đọc trong Trường, đảm bảo các hoạt động hỗ trợ cho công tác thư viện [H9.09.05.08]. Định kỳ, Trường tiến hành lấy ý kiến góp ý của, GV và SV ngành GDMN về mức độ đáp ứng của Trung tâm TTTV –TN;

Từ các ý kiến phản hồi, Trường đã thực hiện cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác. Hàng năm, thư viện tiến hành kiểm kê đánh giá và mua bổ sung nguồn tài liệu phục vụ GV và SV ngành GDMN và hợp đồng với Viettel nâng cấp mạng internet phục vụ dạy và học [H9.09.05.09], [H9.09.05.10], [H9.09.05.11].

2. Những điểm mạnh

Trung tâm TTTV-TN của nhà trường hiện nay cơ bản có đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo đáp ứng cơ bản nhu cầu của GV và SV khoa GDMN. CSVC, trang thiết bị, hệ thống mạng internet, ... thường xuyên được sửa chữa, thay thế, nâng cấp kịp thời đảm bảo và đáp ứng mục tiêu đào tạo và đáp ứng CDR của CTĐT.

3. Những điểm tồn tại

- Chưa xây dựng các văn bản quy định về việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác. - Thư viện chưa được kết nối với các thư viện khác của các trường CĐ, ĐH trên cả nước.

- Hệ thống máy vi tính của nhà trường đã cũ nên thường xuyên hư hỏng, xuống cấp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2021-2022, rà soát lại chất lượng của các thiết bị máy móc, sự ổn định của mạng wifi ở các giảng đường. Nâng cấp hệ thống CNTT, đặc biệt chú trọng đến việc phát triển các phần mềm quản lý, đầu tư mua phần mềm thư viện điện tử và kết nối với thư viện của các trường ĐH, CĐ khác trên cả nước, tạo điều kiện hỗ trợ tốt nhất cho hoạt động học tập, giảng dạy của SV và GV. Đồng thời, xây dựng các văn bản quy định về việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác.

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức 4/7).

Tiêu chí 9.6: Có hệ thống khảo sát, thu thập ý kiến phản hồi từ các bên liên quan. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình đào tạo

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Có hệ thống khảo sát, thu thập ý kiến phản hồi từ các bên liên quan.

Hàng năm, Phòng Đào tạo đã tổ chức cho Khoa GDMN soát lại nội dung CTĐT, rà soát lại ĐC các học phần để GV có ý kiến phản hồi về nội dung tài liệu, về PPGD, về hình thức, PP KTĐG SV [H9.09.06.01], [H9.09.06.02]. Trong quá trình làm việc với các trường MN có SV thực tập; trong quá trình kiểm tra các đoàn thực tập hàng năm, Nhà trường đều xin ý kiến của SV, của CSGD mầm non về CTĐT của trường; để từ đó có phương hướng điều chỉnh CTĐT cho phù hợp thực tế [H9.09.06.03].

1.2. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTĐT.

Để có CTĐT đảm bảo mục tiêu ĐT, phù hợp với điều kiện của Nhà trường về CSVC và đội ngũ, đáp ứng nhu cầu của xã hội và khả năng làm việc của SV sau khi tốt nghiệp, đồng thời đảm bảo sự liên thông lên đại học, Nhà trường chỉ đạo các Khoa chuyên môn rà soát, điều chỉnh CTĐT [H9.09.06.04]. Việc rà soát, điều chỉnh CTĐT, CTDH, CDR được thực hiện theo quy trình cụ thể, trong đó có bước khảo sát hoặc tổ chức các hội nghị để lấy ý kiến của các bên liên quan, thực hiện thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan để xây dựng và phát triển CTDH, CTĐT [H9.09.06.05].

CTĐT ngành GDMN đã được điều chỉnh nhiều lần [H9.09.06.06]. CTĐT ngành GDMN qua các lần điều chỉnh đã đáp ứng được quan điểm tăng cường tính thực hành, hình thành năng lực, rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, phát triển năng lực SV; giảm tải nội dung kiến thức mang tính lí thuyết, xa thực tế [H9.09.06.07]. Định kỳ 2 lần/năm học, Trường đã tổ chức lấy ý kiến phản hồi của SV về chất lượng học phần và hoạt động giảng dạy của GV để thu thập thông tin nhằm đánh giá chất lượng CTĐT. Nhà trường đã xây dựng phiếu điều tra để

thực hiện việc lấy ý kiến SV, với các tiêu chí đánh giá bao gồm: Hoạt động giảng dạy, hoạt động KTĐG và điều kiện CSVC. Kết quả điều tra cho thấy hầu hết SV (trên 90%) được hỏi ý kiến hài lòng với PP và năng lực giảng dạy của GV. Hầu hết SV hài lòng với điều kiện học tập, với cách thức tổ chức, quản lý của Trường và hài lòng đã chọn học tập tại Trường [H9.09.06.08].

Hàng năm, thông qua việc tổ chức cho SV ngành GDMN rèn luyện NVSP thường xuyên, TTSP; Trường đã thu thập các phản hồi của SV trong quá trình đi thực tế, cũng như các ý kiến góp ý của các cơ sở thực tập về chất lượng của CTĐT. Sau khi kết thúc TTSP, nhà trường tổ chức Hội nghị tổng kết công tác TTSP. Thông qua hội nghị, nhà trường lắng nghe góp ý của các cơ sở GDMN về ưu điểm, hạn chế của CTĐT; Trên cơ sở đó, Nhà trường, Khoa xem xét rà soát lại CTĐT và có những điều chỉnh kịp thời, phù hợp với yêu cầu của các nhà sử dụng lao động [H9.09.06.09], [H9.09.06.10].

2. Những điểm mạnh

Nhà trường đã thực hiện khảo sát, thu thập ý kiến phản hồi trực tiếp từ các bên liên quan về mục tiêu, CDR của CTĐT. Cơ chế phản hồi được Nhà trường và Khoa thiết lập có tính hệ thống, được thực hiện dân chủ, công khai, minh bạch. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được Nhà trường và Khoa sử dụng để làm căn cứ cải tiến, phát triển CTĐT.

3. Những điểm tồn tại

Chưa định kỳ tổ chức lấy ý kiến phản hồi của SV, cựu SV về nội dung CTDH, PPGD, PP KTĐG đang thực hiện tại trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2021-2022, Nhà trường, Khoa định kỳ lấy ý kiến của SV cuối khóa về nội dung dạy học, Tài liệu học tập, PP KTĐG SV và phối hợp với ý kiến phản hồi của các bên liên quan, của các nhà tuyển dụng để cập nhật, điều chỉnh CTĐT cho phù hợp nhu cầu thực tiễn của xã hội.

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức 4/7)

Tiêu chí 9.7: Việc thiết kế và phát triển chương trình đào tạo được xác lập, rà soát, đánh giá và cải tiến

1. Mô tả hiện trạng

1.1. Việc thiết kế và phát triển CTĐT được xác lập.

CTĐT ngành GDMN được thiết kế và phát triển căn cứ vào chương trình khung của Bộ GD&ĐT; CDR ngành GDMN được xác lập, được định kỳ điều chỉnh, cập nhật, thể hiện cụ thể qua CTĐT và được công khai để SV biết, để xã hội giám sát. CTĐT ngành GDMN được xây dựng có các thành phần cơ bản về mục tiêu giáo dục, phương thức đào tạo, các hình thức tổ chức KTĐG kết quả học tập của SV. CTĐT được thiết kế với 3 khối kiến thức: khối kiến thức giáo dục đại cương; khối kiến thức cơ sở ngành và khối kiến thức ngành [H9.09.07.01], [H9.09.07.02].

1.2. Việc thiết kế và phát triển CTĐT được rà soát và đánh giá

Hàng năm, Nhà trường thực hiện rà soát, đánh giá quy trình thiết kế và phát triển CTĐT GDMN một cách cẩn thận; từ rà soát phát hiện ra những vấn đề còn hạn chế của quy trình thiết kế CTĐT; phát hiện ra những “lỗi kỹ thuật” mà từ đó dẫn đến việc xây dựng CTĐT chưa thực sự đáp ứng mục tiêu ĐT cũng như nhu cầu của nhà tuyển dụng lao động; và để từ đó điều chỉnh, bổ sung những khâu chưa tốt [H9.09.07.03].

1.3. Việc thiết kế và phát triển CTĐT được cải tiến.

Từ các ý kiến phản hồi của SV, cựu SV, các CSGD mầm non trên địa bàn, Nhà trường đã cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTĐT; Phòng đào tạo của trường xây dựng CTĐT của trường và Hiệu trưởng ký QĐ ban hành [H9.09.07.04]. Cụ thể, trước khi tổ chức rà soát lại CTĐT, Trường thành lập hội đồng rà soát, thẩm định CTĐT và lập nhóm chuyên gia gồm các GV có chuyên môn sâu, GV của Khoa GDMN và đại diện của một số cơ sở GDMN có chất lượng cao tham gia. Từ ý kiến của GV chuyên môn và ý kiến đóng góp của nhóm chuyên gia; Hội đồng trao đổi, thảo luận và đi đến thống nhất những nội dung, vấn đề cần cập nhật, sửa đổi và ban hành CTĐT mới phù hợp với mục tiêu đào tạo [H9.09.07.05], [H9.09.07.06], [H9.09.07.07].

Năm 2018, theo Thông tư ban hành về chuẩn Nghề nghiệp giáo viên MN của Bộ GD&ĐT, Trường xây dựng CTĐT ngành GDMN mới [H9.09.07.08]. Trong quá trình thực hiện CTĐT, nhà trường định kỳ tổ chức hoạt động khảo sát lấy ý kiến SV về chất lượng hoạt động giảng dạy của GV [H9.09.07.10], ý kiến của SV cuối khóa về chất lượng CTĐT [H9.09.07.11] và Ý kiến của cơ sở GDMN có SV TTSP để từ đó thực hiện cải tiến nhằm đảm bảo chất lượng ĐT, đáp ứng tốt kết quả học tập mong đợi của SV và đáp ứng yêu cầu của xã hội [H9.09.07.12]. Ngoài ra, việc điều chỉnh, cập nhật CĐR, CTĐT có sự đối chiếu tham khảo từ các trường ĐH, CĐ có uy tín trong nước [H9.09.07.13].

2. Những điểm mạnh

Việc thiết kế và phát triển CTĐT được thiết lập, được đánh giá và cải tiến định kỳ theo kế hoạch của nhà trường, có sự tham gia của các chuyên gia. Nhà trường đã xây dựng tiêu chí đánh giá và đã thực hiện đánh giá về công tác giảng dạy và chất lượng CTĐT.

3. Những điểm tồn tại

Nhà trường chưa ban hành văn bản quy định về quy trình thiết kế và phát triển CTĐT, chưa có bộ tiêu chí khảo sát ý kiến phản hồi của các nhà sử dụng lao động và các CBQL, GV về CTĐT.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2021 – 2022, Nhà trường xây dựng và ban hành văn bản quy định về quy trình thiết kế và phát triển CTĐT. Thiết kế phiếu lấy ý kiến của các nhà sử dụng lao động, CBQL, GV về CTĐT. Kết quả khảo sát sẽ làm căn cứ

để nhà trường cải tiến CTĐT, đáp ứng tốt hơn kết quả học tập cho SV và đáp ứng yêu cầu của xã hội.

5. Tự đánh giá: Đạt (Mức 4/7)

*** Kết luận về tiêu chuẩn 9**

Trường CĐ Bắc Kạn và Khoa GDMN luôn coi trọng việc xây dựng, điều chỉnh, cải tiến CTĐT; cập nhật PP, nội dung mới để đáp ứng được với yêu cầu CĐR của CTĐT theo quy định của Bộ GD&ĐT. CTĐT được góp ý của đội ngũ CBQL, GV và SV. Nhà trường đã xây dựng được bộ phiếu thu thập thông tin phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của GV và thái độ phục vụ của NV; trong đó có đề cập đến ý kiến của người học về CTĐT. Nhà trường đã dựa vào các thông tin phản hồi từ người học, từ các CSGD mầm non và đơn vị sử dụng lao động về nội dung giảng dạy, về CTĐT để xây dựng và cải tiến CTĐT ngày càng tiên bộ và phù hợp hơn đối với thực tiễn, đáp ứng được CĐR, đáp ứng được mục tiêu ĐT. Những thông tin phản hồi góp phần giúp GV đổi mới PPGD và KTĐG kết quả học tập của người học đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR của CTĐT. Công tác TTSP luôn được Nhà trường và Khoa GDMN chú trọng, quan tâm, tạo mọi điều kiện thuận lợi nhằm giúp SV rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp đáp ứng CĐR và yêu cầu xã hội. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng học,...) thường xuyên được kiểm tra và nâng cấp nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho hoạt động dạy và học. Căn cứ vào mức độ đạt được của các tiêu chí, hội đồng Tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành GDMN tự đánh giá tiêu chuẩn 9 có 7/7 tiêu chí đạt.

Tiêu chuẩn 10

KẾT QUẢ ĐẦU RA

Mở đầu

Trong hệ thống đảm bảo chất lượng của Nhà trường việc đánh giá chất lượng đầu ra có vai trò quan trọng. Ngành GDMN là ngành thu hút được sự quan tâm của người học và nhu cầu sử dụng lao động ở ngành này tương đối cao. Trong những năm gần đây nguồn tuyển sinh đầu vào của ngành là các học sinh chất lượng đạt kết quả cao trong học tập (học lực khá trở lên) và trong kỳ thi THPT quốc gia hàng năm do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức. Sau khi trúng tuyển, SV được đào tạo bài bản, được thực hành, thực tập thực tế có sự đánh giá giám sát chặt chẽ trong suốt quá trình học tại Trường, Khoa. Hằng năm Nhà trường và Khoa Sư phạm đã thực hiện đánh giá việc đạt chuẩn đầu ra (CDR), tổ chức thống kê tỷ lệ SV tốt nghiệp, thời gian bình quân để tốt nghiệp, tỷ lệ SV thôi học và cơ hội tìm việc làm của SV làm cơ sở để cải tiến chất lượng.

Các hoạt động NCKH cho SV được quy định với trình tự chặt chẽ, đảm bảo phù hợp với CDR của CTĐT ngành GDMN tập trung nghiên cứu theo định hướng NCKH của Trường, Khoa và ngành học. Trường, Khoa cũng đã xây dựng hệ thống thu thập thông tin, phân tích và đo lường sự hài lòng của GV, người học, cựu người học và lấy đó làm chuẩn cho việc cải tiến CTĐT và phát triển hệ thống ĐBCL.

Tiêu chí 10.1: Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Phòng Công tác CT HSSV và đội ngũ Quản lý SV chịu trách nhiệm quản lý tỷ lệ thôi học và tỷ lệ tốt nghiệp của người học. Hàng năm tỷ lệ tốt nghiệp và thôi học của SV ngành GDMN được xác lập [H10.10.01. 01].

Giáo viên chủ nhiệm, Cố vấn học tập, Giáo vụ Khoa luôn cập nhật tình hình SV thông qua những buổi sinh hoạt lớp hàng tháng và thông tin phản hồi từ Ban cán sự lớp, Ban chấp hành chi đoàn, qua đó có những báo cáo kịp thời lên Khoa để có những hướng giải quyết phù hợp khi có tình hình phát sinh. Với những SV thôi học, Quản lý sinh viên, Giáo vụ khoa, Cố vấn học tập đều có sự trao đổi để nắm tình hình, qua đó hiểu được những khó khăn vướng mắc của SV để có những tư vấn phù hợp cho SV, cũng như có những đề xuất kịp thời với Khoa và Nhà trường. Quyết định SV thôi học được lưu trong hồ sơ của Quản lý sinh viên, Cố vấn học tập; Ban cán sự lớp và Ban chấp hành chi đoàn đều nắm được tình hình SV thôi học. Bên cạnh đó, SV tốt nghiệp và thôi học được cập nhật ở bộ phận quản lý đào tạo của Nhà trường [H10.10.01.01.02]. Điều này thuận tiện cho việc giám sát tình hình SV trong quá trình đào tạo.

Hàng năm, tỷ lệ tốt nghiệp và thôi học của SV ngành GDMN được xác lập và giám sát chặt chẽ dựa trên các Quy định về điều kiện tốt nghiệp, Quy định về thi tốt nghiệp, đánh giá kết quả thi thi tốt nghiệp và thông qua Hội đồng xét, xử

lý học sinh, SV thôi học, bỏ học hàng năm [H10.10.01.01.03]. Cụ thể, thông tin về tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ SV bỏ học của 5 khóa gần đây được thể hiện qua Cơ sở dữ liệu về người học trong đó có số liệu thống kê, theo dõi, báo cáo tổng kết, đánh giá tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học của người học trong 05 năm gần nhất bao gồm: năm nhập học, tổng số người học nhập học, số người học tốt nghiệp trước hạn, đúng hạn, quá hạn (hạn được hiểu là thời gian quy định của khóa học), số người học thôi học sau 1, 2, 3, 4 năm [H10.10.01.03] được tóm tắt bằng bảng số liệu sau:

Bảng 10.1. Tỷ lệ % người học hoàn thành CTĐT

Năm học	Số lượng SV toàn khóa	Số lượng SV hoàn thành CTĐT	Tỷ lệ %
2015-2016	680	663	97.5
2016-2017	505	489	96.8
2017-2018	334	323	96.7
2018-2019	179	174	97.2
2019-2020	173	171	98.8

Như vậy, theo thống kê, tỷ lệ SV tốt nghiệp cao và ổn định. Bảng 10.1 cho thấy tỷ lệ tốt nghiệp toàn khóa của ngành GDMN tính đến hết thời gian học đạt trên 90%. Trong giai đoạn 2015 - 2020, tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn (02 năm với hệ trung cấp và 03 năm với cao đẳng) các khóa đạt bình quân khoảng 95%. Đối với những SV chưa đủ điều kiện tốt nghiệp, cố vấn học tập luôn phải báo cáo định kỳ để Khoa và Nhà trường nắm rõ lý do và hướng giải quyết. Khoa cũng đã có những phân tích, tìm hiểu nguyên nhân SV thôi học, bỏ học và chậm tốt nghiệp để có những phương án hỗ trợ, giúp đỡ SV cũng như ngăn ngừa các hoạt động tiêu cực. Nguyên nhân bao gồm cả yếu tố khách quan và chủ quan như hoàn cảnh kinh tế, ốm đau, không thể hoàn thành chương trình học, kết quả học tập không đạt yêu cầu...

2. Điểm mạnh

Tỷ lệ người học ngành GDMN bị buộc thôi học ít, tỷ lệ người học tốt nghiệp ra trường đúng thời hạn cao, do có sự giám sát chặt chẽ của Khoa và Nhà trường.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù Nhà trường và Khoa thực hiện giám sát tỷ lệ SV tốt nghiệp hàng năm nhưng nhà trường chưa tìm hiểu, phân tích xác đáng nguyên nhân tốt nghiệp không đúng hạn và thôi học, chưa có phân tích dự báo tỷ lệ SV thôi học

của ngành để có những cơ chế chính sách hỗ trợ, khích lệ SV thực hiện kết quả đầu ra như mong muốn.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, khoa Sư phạm chỉ đạo các Cố vấn học tập, Giáo vụ khoa, Giáo viên chủ nhiệm tiếp tục giám sát chặt chẽ tình hình học tập của SV, tìm hiểu lý do thôi học của SV để có những tư vấn, định hướng kịp thời cho SV, đồng thời có phân tích, báo cáo thường xuyên về tiến độ học tập của SV, qua đó nhắc nhở, tư vấn cho SV hoàn thành các điều kiện chuẩn đầu ra, đảm bảo việc tốt nghiệp đúng thời hạn.

Khoa đưa vào kế hoạch đào tạo những phân tích, dự đoán xu thế tỷ lệ tốt nghiệp/thôi học, kết quả học tập và rèn luyện của người học để có quy trình, kế hoạch giám sát ngay từ đầu và chủ động.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 10.2. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Nhằm hỗ trợ người học sau khi tốt nghiệp tìm việc làm, Trường Cao đẳng Bắc Kạn đã chỉ đạo các phòng/khoa trong đơn vị hợp tác giữa Trường Cao đẳng Bắc Kạn với các đơn vị, doanh nghiệp nhằm hỗ trợ SV tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp [H10.10.02.01].

Hàng năm, Nhà trường và Khoa đã tổ chức hội thảo tư vấn hướng nghiệp và giới thiệu cơ hội việc làm cho SV; các khoa giám sát quá trình học tập cũng như tỷ lệ SV có việc làm sau tốt nghiệp, đồng thời thực hiện phân tích, đối sánh giữa các năm để tìm ra biện pháp cải tiến. Các khoa cũng phân công, giao nhiệm vụ cho bộ phận chức năng duy trì liên lạc và định kỳ thu thập thông tin của SV sau tốt nghiệp, phân tích và báo cáo về việc làm của HSSV sau tốt nghiệp để có định hướng hỗ trợ, giúp đỡ [H10.10.02.02].

Bảng 10.2. Tỷ lệ HSSV tốt nghiệp ngành GDMN có việc làm

Môi trường làm việc của SVTN	Năm 2018 (Tỷ lệ)	Năm 2019 (Tỷ lệ)	Năm 2020 (Tỷ lệ)
Công lập	18	33	09
Tư thực	81	47	31
Liên doanh nước ngoài	02	0	0
Tự tạo việc làm	29	34	20
Tổng số có việc làm	101/130 (77,7%)	80/114 (70,2%)	60/88 (68,2%)

SV tốt nghiệp ngành GDMN làm việc chủ yếu ở môi trường giáo dục, trong đó số SV làm việc làm trong môi trường doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp nước ngoài chiếm tỷ lệ rất thấp. Điều này cũng hoàn toàn phù hợp với đặc thù ngành đào tạo và khung năng lực cũng như định hướng nghề nghiệp và môi trường làm việc mà Khoa và Trường hướng đến trong CTĐT ngành Giáo dục mầm non.

Nguyên nhân sinh viên ngành Giáo dục mầm non ra trường chưa tìm được việc làm bao gồm: các trường mầm non công lập đã đủ biên chế, các em sau ra trường xây dựng gia đình, có con chưa đi làm được, một số em tự tạo việc làm trái ngành, đi làm việc tại các khu công nghiệp [H10.10.02.03]; [H10.10.02.04].

Trong quá trình đào tạo, Nhà trường đã tiến hành khảo sát nhu cầu của thị trường lao động và tăng cường liên kết với các nhà tuyển dụng địa phương để giúp SV có cơ hội tìm kiếm việc làm đúng chuyên ngành đào tạo dễ dàng hơn sau khi tốt nghiệp [H10.10.02.05].

2. Điểm mạnh

Đa số SV tốt nghiệp ngành GDMN đều có việc làm phù hợp sau khi tốt nghiệp; lĩnh vực nghề nghiệp và môi trường làm việc gắn kết chặt chẽ với CTĐT của Ngành, trong đó coi trọng năng lực thực hành thực tế, giúp SV có nhiều cơ hội được trải nghiệm thực hành nghề nghiệp và có nhiều cơ hội có việc làm phù hợp sau khi tốt nghiệp. Với việc các trung tâm dạy trẻ tư thục được thành lập ngày một nhiều thì sinh viên Sư phạm Mầm non ra trường có nhiều cơ hội có việc làm đúng chuyên ngành cũng tăng lên.

3. Điểm tồn tại

Bên cạnh những ưu điểm nêu trên, có một tỷ lệ nhất định SV ngành GDMN làm trái ngành trái nghề sau khi tốt nghiệp. Một số SV còn chưa lập kế hoạch cá nhân, định hướng mục tiêu nghề nghiệp chưa rõ ràng, do đó, SV gặp khó khăn trong quá trình tìm việc làm sau khi tốt nghiệp. Khoa và Nhà trường đã tiến hành khảo sát đối với các khóa SV tốt nghiệp về tình trạng việc làm từ đó có thông tin đầy đủ về tình trạng tốt nghiệp để giám sát đối sánh nhằm cải tiến chất lượng, tuy nhiên việc thông tin qua lại với cựu sinh viên đôi lúc gặp khó khăn, đồng thời chưa khảo sát được mức bình quân thu nhập của các SV ở các môi trường làm việc

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2021 - 2022, các khoa tiến hành khảo sát nhu cầu của thị trường lao động và khảo sát việc làm của SV tốt nghiệp ở diện rộng và khảo sát vị trí việc làm của SV tốt nghiệp.

Nhà trường tăng cường liên kết với các nhà tuyển dụng địa phương để giúp SV có cơ hội tìm kiếm việc làm đúng chuyên ngành đào tạo dễ dàng hơn sau khi tốt nghiệp.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 10.3: Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Vào mỗi năm học, Nhà trường đã tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan SV về các khâu trong quá trình đào tạo nhằm thu thập thông tin phản hồi để làm cơ sở phân tích, đánh giá học phần và CTĐT cũng như các dịch vụ công để có sự điều chỉnh, cải tiến chương trình dạy học và dịch vụ hỗ trợ [H10.10.03.01].

Ngoài ra, hằng tháng, Khoa Sư phạm chỉ đạo SV tổ chức sinh hoạt lớp để lắng nghe các ý kiến đóng góp, phản hồi từ SV một cách thẳng thắn, công khai và có sự giải trình, tiếp thu nghiêm túc của giáo viên chủ nhiệm, Cố vấn học tập, Giáo vụ khoa. Từ đó, bộ phận chức năng của Khoa tổng hợp ý kiến để báo cáo lãnh đạo khoa, Hội đồng KHĐT của Khoa và các Bộ môn nhằm áp đề xuất các giải pháp kịp thời để cải tiến chất lượng đào tạo và phản hồi tới người học.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc thu thập thông tin phản hồi từ các cựu người học, Nhà trường và các phòng, khoa đã xây dựng mạng lưới liên kết cựu người học nhằm lấy ý kiến của cựu SV về các lĩnh vực công tác của nhà trường [H10.10.03.02] để làm cơ sở đánh giá, cải tiến CTĐT và CDR của ngành.

Từ năm học 2020-2021, Nhà trường đã tiến hành lấy ý kiến các bên liên quan về hoạt động đào tạo, NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, NH, cơ sở vật chất... Sau đó thực hiện thống kê, phân tích, đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan (cán bộ nhân viên, GV, NH, NH đã tốt nghiệp, nhà tuyển dụng) về hoạt động đào tạo, NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, NH, cơ sở vật chất [H10.10.03.03] . Điều này giúp Nhà trường tiếp thu ý kiến đóng góp của cán bộ giáo viên và HSSV nhằm cải tiến nâng cao chất lượng việc thực hiện các hoạt động phục vụ, hỗ trợ cho CBGV và HSSV Trường Cao đẳng Bắc Kạn. Các báo cáo tổng hợp cho thấy hơn 90% ý kiến cho rằng các hoạt động phục vụ, hỗ trợ cho CBGV và HSSV tại Trường Cao đẳng Bắc Kạn là đảm bảo đáp ứng nhu cầu, đảm bảo thời gian và công khai, minh bạch [H10.10.03.04] .

2. Điểm mạnh

Kết quả khảo sát các bên liên quan về các hoạt động của Nhà trường, mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát là cơ sở để các đơn vị phòng, khoa và Nhà trường nâng cao chất lượng dạy học, NCKH và phục vụ.

Các ý kiến phản biện từ các bên liên quan được các phòng, khoa và Trường nghiêm túc tiếp thu và thực hiện phân tích, đối sánh để có những đánh giá, điều chỉnh, bổ sung và cải tiến CTĐT và chuẩn đầu ra của Ngành.

3. Điểm tồn tại

Mẫu biểu khảo sát bằng bảng hỏi chưa được cập nhật, điều chỉnh để đảm bảo đánh giá đúng thực chất và yêu cầu của các bên liên quan về CTĐT và các hoạt động liên quan đến đào tạo.

4. Kế hoạch hành động

Trong thời gian tới, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan, đồng thời điều chỉnh các tiêu chí đánh giá ở các mẫu phiếu để đảm bảo tính cập nhật và phù hợp với mong muốn của đối tượng được khảo sát.

Ngoài ra, Trường hằng năm cũng tiến hành gửi bảng khảo sát đến các đơn vị đã, đang và sẽ tuyển dụng các SV Sư phạm mầm non ra trường để thu thập thông tin đánh giá về năng lực của người lao động do Trường đào tạo và nhu cầu tuyển dụng của nhà tuyển dụng. Đây là một nguồn thông tin quan trọng để Trường cải tiến CTĐT và cải thiện chất lượng giáo dục cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn của xã hội và nhà tuyển dụng.

5. Tự đánh giá: đạt

*** Kết luận về tiêu chuẩn 10**

Nhờ có sự hỗ trợ thường xuyên và cải tiến kịp thời, số lượng SV GDMN có tỷ lệ tốt nghiệp cao; SV ngành có năng lực được đào tạo đạt chất lượng đáp ứng được yêu cầu về nguồn nhân lực của xã hội và nhà tuyển dụng, đặc biệt trong môi trường làm việc của các doanh nghiệp tư nhân trong nước.

SV tích có nhiều cố gắng trong học tập và rèn luyện với sự hỗ trợ, hướng dẫn khoa học của đội ngũ GV khoa. Tuy nhiên, Nhà trường cần tăng cường cơ chế, chính sách khuyến khích SV làm tham gia các hoạt động ngoài giờ lên lớp, các chương trình khởi nghiệp, đẩy mạnh việc đào tạo cho SV các kỹ năng mềm... nhằm đáp ứng tối đa yêu cầu ngày càng cao của môi trường làm việc luôn thay đổi trong xu thế hội nhập quốc tế.

Căn cứ vào mức độ đạt được của các tiêu chí, hội đồng Tự đánh giá chất lượng

CTĐT ngành GDMN tự đánh giá tiêu chuẩn 10 có 3/3 tiêu chí đạt.

PHẦN III: KẾT LUẬN

Việc triển khai tự đánh giá CTĐT ngành GDMN là khâu quan trọng trong việc đảm bảo CLĐT của Khoa GDMN cũng như của Nhà trường. Dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ GD&ĐT ban hành, Hội đồng tự đánh giá đã tự xem xét, báo cáo về tình trạng chất lượng, hiệu quả hoạt động đào tạo, NCKH, nhân lực, CSVC và các vấn đề liên quan khác thuộc CTĐT ngành GDMN, qua đó thấy được những mặt mạnh, những mặt tồn tại để Trường, Khoa xây dựng và triển khai các kế hoạch hành động nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng CTĐT và đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

Sau đây là tóm tắt những điểm mạnh cần phát huy, những điểm tồn tại cần khắc phục và kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT ngành GDMN của Trường Cao đẳng Bắc Kạn.

1. Những điểm mạnh của CTĐT ngành Giáo dục Mầm non

1.1. Về mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT ngành GDMN được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường Cao đẳng Bắc Kạn, phù hợp với mục tiêu giáo dục và mục tiêu ĐT.

CĐR của CTĐT ngành GDMN được xác định rõ ràng, thể hiện rõ các yêu cầu về trình độ kiến thức chuyên môn, năng lực, kỹ năng thực hành, phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe đối với SV khi tốt nghiệp; được định kỳ rà soát, điều chỉnh dựa trên cơ sở tham khảo các chương trình tiên tiến, các ý kiến phản hồi từ các cơ sở GDMN, nhà tuyển dụng lao động, SV, cựu SV và được công bố công khai theo quy định.

1.2. Về bản mô tả chương trình đào tạo

Bản mô tả CTĐT ngành GDMN thể hiện đầy đủ thông tin, tích hợp những nội dung mới nhất liên quan; phù hợp với xu hướng ĐT hiện đại, đáp ứng nhu cầu của xã hội. ĐCCT các học phần thể hiện rõ mọi thông tin liên quan đến học phần, cấu trúc, nội dung, phương pháp KT&DG, cụ thể hóa CĐR và liên tục được cập nhật, đáp ứng xu thế phát triển về các lĩnh vực liên quan đến ngành GDMN.

Bản mô tả CTĐT và ĐC các học phần được công bố công khai rộng rãi, tạo điều kiện cho các bên liên quan dễ dàng tiếp cận, đặc biệt để SV đưa ra lựa chọn hợp lý cho lộ trình, kế hoạch học tập của bản thân theo từng học kỳ, từng năm và trong toàn khóa học.

1.3. Về cấu trúc và nội dung CTDH

CTDH ngành GDMN được thiết kế dựa trên mục tiêu ĐT và bám sát CĐR của CTĐT, đảm bảo tính hợp lý và logic giữa các học phần. Các học phần trong CTDH được cấu trúc hợp lý, gắn kết giữa các khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ bản, cơ sở ngành và chuyên môn ngành. Mục tiêu và nội dung chi tiết của từng học phần đảm bảo và thể hiện rõ yêu cầu cần đạt của CĐR.

CTDH ngành GDMN có cấu trúc, trình tự logic hợp lý, chặt chẽ; có cập

nhật các nội dung mới nhất của chuyên ngành GDMN, các học phần có tính tích hợp nội môn và liên môn và gắn với thực tế. Sau khi hoàn thành chương trình, SV ra trường có thể đáp ứng được các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng thực hành đối với nguồn nhân lực ngành GDMN.

1.4. Về phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mục tiêu GD ngành GDMN được tuyên bố rõ ràng và cụ thể hóa trong ĐCCT các học phần, được phổ biến rộng rãi tới SV, GV, cộng đồng và xã hội. Các hoạt động dạy và học, nhất là các PPDH lý thuyết và thực hành của các học phần được GV trong Khoa GDMN lựa chọn sử dụng đa dạng, phù hợp và tương thích với CDR. Các trang bị, đồ dùng, phương tiện dạy học được sử dụng trong các giờ thực hành đã giúp SV vận dụng kiến thức lý thuyết và rèn luyện các kỹ năng thực hành tốt nhất. Việc thiết kế và tổ chức các hoạt động dạy và học được các GV thực hiện đều tạo điều kiện cho SV rèn luyện được các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời.

1.5. Về tuyển sinh và hỗ trợ người học

Chính sách tuyển sinh (TS) được xác định rõ ràng, được công khai và cập nhật thường xuyên. Các tiêu chí và phương thức TS được lượng hóa, giúp cho Nhà trường và Khoa có thể tuyển được những thí sinh có kết quả thi tuyển, đánh giá năng lực đúng theo quy định của Bộ GD&ĐT. Đội ngũ GV của Khoa là những người có nhiệt huyết, trình độ chuyên môn và kinh nghiệm trong công tác, luôn hỗ trợ, tư vấn kịp thời cho SV về ngành học, CTĐT, hoạt động NCKH, ngoại khóa..., và luôn theo dõi kết quả, sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của SV; qua đó, tạo ra tâm thế học tập tích cực ở SV ngay từ năm thứ nhất. Bên cạnh đó, Đoàn Thanh niên, Hội SV của Trường, Khoa đã tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa, tư vấn PP học tập, phong trào thi đua, các chương trình hỗ trợ SV tìm hiểu thực tế, tìm kiếm cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp ... đã giúp SV không chỉ cải thiện, nâng cao thành tích học tập mà còn đem lại khả năng có việc làm khi ra trường.

Ngoài ra, Trường có một cảnh quan xanh - sạch - đẹp; môi trường văn hóa học đường luôn được giữ gìn với bầu không khí thân thiện, cởi mở, tôn trọng; an ninh trật tự địa phương và Nhà trường luôn được đảm bảo, tạo sự thuận lợi cho hoạt động ĐT, NCKH của Trường, của Khoa và tạo sự phấn khởi, thoải mái trong học tập và rèn luyện, sinh hoạt cho SV.

1.6. Về đánh giá kết quả học tập của người học

Hoạt động đánh giá kết quả học tập của SV bám sát các yêu cầu CDR của CTĐT về kiến thức, kỹ năng và thái độ. Các quy định về đánh giá kết quả học tập được thể hiện rõ trong các ĐCCT học phần, CTĐT và được thông báo công khai tới SV. Các PP, hình thức KTĐG kết quả học tập của SV đa dạng (kiểm tra viết, vấn đáp, bài tập, tiểu luận, đánh giá qua các hoạt động thuyết trình ...); đề thi được Bộ môn duyệt trước khi đưa vào sử dụng nên đảm bảo độ tin cậy, khách quan. Kết quả học tập của SV được thông báo kịp thời, lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn. Trường, Khoa luôn tạo điều kiện để SV tiếp cận

dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập và đã giải quyết tốt các trường hợp cụ thể.

1.7. Về đội ngũ CBQL, GV, giáo viên và nhân viên

Đội ngũ CBQL, GV thực hiện CTĐT ngành GDMN được bố trí, quy hoạch, bồi dưỡng nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH. Tỷ lệ GV/SV của CTĐT đảm bảo theo quy định về xác định chỉ tiêu đào tạo, đáp ứng khối lượng của CTĐT; trong đó tỷ lệ GV có trình độ từ đạt chuẩn trở lên. Việc tuyển dụng, bổ nhiệm GV của Trường, Khoa theo kế hoạch, quy hoạch của Trường, của Khoa và tuân thủ quy trình, tiêu chí rõ ràng, công khai theo quy định của Nhà nước. Đội ngũ GV phục vụ CTĐT thực hiện đủ định mức giờ giảng và NCKH theo quy định của Nhà trường. Nhu cầu ĐT và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV Bộ môn ngành GDMN đã được xác định; đồng thời Khoa và Nhà trường luôn khuyến khích và tạo điều kiện hỗ trợ về thời gian và cả kinh phí cho GV đi học nâng cao trình độ về chuyên môn, chính trị.

Hàng năm, kết quả công việc và năng lực của đội ngũ GV đều được đánh giá, xếp loại danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng, trong đó chú trọng kết quả NCKH. Vì vậy, kết quả thống kê những năm gần đây cho thấy các đề tài NCKH của ngày càng tăng về số lượng và chất lượng.

Góp phần vào hoạt động ĐT, không thể thiếu đội ngũ NV, phục vụ: Đội ngũ NV làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT, Tổ chức - Hành chính và các dịch vụ hỗ trợ khác đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng đáp ứng nhu cầu về ĐT, NCKH. Các văn bản, tiêu chí, quy trình tuyển dụng NV được quy định cụ thể và được công bố công khai. Hoạt động đánh giá và phân loại đội ngũ NV được thực hiện thường xuyên hàng năm và theo các tiêu chuẩn được quy định cụ thể về thi đua, khen thưởng, đảm bảo chính xác, công bằng, công khai. Nhà trường và các đơn vị trực thuộc xác định nhu cầu và có các hoạt động cụ thể để triển khai kế hoạch ĐT và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ NV.

1.8. Về cơ sở vật chất và trang thiết bị

Nhà trường có hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành, thư viện, nhà luyện tập đa năng... được trang bị, lắp đặt các phương tiện, thiết bị phù hợp, hiện đại hỗ trợ có hiệu quả cho các hoạt động ĐT, NCKH, luyện tập, vui chơi và giải trí. Thư viện của Nhà trường có nguồn tài liệu dồi dào, phong phú và được cập nhật. Hạ tầng CNTT phục vụ giảng dạy, học tập và quản lý đào tạo với hệ thống máy chủ, mạng internet, wifi, máy vi tính và các phần mềm chuyên dụng ... đảm bảo hoạt động liên tục, phục vụ hiệu quả các hoạt động ĐT và NCKH.

Công tác vệ sinh môi trường, vệ sinh, an toàn thực phẩm, an ninh trật tự và khám sức khỏe định kỳ cho GV, NV, HSSV được thực hiện đầy đủ theo các tiêu chuẩn quy định; một số giảng đường, khu luyện tập TDTT có lối đi riêng cho người khuyết tật.

1.9. Về đảm bảo và nâng cao chất lượng

Việc thu thập thông tin phản hồi của SV, cựu SV và các bên liên quan được thực hiện thường xuyên, có hiệu quả. Thông tin phản hồi được phân loại, xử lý, phân tích một cách khoa học, chính xác, làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTDH. CTDH được đánh giá và cải tiến định kỳ 2 năm/lần trong toàn trường theo một quy trình thống nhất, dựa trên ý kiến phản hồi của SV, cựu SV, của các bên liên quan và tham khảo các CTĐT, CTDH của các trường CĐ, ĐH tiên tiến trong nước.

Quá trình dạy và học, quy trình, hình thức KTĐG được thực hiện một cách chặt chẽ, nghiêm túc, đa dạng và linh hoạt, phù hợp với ĐT tín chỉ và luôn được rà soát, đánh giá để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR của CTĐT; đồng thời góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng ĐT. Trường, Khoa cũng đã xây dựng được phong trào NCKH trong GV và SV, phần lớn các đề tài, kết quả NCKH đều gắn với các nhiệm vụ ĐT, giúp cải tiến, nâng cao chất lượng dạy và học và có giá trị thực tiễn trong công tác GD, ĐT của Nhà trường.

1.10. Về kết quả đầu ra

Nhà trường, Khoa đã thực hiện tốt việc quản lý và giám sát việc học tập, kết quả học tập, rèn luyện và thời gian tốt nghiệp của SV thông qua các cố vấn học tập; duy trì sinh hoạt lớp hàng tuần để nhắc nhở kịp thời tình hình học tập, rèn luyện của SV; thường xuyên thống kê và cập nhật chính xác tỉ lệ SV thôi học, bỏ học và tỉ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn. Đa số SV tốt nghiệp ngành GDMN đều có việc làm phù hợp sau khi ra trường, đáp ứng được yêu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao cho tỉnh Bắc Kạn, khu vực và cả nước.

Nhà trường, Khoa có kế hoạch phát triển, triển khai hướng dẫn và theo dõi, giám sát hiệu quả hoạt động NCKH của SV, tập trung các hướng NC ứng dụng, có tính thực tiễn cao; sử dụng hiệu quả các thiết bị hiện có; thường xuyên tổ chức các hoạt động của các câu lạc bộ để trao đổi, định hướng NC cho SV, nhất là SV năm thứ nhất.

Nhà trường triển khai thu thập ý kiến phản hồi từ SV, cựu SV và các bên liên quan, qua đó thấy được mức độ hài lòng của họ để rà soát, cải tiến chất lượng CTĐT, CTDH ngành GDMN, đáp ứng mục tiêu ĐT đã đề ra.

2. Những điểm tồn tại của CTĐT ngành GDMN

2.1. Về mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT, CĐR của CTĐT chưa được rà soát, điều chỉnh và cập nhật thường xuyên theo từng năm học theo ý kiến phản hồi của SV, cựu SV và các bên liên quan về tính phù hợp với nhu cầu xã hội hiện nay.

2.2. Về bản mô tả chương trình đào tạo

Tiến trình ĐT được mô tả trong CTĐT còn chưa đáp ứng nhu cầu học vượt, học sớm của người học; việc thông tin bản mô tả CTĐT điều chỉnh, cập

nhật tới SV các bên có liên quan vẫn chưa được thực hiện thường xuyên, kịp thời.

Cơ sở học liệu, tài liệu tham khảo cập nhật của CTĐT ngành GDMN còn ít so với nhu cầu. Việc lấy ý kiến phản hồi của SV, cựu SV, GV và các nhà tuyển dụng lao động để góp ý về CTĐT chưa được thực hiện thường xuyên, đối tượng còn hạn hẹp.

2.3. Về cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Thông tin phản hồi của SV, cựu SV về chất lượng CTDH chưa đầy đủ và liên tục; ý kiến đóng góp của các nhà tuyển dụng, SV, cựu SV đối với các học phần chưa thực sự rõ ràng. CTDH của một số học phần chưa cập nhật kịp thời trong việc đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực cho xã hội. Một số học phần còn dạy theo cách truyền thống, chưa ứng dụng PP, kỹ thuật hiện đại vào việc giảng dạy dẫn đến bài giảng chưa thực sự đạt hiệu quả cao.

2.4. Về phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Việc tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các trường MN, nhà tuyển dụng đối với mục tiêu giáo dục chưa được tiến hành thường xuyên và rộng khắp; SV chưa thật sự thích nghi với PP học tập tích cực như: tự học, tự nghiên cứu, nhất là SV năm thứ nhất; CSVC chưa đáp ứng tốt điều kiện tổ chức làm các bài tập nhóm, tập giảng (Phòng học chật, bàn ghế không linh hoạt cho việc di chuyển); Một số học phần còn dạy ghép nhiều lớp, số lượng SV đông nên chưa phát huy được tính tự giác và tích cực của SV trong quá trình tương tác với GV.

2.5. Về tuyển sinh và hỗ trợ người học

Chính sách TS của Trường vẫn còn một số tồn tại: hình ảnh và thông tin về ngành học, về đơn vị ĐT chưa được hấp dẫn và chi tiết; chưa có các hình thức quảng bá để thu hút được những thí sinh giỏi, có năng lực và sự đam mê về ngành GDMN vào học; Số lượng thí sinh đăng ký dự tuyển còn thấp; chất lượng tư vấn chiêu sinh chưa cao.

Chất lượng đầu vào của người học thấp, nội dung một số học phần của CTĐT còn nặng tính lý thuyết dẫn đến kết quả học tập chưa cao. Số lượng SV tham gia NCKH chưa nhiều. Hoạt động khảo sát lấy ý kiến của SV về các hoạt động học tập, ngoại khóa, thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác chưa đồng bộ, chưa thường xuyên.

Chưa phối hợp, ký kết với đơn vị tuyển dụng hoặc có tiềm năng tuyển dụng để tìm kiếm việc làm cho SV sau tốt nghiệp.

Các dịch vụ hỗ trợ SV còn hạn chế, chưa thực hiện cải tiến chất lượng. Nguồn học liệu phục vụ học tập và giảng dạy ngành GDMN còn thiếu, đôi khi chưa kịp thời.

2.6. Về đánh giá kết quả học tập của người học

Chưa thống kê, phân tích định lượng từng đề thi theo cấp độ dễ, trung

bình, khó, quá khó để phân loại và đánh giá kết quả học tập của SV một cách chính xác; việc cập nhật thông tin các quy định về đánh giá kết quả học tập của SV còn hạn chế. Nhà trường, Khoa chưa xây dựng được ngân hàng đề thi học phần; hình thức thi trắc nghiệm chỉ mới được triển khai ở một số học phần. Việc công bố điểm cuối kỳ cho SV đôi khi còn chậm, ảnh hưởng đến SV trong việc phúc tra điểm và đăng ký môn học cải thiện điểm, đặc biệt đối với SV chuẩn bị tốt nghiệp.

2.7. Về đội ngũ CBQL, giảng viên, giáo viên và nhân viên

Kế hoạch phát triển đội ngũ GV về kỹ năng giảng dạy chưa được quan tâm thường xuyên và đúng mức; trình độ tiếng Anh của các GV chưa đồng đều và còn nhiều hạn chế; tỷ lệ GV được đào tạo nước ngoài còn ít. Số công trình NCKH của GV mới tập trung vào phục vụ hoạt động ĐT của Trường, chưa có nhiều đề tài phục vụ cộng đồng. Kinh phí dành cho các đề tài nghiên cứu còn hạn chế.

Công tác quy hoạch, phát triển về chất lượng đội ngũ NV chưa được thường xuyên và đồng bộ; các hoạt động ĐT, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho NV chưa phong phú và thường xuyên. Nhà trường chưa có hệ thống văn bản quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với NV và quy định chế độ theo dõi, giám sát, đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV.

2.8. Về cơ sở vật chất và trang thiết bị

Việc lấy ý kiến phản hồi của SV về CSVC và trang thiết bị chưa được tiến hành thường xuyên. Công tác liên kết, mở rộng quan hệ hợp tác với Thư viện tỉnh, các tổ chức, các nhà xuất bản chưa được phát triển mạnh. Nguồn tài liệu phục vụ chuyên ngành GDMN chưa nhiều. Chưa có phòng học mùa chuyên dụng dẫn đến những khó khăn và bất tiện trong việc học bộ môn này. Chưa có một chính sách riêng quan tâm đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

2.9. Về bảo đảm và nâng cao chất lượng

Số lượng CSGD MN tham gia đánh giá CTĐT ngành GDMN chưa nhiều, phạm vi khảo sát mới chỉ giới hạn ở một số trường MN có chất lượng cao trong địa bàn thành phố. Thời lượng thực hành trong CTĐT còn ít; số lượng các học phần để phát triển kỹ năng mềm cho SV chưa nhiều. Việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về quá trình dạy - học và đánh giá kết quả học tập của SV chưa được đồng bộ, chưa rộng khắp. Các đề tài NCKH của GV chủ yếu là đề tài cấp trường với nguồn kinh phí hạn chế, chất lượng một số đề tài còn có mặt hạn chế, chưa có đề tài công bố trên các tạp chí khoa học trong nước và quốc tế.

2.10. Về kết quả đầu ra

Công tác cố vấn học tập chưa phát huy hết hiệu quả, chưa tư vấn tốt cho SV tự lập kế hoạch học tập. SV chưa chủ động với kế hoạch học tập của cá nhân, còn chủ quan trong việc hoàn thành các điều kiện CDR về ngoại ngữ và

tin học theo quy định. CTĐT ít nhiều chưa bám sát với nhu cầu tuyển dụng và xu hướng thị trường lao động. Có một tỷ lệ nhất định SV ngành GDMN làm trái ngành nghề sau khi tốt nghiệp. Một số SV chưa quan tâm, hứng thú với hoạt động NCKH. Việc khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan để rà soát, cải tiến chất lượng CTĐT ngành GDMN chưa được thực hiện thường xuyên.

2. Kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT

Để khắc phục những tồn tại trên, Khoa, Trường có kế hoạch từ năm học 2021 - 2022 trở đi như sau:

2.1. Về mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Tiếp tục lấy ý kiến của SV, cựu SV và các bên liên quan về mục tiêu và CDR của CTĐT; tiếp tục rà soát, hiệu chỉnh và cập nhật mục tiêu, CDR từng học phần và toàn bộ CTĐT theo hướng hiện đại hóa và phù hợp với yêu cầu thực tiễn của ngành, của địa phương.

2.2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Tiếp tục rà soát, đánh giá và điều chỉnh lại tiến trình ĐT cho phù hợp hơn, theo hướng tăng thời gian cho nhóm kiến thức chuyên ngành; Nhà trường, Khoa tiếp tục bổ sung, cập nhật và nâng cấp hệ thống học liệu, đặc biệt là hệ thống bài giảng, giáo trình phục vụ các học phần thuộc chuyên ngành GDMN. Mở rộng hơn phạm vi, đối tượng lấy ý kiến đánh giá; thông tin bản mô tả CTĐT tới các bên có liên quan theo hướng chuyên nghiệp và kịp thời hơn.

2.3. Về cấu trúc và nội dung CTDH

Xây dựng kế hoạch phối hợp chặt chẽ với các bên liên quan như: nhà tuyển dụng, SV và cựu SV trong việc rà soát và điều chỉnh CTDH để hoàn thiện CTDH ngành GDMN, đảm bảo tính cập nhật và thích ứng nhu cầu thực tế của xã hội về nhân lực. Tổ chức tập huấn về PPGD với sự hỗ trợ của CNTT nhằm thay đổi hình thức và PPGD cũ bằng PPGD theo hướng tiếp cận năng lực, kích thích tính chủ động của SV tích lũy kiến thức cũng như kỹ năng nghiệp vụ.

2.4. Về phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Đẩy mạnh việc quảng bá thông tin, tổ chức định kỳ việc lấy ý kiến phản hồi từ phía các cơ sở GDMN, các nhà tuyển dụng đối với mục tiêu giáo dục. Tổ chức các ngoại khóa, hội thảo về PP học mới cho SV, đặc biệt là SV năm thứ nhất để SV nắm bắt và thay đổi tư duy theo cách thức học tập mới như: tự học, tự nghiên cứu cũng như khả năng tìm kiếm, tổng hợp và phân tích tài liệu; khả năng tư duy phản biện, tư duy sáng tạo, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng lập kế hoạch ...

2.5. Về tuyển sinh và hỗ trợ người học

Nhà trường sẽ tiếp tục đổi mới công tác TS như: Đến các trường THPT trong tỉnh để làm công tác hướng nghiệp, tư vấn chiêu sinh; tăng cường công

tác quảng bá TS bằng nhiều hình thức, nhiều kênh thông tin, qua các bài viết, các hình ảnh, hoạt động của Trường, của Khoa, của các tổ chức đoàn thể, các câu lạc bộ học thuật trên trang web, trang mạng xã hội của Trường; đồng thời sẽ thực hiện các Video, clip giới thiệu về Trường, về Khoa, về hoạt động đào tạo ngành GDMN, các kết quả NCKH của SV, cơ hội việc làm của SV sau khi tốt nghiệp,... để quảng bá rộng rãi đến các em học sinh THPT trên địa bàn tỉnh.

Tiến hành rà soát lại ĐC các học phần, điều chỉnh việc phân bổ các môn học, tăng thời gian thực hành, giảm bớt các kiến thức có tính “hàn lâm”. Tăng cường hơn nữa vai trò, trách nhiệm, hoạt động của cố vấn học tập trong việc tư vấn học tập, khuyến khích hoạt động NCKH trong SV; hỗ trợ SV tìm kiếm việc làm sau tốt nghiệp. Đầu tư xây dựng, cải tạo các khu nhà làm việc, thư viện cũng như đổi mới các dịch vụ hỗ trợ để tạo môi trường làm việc, học tập thuận lợi hơn nữa cho GV và SV.

2.6. Về đánh giá kết quả học tập của người học

Tổ chức thống kê, phân tích định lượng các kết quả thi, đánh giá mức độ phù hợp của đề thi theo CĐR, đảm bảo tính chính xác và công bằng trong KTDG kết quả người học. Nhà trường tiếp tục xây dựng và ban hành các quy định về xây dựng đề thi vấn đáp, tự luận, trắc nghiệm, ... nhằm đáp ứng CĐR của CTĐT. Thực hiện công khai đáp án chấm thi cuối kỳ để SV tự đối chiếu với bài thi và có kế hoạch điều chỉnh việc học tập. Thực hiện việc chấm thi và công bố điểm giữa kỳ, cuối kỳ đúng thời hạn theo quy định.

Về đội ngũ CBQL, giảng viên, giáo viên và nhân viên

Có chính sách ưu đãi để thu hút người trình độ chuyên môn cao từ các trường đại học đến trao đổi, giao lưu học tập, giảng dạy tại Trường. Khuyến khích Khoa chuyên môn thành lập các nhóm NC, đăng ký thực hiện các đề tài NCKH nhằm phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Xây dựng và ban hành kế hoạch phát triển chuyên môn, nghiệp vụ và đội ngũ kế thừa. Thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng tiếng Anh giao tiếp cho các GV để nâng cao khả năng trao đổi học thuật, nghiên cứu và hội nhập quốc tế; khuyến khích, hỗ trợ và tạo điều kiện để ít nhất mỗi năm có 01 GV đi đào tạo, bồi dưỡng ở ngoài nước; tăng cường kinh phí cho việc thực hiện đề tài NCKH của GV và SV.

Tiến hành xây dựng bộ tiêu chí đánh giá công việc cụ thể từng vị trí việc làm để từ đó có chính sách, tuyển dụng, bổ nhiệm, xét thi đua khen thưởng hợp lý hơn, đồng thời có cơ sở để theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV. Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn và nghiệp vụ cho đội ngũ NV để họ hỗ trợ, phục vụ tốt hơn cho ĐT và NCKH.

2.1. Về cơ sở vật chất và trang thiết bị

Trường, Khoa tiếp tục lấy ý kiến phản hồi của SV về CSVC và trang thiết bị phục vụ hoạt động ĐT và NCKH; liên kết, mở rộng quan hệ hợp tác

với Thư viện tỉnh, các tổ chức quốc tế, các nhà xuất bản. Đầu tư kinh phí để bổ sung, cập nhật nguồn tài liệu phục vụ đào tạo ngành GDMN. Tiếp tục xây dựng các đề án nâng cấp các phòng thực hành theo hướng hiện đại. Tăng cường công tác quản lý SV, tránh hiện tượng vi phạm nội quy của Nhà trường, đồng thời thực hiện chính sách riêng, quan tâm đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

2.2. Về bảo đảm và nâng cao chất lượng

Nhà trường tiếp tục duy trì và mở rộng đối tượng lấy thông tin phản hồi của các bên liên quan về CTĐT. Tăng cường hợp tác với các cơ sở GDMN, các đơn vị sử dụng lao động tổ chức hội thảo về kỹ năng mềm để SV có cơ hội tiếp xúc, nắm bắt thêm các kỹ năng mềm cần thiết cho hoạt động nghề nghiệp sau khi ra trường. Tiến hành rà soát, điều chỉnh các văn bản, quy định về việc lấy ý kiến phản hồi của SV, cựu SV và các bên liên quan về các hoạt động dạy và học, KTĐG kết quả học tập để đảm bảo tính hệ thống, thống nhất, cập nhật và phù hợp với CĐR của CTĐT. Tích cực làm tốt công tác xã hội hóa tìm kiếm các nguồn tài trợ từ các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, đối tác ... để có thể thực hiện các đề tài NCKH phục vụ chuyên môn, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Thực hiện rà soát hiệu quả các dịch vụ hỗ trợ người học; tăng cường cơ sở hạ tầng CNTT tại các giảng đường.

Đẩy mạnh việc NCKH trong SV, lồng ghép các cuộc thi phát triển kỹ năng, chuyên môn trong các hoạt động của các CLB trong Khoa, trong Trường; đưa nội dung kỹ năng mềm vào CTĐT ngành GDMN; tổ chức các hoạt động nâng cao kỹ năng mềm cho SV thông qua các hoạt động ngoại khóa.

2.3. Về kết quả đầu ra

Phát huy năng lực, trách nhiệm của các cố vấn học tập; thực hiện báo cáo thường kỳ về tiến độ học tập của SV, qua đó nhắc nhở SV hoàn thành các điều kiện CĐR, lựa chọn, đăng ký học và thi cải thiện điểm kịp thời. Nhà trường tiếp tục duy trì việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan và khảo sát về tình trạng việc làm của SV sau khi tốt nghiệp nhằm cải tiến chất lượng và cập nhật CTĐT, đáp ứng CĐR và nhu cầu xã hội.

Với những điểm nổi bật và một số tồn tại đã nêu ra ở trên, kết quả tự đánh giá CTĐT cử nhân CĐ ngành GDMN của Trường Cao đẳng Bắc Kạn được thể hiện thông qua bảng sau:

Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo

(Đánh giá theo Thông tư số 02/2020/TT-BGDĐT, ngày 05/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Tên cơ sở giáo dục: Trường Cao đẳng Bắc Kạn

Mã: C11

Tên CTĐT: Giáo dục Mầm non

Mã CTĐT: 51140201

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chuẩn 1								4,67	3	100
Tiêu chí 1.1				4						
Tiêu chí 1.2					5					
Tiêu chí 1.3					5					
Tiêu chuẩn 2								4	3	100
Tiêu chí 2.1				4						
Tiêu chí 2.2				4						
Tiêu chí 2.3				4						
Tiêu chuẩn 3								4	3	100
Tiêu chí 3.1				4						
Tiêu chí 3.2				4						
Tiêu chí 3.3				4						
Tiêu chuẩn 4								4	3	100
Tiêu chí 4.1				4						
Tiêu chí 4.2				4						
Tiêu chí 4.3				4						
Tiêu chuẩn 5								4,5	6	100
Tiêu chí 5.1					5					
Tiêu chí 5.2				4						
Tiêu chí 5.3					5					
Tiêu chí 5.4					5					
Tiêu chí 5.5				4						
Tiêu chí 5.6				4						
Tiêu chuẩn 6								4	5	100
Tiêu chí 6.1				4						
Tiêu chí 6.2				4						
Tiêu chí 6.3				4						
Tiêu chí 6.4				4						
Tiêu chí 6.5				4						
Tiêu chuẩn 7								4	6	100
Tiêu chí 7.1				4						
Tiêu chí 7.2				4						

Tiêu chí 7.3				4				4	6	100
Tiêu chí 7.4				4						
Tiêu chí 7.5				4						
Tiêu chí 7.6				4						
Tiêu chuẩn 8										
Tiêu chí 8.1				4				4	4	100
Tiêu chí 8.2				4						
Tiêu chí 8.3				4						
Tiêu chí 8.4				4						
Tiêu chuẩn 9								4,14	7	100
Tiêu chí 9.1					5					
Tiêu chí 9.2				4						
Tiêu chí 9.3				4						
Tiêu chí 9.4				4						
Tiêu chí 9.5				4						
Tiêu chí 9.6				4						
Tiêu chí 9.7				4						
Tiêu chuẩn 10								4	3	100
Tiêu chí 10.1				4						
Tiêu chí 10.2				4						
Tiêu chí 10.3				4						
Đánh giá chung Chương trình đào tạo								4,13	43	100,00

Bắc Kạn, ngày 27 tháng 12 năm 2021

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Bế Ngọc Tuấn

PHẦN IV. PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng chương trình đào tạo

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 27/12/2021

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục:
2. Tiếng Việt: Trường Cao đẳng Bắc Kạn Tiếng Anh: Backan College
3. Tên trước đây (nếu có):
4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn; Bộ Lao động – Thương binh & Xã hội
5. Địa chỉ: Tổ 9 - P. Phùng Chí Kiên - TP. Bắc Kạn - T. Bắc Kạn

Thông tin liên hệ:

Điện thoại: [\(0209\) 653 2288](tel:02096532288); Số fax [\(0209\) 653 2288](tel:02096532288);

E-mail: caodangbackan.cdbk@backan.gov.vn

Website: <http://cdbk.edu.vn>

6. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập): 14/01/2020
7. Loại hình cơ sở giáo dục: Công lập

II. Thông tin chung về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

1. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)
2. Tiếng Việt: Khoa Sư phạm
- Tiếng Anh: Faculty of Primary Education
3. Tên CTĐT:

Tiếng Việt: Giáo dục Mầm non

Tiếng Anh: Preschool Education

4. Mã CTĐT: 51140201

III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

Khoa Sư phạm được thành lập theo quyết định số 09 ngày 30 tháng 3 năm 2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Bắc Kạn.

Trước khi sáp nhập, Khoa Sư phạm - Trường Cao đẳng Cộng đồng là địa chỉ tin cậy thực hiện nhiệm vụ chính là đào tạo đội ngũ giáo viên bậc Tiểu học, Mầm non cho địa phương. Sau khi sáp nhập, ngoài nhiệm vụ tiếp tục đào tạo giáo viên cao đẳng sư phạm mầm non cho tỉnh, Khoa Sư phạm - Trường Cao đẳng Bắc Kạn còn đào tạo học sinh bậc THPT hệ GDTX với số lượng học sinh

tham gia học gần bằng với số lượng học sinh học khối giáo dục nghề nghiệp của trường.

Với đội ngũ giảng viên nhiệt tình, đã có nhiều năm công tác, Khoa Sư phạm luôn hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Hằng năm, Khoa luôn đạt danh hiệu tập thể lao động tiên tiến. CTĐT trình độ cao đẳng ngành GDMN được xây dựng theo hướng tiếp cận năng lực trên cơ sở khung chương trình do Bộ GD&ĐT ban hành với các quy định, hướng dẫn của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên. CTĐT đã thể hiện được quy định về CDR của CTĐT, bao trùm kiến thức, kỹ năng chuyên ngành, nhóm ngành, khối ngành và theo lĩnh vực. Các mục tiêu CDR được xây dựng phản ánh rõ ràng sứ mạng và tầm nhìn, mục tiêu giáo dục của Nhà trường.

IV. Cán bộ, giảng viên, nhân viên của đơn vị

1. Thống kê số lượng CB, GV và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu Trong đó:			
I.1	Cán bộ trong biên chế	03	09	12
I.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	0	0	0
II	Các CB khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả GV thỉnh giảng ²)	0	0	0
	Tổng số	03	09	12

2. Thống kê, phân loại GV

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ³ trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là CB quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	0	0	0	0	0	0

3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	0	0	0	0	0	0
5	Thạc sĩ	09	07	0	02	0	0
6	Đại học	03	03	0	0	0	0
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
8	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
	Tổng số	12	10	0	02	0	0

Cán bộ cơ hữu là CB quản lý, GV, nhân viên trong biên chế và CB hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc CB hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

Giảng viên thỉnh giảng là CB ở các cơ quan khác hoặc CB nghỉ hưu hoặc diện tự do được đơn vị thực hiện chương trình đào tạo mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khoá học ngắn hạn hoặc theo các học phần, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn.

Quy đổi số lượng GV của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định tại khoản 3, Điều 3 Thông tư số 32/2015/TT-BGDĐT ngày 16/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là CB quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi	-		1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ	5,0							
2	Phó Giáo sư	3,0							
3	Tiến sĩ khoa học	3,0							
4	Tiến sĩ	2,0							

5	Thạc sĩ	1,0	09	07	0	02	0	0	7,6
6	Đại học	0,5	03	02	01	0	0	0	1,5
Tổng			12	09	01	02	0	0	9,1

Cách tính: Cột 10=cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

3. Thống kê, phân loại GV cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

TT	Trình độ / học vị	Số lượng, người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Thạc sĩ	09	75	01	08	0	03	05	01	0
6	Đại học	03	25	02	01	0	02	01	0	0
Tổng		12	100	03	09	0	05	06	01	0

Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 75%

4. Thống kê, phân loại GV cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	18,1	100
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	58,2	-
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	18,1	-
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	5,6	-
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	0,0	-
Tổng		100	100

V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh.

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/thang điểm	Điểm trung bình của SV được tuyển	Số lượng SV quốc tế nhập học (người)
2020 - 2021	27	27		27			0

Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
1. Nghiên cứu sinh	0	0	0	0	0
2. Học viên cao học	0	0	0	0	0
3. SV Cao đẳng Trong đó:	0	0	0	0	
Hệ chính quy					75
Hệ không chính quy					0

Số SV quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Số lượng (người)	Năm học				
	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học	0	0	0	0	0

Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

Các tiêu chí	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
--------------	-----------	-----------	-----------	-----------	-----------

1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)					350
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)					55
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)					15
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m ² /người)					5,5 m ²

Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia nghiên cứu khoa học

	Năm học				
					2020 - 2021
Số lượng (người)					0
Tỷ lệ (%) trên tổng số SV					0%

Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
					2020 - 2021
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ					0
2. Học viên tốt nghiệp cao học					0
3. SV tốt nghiệp cao đẳng					
Trong đó:					
Hệ chính quy					41
Hệ không chính quy					0

Tình trạng tốt nghiệp của SV hệ chính quy của CTĐT:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
					2020 - 2021

1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).					41
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).					100%
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này ☐ chuyển xuống câu 4 B, Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này ☐ điền các thông tin dưới đây:					

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
					2020 - 2021
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).					95%
3.2. Tỷ lệ người học trả lời chỉ học được một phần kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).					5%
3.3. Tỷ lệ người học trả lời không học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp					0%

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này ☐ chuyển xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/ đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này ☐ điền các thông tin dưới đây:					Chưa đến thời gian khảo sát
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%). Sau 6 tháng tốt nghiệp. Sau 12 tháng tốt nghiệp.					Chưa đến thời gian khảo sát
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).					Chưa đến thời gian khảo sát
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm.					Chưa đến thời gian khảo sát
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:					Chưa đến thời gian khảo sát
Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
					2020 - 2021
A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này ☐ chuyển xuống kết thúc bảng này. B. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này ☐ điền các thông tin dưới đây:					
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).					100%

5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).					0%
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).					0%

Ghi chú:

Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp.

Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm.

Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.

Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

Số lượng đề tài NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
							2020 - 2021	
(1)	(2)	(3)					(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0						
2	Đề tài cấp Bộ*	1,0						
3	Đề tài cấp trường	0,5					01	0,5
	Tổng						01	0,5

Cách tính: Cột 9 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

Tổng số đề tài quy đổi: 0,5

Tỷ số đề tài NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên CB cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 0,83

Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên CB cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2020-2021	0	0	0

Số lượng CB cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng CB tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	01	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số CB tham gia			01	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
							2020	
1	Sách chuyên khảo	2,0						
2	Sách giáo trình	1,5						
3	Sách tham khảo	1,0					01	0,1
4	Sách hướng dẫn	0,5					0	0
	Tổng						01	0,1

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 0,1

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên CB cơ hữu: 0,1

Số lượng CB cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng CB cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách			1	0
Từ 4 đến 6 cuốn sách				
Trên 6 cuốn sách				
Tổng số CB tham gia			1	

Số lượng bài của các CB cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					
							2020	Tổng (đã quy đổi)
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5						
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0					04	4
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5					0	
	Tổng						4	4

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 4

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên CB cơ hữu: 04

Số lượng CB cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng CB cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	0	04	0
Từ 6 đến 10 bài báo	0	0	0
Từ 11 đến 15 bài báo	0	0	0
Trên 15 bài báo	0	0	0
Tổng số CB tham gia		4	

Số lượng báo cáo khoa học do CB cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					
							2020	Tổng (đã quy đổi)
1	Hội thảo quốc tế	1,0						
2	Hội thảo trong nước	0,5						
3	Hội thảo cấp trường	0,25					01	0,25
4	Tổng						01	0,25

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 01

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên CB cơ hữu: 0,25

Số lượng CB cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng CB cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	0	0	0
Từ 6 đến 10 báo cáo	0	0	0
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	0	0
Trên 15 báo cáo	0	0	0
Tổng số CB tham gia	0	0	0

Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2020- 2021	0

NCKH của người học

Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

	Số lượng người học tham gia	
--	-----------------------------	--

Số lượng đề tài	<i>Đề tài cấp NN</i>	<i>Đề tài cấp Bộ*</i>	<i>Đề tài cấp trường</i>	Ghi chú
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	02	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0		
Trên 6 đề tài	0	0		
Tổng số người học tham gia	0	0	02	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước
Thành tích NCKH của sinh viên:

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
						2020 - 2021
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo					0
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố					0

Phụ lục 2. Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá

UBND TỈNH BẮC KẠN
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BẮC KẠN

Số: 553/QĐ-CDBK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bắc Kạn, ngày 19 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo giáo viên
trình độ cao đẳng sư phạm năm học 2020 - 2021**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG BẮC KẠN

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2017 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 48/QĐ-CĐB-K ngày 27 tháng 4 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bắc Kạn về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Bắc Kạn;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 02/2020/TT-BGDĐT ngày 05/02/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng sư phạm và trung cấp sư phạm;

Theo đề nghị của Trường phòng Thanh tra - Khảo thí và Đảm bảo chất lượng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng và Ban thư ký Hội đồng tự đánh giá chương trình giáo viên trình độ cao đẳng sư phạm năm học 2020 – 2021 (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai thực hiện công tác tự đánh giá chương trình đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng sư phạm theo Quy định hiện hành.

Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên và Ban thư ký do Chủ tịch Hội đồng phân công. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Trường phòng Thanh tra - Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Trường Phòng Đào tạo, Trường Khoa Sư phạm, các đơn vị liên quan và các ông (bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

Gửi bản giấy:

- Như Điều 3 (thực hiện);

Gửi bản điện tử:

- Như Điều 3 (thực hiện);

- BGH (biết);

- Lưu: VT, TT-KT&ĐBCL (Duy).

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BẮC KẠN
Trịnh Tiến Long

Quyết định kiện toàn lần cuối Hội đồng tự đánh giá và Ban thư ký

UBND TỈNH BẮC KẠN
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BẮC KẠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 321/QĐ-CĐBK

Bắc Kạn, ngày 22 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc kiện toàn Hội đồng và Ban thư ký Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng sư phạm năm học 2020 - 2021

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG BẮC KẠN

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2017 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 48/QĐ-CĐB-K ngày 27 tháng 4 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bắc Kạn về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Bắc Kạn;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 02/2020/TT-BGDĐT ngày 05/02/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng sư phạm và trung cấp sư phạm;

Căn cứ Kết luận tại cuộc họp Hội đồng tự đánh giá ngày 02/12/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bắc Kạn;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra - Khảo thí và Đảm bảo chất lượng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Kiện toàn Hội đồng và Ban thư ký Hội đồng tự đánh giá chương trình giáo viên trình độ cao đẳng sư phạm năm học 2020 – 2021 (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai thực hiện công tác tự đánh giá chương trình đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng sư phạm theo Quy định hiện hành.

Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên và Ban thư ký do Chủ tịch Hội đồng phân công. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 553/QĐ-CĐBK ngày 19/11/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bắc Kạn về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng sư phạm năm học 2020 – 2021.

Điều 4. Trưởng phòng Thanh tra - Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Trưởng Phòng Đào tạo, Trưởng Khoa Sư phạm, các đơn vị liên quan và các ông (bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

Gửi bản giấy:

- Như Điều 4 (thực hiện);

Gửi bản điện tử:

- Như Điều 4 (thực hiện);

- BGH (biết);

- Lưu: VT, TTr-KT&ĐBCL (Duy).

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Trịnh Tiến Long

DANH SÁCH

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG SƯ PHẠM NĂM HỌC 2020 - 2021

(Kèm theo Quyết định số 321/QĐ-CĐBK ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bắc Kạn)

TT	Họ và tên	Chức vụ/Đơn vị	Chức vụ trong Hội đồng
1	Bế Ngọc Tuấn	Phó Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Chu Thị Thuỷ	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
3	Phan Thị Nguyệt Anh	Trưởng Khoa Sư phạm	Phó Chủ tịch
4	Lê Văn Nhã	Phó trưởng Phòng PT Phòng Thanh tra – KT&ĐBCL	Thư ký
5	Ngô Đăng Thanh	Trưởng Phòng CT HSSV	Thành viên
6	Nguyễn Thanh Hoàng	Phó trưởng phòng PT Phòng TC-HC	Thành viên
7	Ngô Thị Bích Ngọc	Phó trưởng Phòng TC-HC	Thành viên
8	Lê Thị Tuyết	Phó trưởng Phòng Đào tạo	Thành viên
9	Dương Thị Tuyết	Trưởng Bộ môn Giáo dục mầm non Khoa Sư phạm	Thành viên

(Danh sách ấn định gồm có 09 người)

Kế hoạch Tự đánh giá chương trình đào tạo giáo viên trình độ sư phạm năm học 2020-2021:

UBND TỈNH BẮC KẠN
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BẮC KẠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 08/KH-CĐBK

Bắc Kạn, ngày 04 tháng 02 năm 2021

KẾ HOẠCH

Tự đánh giá chương trình đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng sư phạm năm học 2020 - 2021

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

- Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

- Thông tư số 02/2020/TT-BGDĐT ngày 05/02/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng sư phạm và trung cấp sư phạm;

- Quyết định số 612/QĐ-CĐBK ngày 04/12/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bắc Kạn về việc kiện toàn Hội đồng và Ban thư ký Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng sư phạm năm học 2020-2021.

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Nâng cao nhận thức của cán bộ, nhà giáo, nhân viên và học sinh sinh viên trong toàn trường về tầm quan trọng của công tác tự đánh giá các điều kiện đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo giáo viên cao đẳng sư phạm.

- Thu thập, xử lý thông tin và minh chứng để chứng minh mức độ đạt được của nhà trường dựa trên cơ sở đối chiếu, so sánh với các yêu cầu trong hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình theo thông tư số 02/2020/TT-BGDĐT ngày 05/02/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Xây dựng, thực hiện và duy trì tốt các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng đã đạt được, đồng thời đề xuất biện pháp khắc phục những tiêu chí, tiêu chuẩn chưa đạt qua đó giúp trường hoạch định chiến lược phát triển các nguồn lực trong từng giai đoạn, tiến tới xây dựng trường vững mạnh toàn diện, khẳng định uy tín và thương hiệu của nhà trường.

- Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng sư phạm.

- Đăng ký kiểm định chất lượng vào năm 2021.

- Mục tiêu cụ thể: Phần đầu chương trình đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng sư phạm của Trường Cao đẳng Bắc Kạn năm 2020 - 2021 có ít nhất 85% số tiêu chí đạt yêu cầu.

2. Yêu cầu

- Đảm bảo đánh giá đầy đủ chương trình đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng của Nhà trường.

- Bắt buộc phải có sự tham gia của các đơn vị và cá nhân có liên quan trong Nhà trường.

- Đánh giá chương trình theo Thông tư số 02/2020/TT-BGDĐT ngày 05/02/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định và công văn số 765/QLCL-KĐCLGD ngày 21/5/2020 của Cục quản lý chất lượng.

- Đảm bảo trung thực, khách quan, đầy đủ minh chứng hợp lệ để chứng minh cho nhận định trong tự đánh giá chất lượng.

- Kết quả tự đánh giá phải được công khai trong nội bộ Trường Cao đẳng Bắc Kạn. Toàn bộ các minh chứng, tài liệu liên quan được lưu trữ tại Phòng QLKH&ĐBCL.

III. CÔNG CỤ TỰ ĐÁNH GIÁ

- Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp.

- Văn bản 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và kiểm định chất lượng giáo dục về việc Hướng dẫn tự đánh giá chương trình đào tạo.

- Thông tư số 02/2020/TT-BGDĐT ngày 05/02/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng sư phạm và trung cấp sư phạm.

- Công văn số 765/QLCL- KĐCLGD ngày 21/5/2020 của Cục quản lý chất lượng về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng CTĐT GV trình độ CĐSP và TCSP.

IV. QUY TRÌNH TỰ ĐÁNH GIÁ

Quy trình thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng sư phạm thực theo văn bản 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và kiểm định chất lượng giáo dục về việc Hướng dẫn tự đánh giá chương trình đào tạo, cụ thể như sau:

Bước 1: Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình và Ban thư ký giúp việc.

Bước 2: Lập kế hoạch tự đánh giá

Bước 3: Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng

Bước 4: Xử lý, phân tích các thông tin và minh chứng thu được

Bước 5: Viết báo cáo tự đánh giá

Bước 6: Các hoạt động sau khi hoàn thành đợt tự đánh giá như: Công bố nội dung Dự thảo và hoàn thiện Báo cáo tự đánh giá; Lưu trữ toàn bộ hồ sơ liên

quan và các thông tin minh chứng; Đơn vị thực hiện chương trình đào tạo chủ động, triển khai các kế hoạch hành động trong báo cáo tự đánh giá.

Bước 7: Báo cáo uỷ ban nhân dân tỉnh và Bộ Giáo dục và Đào tạo.

V. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

1. Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên trong Ban Giám hiệu

- Chịu trách nhiệm trước Đảng uỷ, BGH về công tác tự đánh giá tiêu chuẩn được phân công tại các đơn vị.

- Kiểm tra, giám sát, đôn đốc công tác tự đánh giá các tiêu chuẩn được phân công phụ trách tại các đơn vị

- Tham dự đầy đủ các buổi họp về công tác tự đánh giá các tiêu chuẩn được phân công phụ trách tại các đơn vị thực hiện TĐG và của Hội đồng TĐG nhà trường.

- Phân công phụ trách chỉ đạo việc thực hiện các tiêu chuẩn cụ thể như sau:

TT	Tiêu chuẩn phụ trách, chỉ đạo	Họ tên, chức vụ
1	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	- Bà Chu Thị Thuỷ (Phó Hiệu trưởng)
2	Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo	
3	Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo	
4	Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	
5	Tiêu chuẩn 5: Tuyển sinh và hỗ trợ người học	
6	Tiêu chuẩn 6: Đánh giá kết quả học tập của người học	
7	Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên và nhân viên	- Ông Bé Ngọc Tuấn (Phó Hiệu trưởng)
8	Tiêu chuẩn 8: Cơ sở vật chất và trang thiết bị	
9	Tiêu chuẩn 9: Bảo đảm và nâng cao chất lượng	
10	Tiêu chuẩn 10: Kết quả đầu ra	
11	Báo cáo tự đánh giá, danh mục minh chứng	- Ông Trịnh Tiến Long (Hiệu trưởng)

2. Phòng Thanh tra - Khảo thí & Đảm bảo chất lượng

- Là đơn vị thường trực cho Ban Giám hiệu trong công tác tự đánh giá của trường.
- Tham mưu cho Hiệu trưởng thành lập Hội đồng tự đánh giá và Ban thư giúp việc.
- Xây dựng kế hoạch thực hiện tự đánh giá trình Hiệu trưởng phê duyệt.
- Đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn các cá nhân, đơn vị liên quan thực hiện.
- Tổng hợp, phân loại thông tin, minh chứng theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí tự đánh giá. Thu thập bổ sung thông tin, minh chứng *(nếu cần thiết)*.
- Quản lý, duy trì cơ sở dữ liệu, thông tin, minh chứng về hoạt động tự đánh giá.

3. Hội đồng tự đánh giá chất lượng của Nhà trường

Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các cá nhân, đơn vị có liên quan tiến hành thực hiện công tác tự đánh giá theo chức năng, nhiệm vụ. Phân công các thành viên trong Hội đồng chỉ đạo các cá nhân, đơn vị thực hiện theo tiêu chuẩn, cụ thể như sau:

TT	Tiêu chuẩn phụ trách thực hiện	Họ tên, chức vụ
1	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	- Phan Thị Nguyệt Anh, Trưởng khoa Sư phạm
2	Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo	- Phan Thị Nguyệt Anh, Trưởng khoa Sư phạm - Lê Thị Tuyết, Phó trưởng Phòng Đào tạo
3	Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo	- Phan Thị Nguyệt Anh, Trưởng khoa Sư phạm - Lê Thị Tuyết, Phó trưởng Phòng Đào tạo
4	Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	- Phan Thị Nguyệt Anh, Trưởng khoa Sư phạm - Lê Thị Tuyết, Phó trưởng Phòng Đào tạo
5	Tiêu chuẩn 5: Tuyển sinh và hỗ trợ người học	- Ngô Đăng Thanh, Trưởng Phòng CT HSSV - Lê Thị Tuyết, Phó trưởng Phòng Đào tạo

6	Tiêu chuẩn 6: Đánh giá kết quả học tập của người học	- Lê Thị Tuyết, Phó trưởng Phòng Đào tạo
7	Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên và nhân viên	- Nguyễn Xuân Huệ, Trưởng Phòng TC-HC - Lê Thị Tuyết, Phó trưởng Phòng Đào tạo
8	Tiêu chuẩn 8: Cơ sở vật chất và trang thiết bị	- Lê Thị Minh Hạnh, Phó trưởng Phòng TC-HC - Dương Thị Tuyết, Trưởng Bộ môn Giáo dục mầm non Khoa Sư phạm
9	Tiêu chuẩn 9: Bảo đảm và nâng cao chất lượng	- Lê Văn Nhã, Phó trưởng Phòng PT Phòng Thanh tra – KT&ĐBCL - Lê Thị Tuyết, Phó trưởng Phòng Đào tạo - Dương Thị Tuyết, Trưởng Bộ môn Giáo dục mầm non Khoa Sư phạm
10	Tiêu chuẩn 10: Kết quả đầu ra	- Ngô Đăng Thanh, Trưởng Phòng CT HSSV
11	Báo cáo tự đánh giá, danh mục minh chứng	- Lê Văn Nhã, Phó trưởng phòng PT Phòng Thanh tra – KT&ĐBCL

4. Ban thư ký

Ban thư ký là bộ phận thường trực và giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá, có nhiệm vụ cụ thể như sau:

TT	Tiêu chuẩn	Công việc	Thành viên thực hiện
1	- Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra - Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo - Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	- Phân tích tiêu chí - Xác định thông tin, minh chứng - Thu thập minh chứng - Đánh giá tiêu chí - Viết báo cáo tiêu	- Nguyễn Thị Nương - Dương Thị Tuyết - Hoàng Thị Thuý Diệu - Ô Kim Duy

	- Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	chuẩn	
2	- Tiêu chuẩn 5: Tuyển sinh và hỗ trợ người học		- Lục Khánh Toại - Nông Thị Hiệp - Trần Hoàng
3	- Tiêu chuẩn 6: Đánh giá kết quả học tập của người học		- Hứa Văn Tùng - Vi Thị Thu
4	- Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên và nhân viên		- Nguyễn Thị Ngọc Hà - Hoàng Thị Thuý Diệu
5	- Tiêu chuẩn 8: Cơ sở vật chất và trang thiết bị		- Chu Thế Tuấn - Nguyễn Hồng Hạnh - Dương Thị Tuyết - Phùng Thị Liên - Hoàng Thị Hương
6	- Tiêu chuẩn 9: Bảo đảm và nâng cao chất lượng		- Nguyễn Thị Nương - Ô Kim Duy - Dương Thị Tuyết - Lưu Quỳnh Dương - Phùng Thị Liên
7	- Tiêu chuẩn 10: Kết quả đầu ra		- Nguyễn Thị Nương - Dương Thị Tuyết - Trần Hoàng
8	Báo cáo tự đánh giá, danh mục minh chứng	- Viết báo cáo - Tổng hợp minh chứng	- Nguyễn Thị Nương - Hoàng Thị Hương - Ô Kim Duy

VI. NỘI DUNG CÔNG VIỆC, THỜI GIAN THỰC HIỆN

(xem tại Biểu I)

VII. KINH PHÍ

- Kinh phí hoạt động tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo thực hiện theo quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường.

- Phòng Tổng hợp (bộ phận Kế toán) phối hợp với Phòng TTr-KT&ĐBCL chịu trách nhiệm xây dựng dự toán kinh phí và thanh quyết toán theo đúng quy định hiện hành.

Trên đây là Kế hoạch tự đánh giá chương trình đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng sư phạm năm học 2020-2021 của Trường Cao đẳng Bắc Kạn. Kế hoạch này có thể được xem xét điều chỉnh khi thấy cần thiết (việc phân công thực hiện các tiêu chuẩn) và được xem xét quyết định tại các cuộc họp của Ban Giám hiệu, Hội đồng tự đánh giá.

Công tác thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng là một trong những nhiệm vụ chính trị trọng tâm của Nhà trường năm học 2020 - 2021, là một trong những tiêu chí để xếp loại, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng đơn vị, cá nhân. Yêu cầu tất cả các cá nhân, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện nghiêm túc đảm bảo kế hoạch, chất lượng theo yêu cầu đề ra./.

Nơi nhận:

* *Gửi bản điện tử:*

- Ban Giám hiệu (chỉ đạo);
- Các phòng và Khoa Sư phạm (t/h);
- Thành viên Hội đồng TĐG, Ban thư ký (t/h).

* *Gửi bản giấy:*

- Hội đồng TĐG, phòng TTrKT&ĐBCL (Duy).

HIỆU TRƯỞNG



Trịnh Tiến Long

Biểu I: THỜI GIAN, NỘI DUNG THỰC HIỆN*(Kèm theo Kế hoạch số 08 /KH-CĐBK ngày 04 tháng 02 năm 2021)*

Thời gian	Các hoạt động	Phụ trách/thực hiện
Tháng 02/2021	- Họp Hội đồng tự đánh giá: - Công bố quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá; - Công bố Kế hoạch tự đánh giá đã được phê duyệt, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng. - Tập huấn về quy trình tự đánh giá và bộ tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT); - Dự thảo đề cương báo cáo tự đánh giá (dựa trên cơ sở tài liệu hướng dẫn của Bộ Giáo dục & Đào tạo và điều kiện cụ thể của đơn vị thực hiện CTĐT) - Phổ biến chủ trương triển khai tự đánh giá đến toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên tham gia thực hiện CTĐT. - Tổ chức hội thảo/hội nghị về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai tự đánh giá cho các thành viên Hội đồng và Ban thư ký	- Phòng TTrKT&ĐBCL - Hội đồng tự đánh giá
Tháng 3,4,5/2021	- Phân tích các tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng. - Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được. - Mô tả thông tin và minh chứng thu được.: Phân tích, lý giải nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu trong từng tiêu chí của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT. - Các thành viên Ban thư ký viết các báo cáo của từng tiêu chí được phụ trách (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết). - Các thành viên Hội đồng TĐG tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).	- Phòng TTrKT&ĐBCL - Hội đồng TĐG - Ban thư ký
Tháng 6/2021	- Họp Hội đồng tự đánh giá: - Xem xét các báo cáo của từng tiêu chuẩn, tiêu chí do các nhóm chuyên trách dự thảo; - Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá; - Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được; - Xác định các thông tin cần thu thập bổ sung: Thư ký Hội đồng tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn	- Phòng TTrKT&ĐBCL - Hội đồng TĐG - Khoa Sư phạm

	thành dự thảo báo cáo tự đánh giá CTĐT. 3. Hội đồng tự đánh giá CTĐT xem xét dự thảo báo cáo tự đánh giá và đề xuất những chỉnh sửa (nếu cần). 4. Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp với các đơn vị liên quan... để thảo luận về báo cáo tự đánh giá, xin ý kiến góp ý. 5. Công bố bản báo cáo tự đánh giá (đã chỉnh sửa sau góp ý của các đơn vị có liên quan). 6. Các bộ môn, phòng ban, viên chức, giảng viên, nhân viên, người học... đóng góp ý kiến phản biện về báo cáo tự đánh giá.	
Tháng 7/2021	1. Hợp Hội đồng tự đánh giá tiếp tục bổ sung và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá theo các ý kiến phản biện; 2. Hội đồng tự đánh giá CTĐT thông qua báo cáo tự đánh giá lần cuối và nộp báo cáo Hiệu trưởng xem xét, quyết định phê duyệt. 3. Gửi báo cáo tự đánh giá và công văn cho cơ quan chủ quản, Bộ Giáo dục và Đào tạo. 4. Phòng TTrKT&ĐBCL lưu trữ báo cáo tự đánh giá và các thông tin minh chứng theo thứ tự mã minh chứng đã ghi trong báo cáo tự đánh giá, sẵn sàng để hợp đồng với tổ chức KĐCLGD để thẩm định báo cáo tự đánh giá trước khi đánh giá ngoài.	- Phòng TTrKT&ĐBCL - Hội đồng TĐG
Tháng 8/2021	Mời đoàn đánh giá ngoài để đánh giá chương trình đào tạo giáo viên sư phạm của Nhà trường	- Ban Giám hiệu - Hội đồng TĐG - Phòng TTrKT&ĐBCL - Phòng TC-HC - Khoa Sư phạm

-----***-----